



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 64 - Số 688 / Kỳ II - 02/2025



**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA NGÀNH
THỐNG KÊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**



**VIỆT NAM
NÂNG CAO VỊ THẾ HƯỚNG TỚI
TRỞ THÀNH NỀN KINH TẾ THU NHẬP CAO**



**VIỆT NAM - ASEAN
DẤU ẤN BA THẬP KỶ SÁT CÁNH**



**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTTT VÀ MIỀN NÚI
TỈNH PHÚ THỌ**

Trường Tiểu học Hưng Long: THI ĐUA “DẠY TỐT - HỌC TỐT”



Khen thưởng các giáo viên đạt thành tích cao trong năm học 2023-2024

Trong năm học 2023 - 2024, dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Lập, trường Tiểu học Hưng Long đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, thi đua dạy tốt - học tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học, được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; nhiều giáo viên đạt các danh hiệu thi đua và thành tích cao trong công tác giảng dạy; có 20 em học sinh đạt giải cấp Tỉnh, 92 học sinh đạt giải cấp huyện. Số học sinh hoàn thành xuất sắc 155 em, hoàn thành chương trình lớp học 379 em, hoàn thành chương trình tiểu học 95/95 em.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động phát triển phẩm chất năng lực, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động, sân chơi trí tuệ nhằm phát huy tối đa phẩm chất, năng lực người học. Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi như: Câu lạc bộ Toán, Tiếng Việt, IOE, Câu lạc bộ Tiếng Anh, Trạng nguyên Tiếng Việt, tham gia các hoạt động, giao lưu do các cấp tổ chức. Kết quả số học sinh tham gia giao lưu CLB, sân chơi trí tuệ cấp huyện đoạt 92 giải (Trong đó, 01 Nhất, 16 giải Nhì, 17 giải Ba, 58 giải Khuyến khích), Cấp Tỉnh đoạt 20 giải

Năm học 2023-2024, trường Tiểu học Hưng Long (Yên Lập, Phú Thọ) có 492 học sinh với 17 lớp học. Ngay từ đầu năm học, trường Tiểu học Hưng Long đã tiếp thu, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của ngành Giáo dục; từ đó làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đến từng cán bộ viên chức, người lao động, các em học sinh thực hiện.

(Trong đó, 6 giải Nhất, 5 giải Nhì; 8 giải Ba và 01 giải Khuyến khích).

Trường Tiểu học Hưng Long đã khen thưởng kịp thời cho các giáo viên và học sinh có thành tích xuất sắc trong năm học 2023-2024, đây là nguồn động viên và khích lệ tinh thần cho các thầy, cô và các em học sinh tiếp tục phát huy và đạt nhiều thành tích hơn nữa trong năm học tới.

Bên cạnh đó, trường Tiểu học Hưng Long không ngừng đổi mới công tác quản lý giáo dục theo chỉ đạo của ngành Giáo dục, xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nội bộ,... công tác xã hội hóa giáo dục luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Ngoài ra, Nhà trường còn tích cực tham gia các phong trào như: Thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm học vừa qua, tin tưởng rằng năm học 2024-2025, thầy và trò trường Tiểu học Hưng Long sẽ phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đề ra, tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt để gặt hái nhiều thành công và thắng lợi mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương./.

Minh Hà



Trao giấy khen và phần thưởng cho các em học sinh đạt thành tích cao trong năm học 2023-2024

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN PHIẾU BẢNG KÊ HỘ VÀ TRANG TRẠI TRONG TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2025

Sáng ngày 17/2/2025, tại thành phố Đà Nẵng, Tổng cục Thống kê (TCTK) khai mạc Hội nghị tập huấn phiếu bảng kê hộ và trang trại trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Điều tra doanh nghiệp năm 2025. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến, Ủy viên Ban chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 chủ trì và chỉ đạo Hội nghị.



Tham dự Hội nghị tập huấn Phiếu bảng kê hộ và trang trại trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 có đồng chí Hồ Kỳ Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 Thành phố Đà Nẵng; Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương; lãnh đạo Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT; lãnh đạo Vụ Thống kê Nông, lâm nghiệp và thủy sản cùng đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị liên quan thuộc TCTK; lãnh đạo Cục và công chức phụ trách chuyên môn của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, Hội nghị tập huấn Phiếu bảng kê hộ và trang trại trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 là một nhiệm vụ quan trọng để chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 sắp tới.

Công tác lập bảng kê giúp bảo đảm việc lập danh sách chính xác các đơn vị điều tra. Chất lượng của bảng kê quyết định đến tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu thu thập.

Vì vậy, việc tổ chức hội nghị tập huấn này giúp trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, quy trình lập bảng kê, bảo đảm thực hiện đúng phương án điều tra và nâng cao chất lượng số liệu thu thập được.

Để Hội nghị đạt được hiệu quả cao nhất, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề nghị các đại biểu tham dự với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung lắng nghe, chủ động trao đổi, đặt câu hỏi và chia sẻ những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn; Các giảng viên truyền đạt đầy đủ, chính xác nội dung chuyên môn về công tác lập bảng kê; tích cực trao đổi, hướng dẫn cụ thể các tình huống thực tiễn có thể phát sinh.

Phát biểu chào mừng Hội nghị, đồng chí Hồ Kỳ Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng, bày tỏ sự vui mừng và vinh dự khi TCTK lựa chọn thành phố Đà Nẵng làm địa điểm tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ lập bảng kê Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Điều tra doanh nghiệp năm 2025 cấp tỉnh.

Theo Phó Chủ tịch Hồ Kỳ Minh, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 là căn cứ quan trọng để đánh giá thực trạng, phân tích xu hướng biến đổi,

xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nông thôn; nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung của chương trình, mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực nông thôn và nông, lâm nghiệp, thủy sản; phục vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nông thôn, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và cải thiện mức sống dân cư nông thôn trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo và chuyên viên Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT (Cục TTDL) giới thiệu Phương án Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025; quy trình thu thập thông tin Phiếu bảng kê hộ và bảng kê trang trại; Phiếu bảng kê hộ và bảng kê trang trại; Bảo vệ bí mật cá nhân trong điều tra thống kê; Hướng dẫn sử dụng trang web quản lý điều tra và sử dụng phần mềm CAPI; Thực hành phần mềm điều tra...

Dưới sự chủ trì của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, các đại biểu đã đặt câu hỏi, thảo luận sôi nổi về các tình huống phát sinh trong quá trình lập bảng kê và được các giảng viên Cục TTDL giải đáp chi tiết, đầy đủ.

Trong ngày làm việc đầu tiên, Hội nghị tập huấn Phiếu bảng kê hộ

và trang trại trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 đã hoàn thành tất cả các nội dung theo kế hoạch.

Ngày làm việc thứ hai 18/2/2025, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị tập huấn Điều tra doanh nghiệp năm 2025 và tập huấn Phiếu doanh nghiệp trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến tiếp tục chủ trì và chỉ đạo tại Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, Điều tra doanh nghiệp năm 2025 là điều tra mẫu thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, được thực hiện nhằm các mục đích: Phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương; Phục vụ tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) chính thức năm 2024, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế; Biên soạn "Sách Trắng doanh nghiệp năm 2025" và "Sách Trắng hợp tác xã năm 2025"; Cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp; Đáp ứng nhu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, so với phương án năm 2024, Điều tra doanh nghiệp năm 2025 có một số thay đổi, đó là: (1) Bổ sung phiếu số 5/DN-NNNT thu thập thông tin về hoạt động Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã nhằm phục vụ thu thập các thông tin của doanh nghiệp có hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) để tính toán các chỉ tiêu chung

của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. (2) Bổ sung Phiếu số 4/DN-IF nhằm thu thập thông tin về chi phí vận tải, chi phí bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu đối với 26 tỉnh, thành phố. (3) Bổ sung thu thập thông tin sản phẩm sản xuất công nghiệp đối với toàn bộ các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp tại 3 tỉnh Bắc Giang, Thanh Hóa và Long An nhằm thí điểm thu thập thông tin phục vụ chuyển đổi năm gốc 2025 của điều tra ngành công nghiệp hàng tháng.

Tại Hội nghị, các giảng viên là lãnh đạo và chuyên viên Cục TTDL, Vụ CNXD trình bày về các nội dung liên quan đến Điều tra doanh nghiệp 2025: Nội dung chính của Phương án điều tra; phiếu điều tra; quy trình chọn mẫu và quy trình kiểm tra dữ liệu vi mô; hướng dẫn kiểm tra và sử dụng các biểu tổng hợp để kiểm tra dữ liệu; hướng dẫn sử dụng phần mềm...

Sau phần trình bày của các giảng viên, dưới sự điều hành của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, Hội nghị đã dành thời gian để các đại biểu tham dự đưa ra câu hỏi liên quan đến những nội dung đã được tập huấn, cũng như chia sẻ và thảo luận về những đặc thù khi thực hiện điều tra tại các địa phương... Các nội dung thảo luận, các câu hỏi đưa ra của các đại biểu tham dự đã được lãnh đạo Vụ CNXD, lãnh đạo và các giảng viên Cục TTDL giải đáp chi tiết, rõ ràng và thỏa đáng.

Cũng tại Hội thảo, ông Mai Tùng Long, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chia sẻ về tình hình thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của doanh nghiệp và điều tra doanh nghiệp. Ông Long thông tin, năm 2025, Tổng cục Thống kê có kế hoạch tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp năm 2025 và Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025...

Kết luận Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao tinh thần làm việc nghiêm túc, hiệu quả của các đại biểu tham dự tập huấn cũng như các giảng viên. Đồng thời nhấn mạnh, Điều tra doanh nghiệp năm 2025 là một trong những cuộc điều tra khó của ngành Thống kê xét từ cả góc độ lý luận và thực tiễn triển khai. Vì vậy, để đảm bảo nắm bắt đầy đủ nghiệp vụ điều tra, sử dụng thành thạo và hiệu quả các phần mềm thu thập thông tin, phần mềm quản lý điều tra, Phó Tổng cục trưởng đề nghị Cục Thống kê tiếp tục hướng dẫn các giám sát viên, điều tra viên nghiên cứu kỹ nội dung phiếu hỏi; cách thức thu thập và ghi chép thông tin trong phần mềm điều tra để thực hiện đúng yêu cầu nội dung điều tra như Phương án và hội nghị tập huấn yêu cầu cũng như các nội dung theo quy định của cuộc điều tra.

Các Phòng Thu thập thông tin thống kê, Phòng thống kê kinh tế và các Phòng nghiệp vụ liên quan phân công chủ trì, phối hợp thực hiện đầy đủ các chức năng của trang web hệ thống quản lý điều tra để làm sạch số liệu, hiệu chỉnh mã ngành và so sánh biểu đầu ra với các nguồn thông tin khác nhằm đảm bảo chất lượng thông tin tốt. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp tại hội nghị tập huấn, Cục TTDL và các đơn vị liên quan tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn.

Cục TTDL chủ trì, đầu mối giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực hiện điều tra; chỉ đạo các Trung tâm tin học thống kê hoàn thiện các phần mềm điều tra ngay sau khi phát hiện các sai sót/bất cập. Bất cứ thay đổi nào cũng phải được thông báo và hướng dẫn Cục Thống kê thống nhất thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát điều tra cần được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, sát sao và đầy đủ./.

Thu Hường

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN CHUYÊN GIA CỦA QUỸ TIỀN TỆ QUỐC TẾ

Sáng ngày 13/02/2025, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tiếp đón và làm việc với Đoàn chuyên gia của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) về nội dung liên quan tới vai trò của TCTK trong công tác thống kê thuế (bao gồm biên soạn số liệu thống kê đầu vào và sử dụng số liệu thống kê thuế) và việc cung cấp thông tin cho IMF về Tài khoản quốc gia, Điều tra Lao động, Điều tra Mức sống hộ gia đình.

Tham dự buổi làm việc, về phía TCTK có Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu, đại diện lãnh đạo và công chức các đơn vị chuyên môn liên quan thuộc cơ quan TCTK. Về phía IMF có bà Thornton Matheson, Trưởng đoàn, Cố vấn về Hỗ trợ Kinh tế, Vụ Tài Khóa, cùng các chuyên gia kinh tế gồm: Bà Janet McCubbin, nguyên Giám đốc cơ quan phân tích Thuế, Bộ Tài Chính Mỹ; ông Jean-Francois Ruel, nguyên chuyên gia cao cấp Bộ Tài chính Canada, ông Ben Waltmann; cùng cán bộ Văn phòng đại diện IMF tại Việt Nam.

Thay mặt đoàn chuyên gia, bà Thornton Matheson, Trưởng đoàn cảm ơn sự tiếp đón nhiệt tình của Tổng cục Thống kê. Bà cũng chia sẻ IMF đang hỗ trợ Tổng cục Thuế xây dựng thống kê thuế, giúp Tổng cục Thuế phân tích, hỗ trợ hoạch định chính sách và nâng cao quản lý thuế. Để triển khai các mô hình phân tích, đánh giá tác động các chính sách thuế đến người dân, Đoàn chuyên gia IMF đã đề nghị phía Tổng cục Thống kê cung cấp và chia sẻ các dữ liệu quan trọng gồm: (i) Bảng Nguồn và Sử dụng (SUT) và bảng I/O của ngành Thuế;



(ii) Dữ liệu vi mô (thô) của Kết quả Điều tra khảo sát Mức sống hộ gia đình trong năm gần nhất.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của IMF đối với ngành Thống kê, đặc biệt, thời gian gần đây, IMF đang có nhiều dự án hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật, qua đó giúp cho TCTK hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong chương trình làm việc lần này, TCTK sẵn sàng hợp tác và cung cấp các dữ liệu, nhất là đối với các số liệu thống kê về thuế mà Đoàn quan tâm. Hiện nay, Tổng cục Thống kê và Tổng Cục Thuế đã có mối liên hệ, phối hợp rất chặt chẽ, tất cả các số liệu đều được nghiên cứu, chia sẻ và sử dụng hiệu quả. Tuy nhiên, việc cung cấp các số liệu cho các tổ chức nước ngoài cần tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân, phạm vi sử dụng.

Sau đó, hai bên thống nhất về các thủ tục cần thiết để đảm bảo tính pháp lý trong việc cung cấp dữ liệu, đồng thời cùng thảo luận và đi đến thống nhất về những dữ liệu phù hợp nhất với yêu cầu của các chuyên gia IMF. Hai bên cũng trao đổi về các đầu mối liên hệ

và cách thức truyền tải dữ liệu phù hợp. Nhân chương trình họp lần này, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu đề nghị các chuyên gia kinh tế của IMF đóng góp ý kiến về Bảng Nguồn và Sử dụng (SUT) và bảng I/O của ngành Thuế (với tư cách người sử dụng); đồng thời, tạo điều kiện để chuyên viên của TCTK được tham gia lớp đào tạo phân tích đánh giá tác động thuế tới mức tiêu dùng của người dân do IMF tổ chức.

Kết thúc buổi làm việc, Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu nhận định cách tiếp cận của Đoàn chuyên gia IMF về đánh giá tác động các chính sách thuế ở Việt Nam là rất khoa học. TCTK cam kết đồng hành với Đoàn chuyên gia trong quá trình sử dụng các bộ dữ liệu sắp tới, trong trường hợp cần trao đổi rõ hơn, TCTK luôn sẵn sàng trợ giúp Đoàn chuyên gia đạt kết quả tốt nhất. Bên cạnh đó, Tổng cục mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, cũng như những tham vấn về chuyên môn nghiệp vụ của IMF để nâng cao năng lực thống kê đáp ứng nhu cầu quốc tế và nâng cao hiệu quả các chính sách tài chính trong khu vực./.

Trịnh Long

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trần Thị Luyện

Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê - TCTK



Tổng cục Thống kê đang trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Để tránh khoảng trống pháp luật sau khi đi vào hoạt động theo tên gọi mới, cơ quan Thống kê Trung ương cần thực hiện một số công việc nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của ngành Thống kê.

Theo đó, cần rà soát, sửa đổi văn bản QPPL của ngành Thống kê chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, trong đó:

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản bãi bỏ hoặc thay thế Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Việc xây dựng văn bản thay thế cần thực hiện một cách khẩn trương; đồng thời bám sát định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm bảo đảm văn bản thay thế có hiệu lực ngay khi cơ quan Thống kê Trung ương hoàn thiện tổ chức và đi vào hoạt động.

Sửa đổi Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê và Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP. Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 100/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 95/2016/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt hành chính của “Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Chánh Thanh tra bộ,

cơ quan ngang bộ”. Tuy nhiên, khi hoàn thiện cơ cấu tổ chức của cơ quan Thống kê Trung ương, việc quy định như hiện nay không còn phù hợp. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, thay thế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để sau khi hoàn thiện việc sắp xếp tổ chức, cơ quan thống kê Trung ương có thể hoạt động bình thường, không bị gián đoạn. Đối với các văn bản này, có thể kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngoài những văn bản QPPL nêu trên, cơ quan Thống kê cần tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL theo lộ trình phù hợp. Trong một số trường hợp, có thể sử dụng biện pháp một văn bản được ban hành để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản QPPL.

Bên cạnh việc sửa đổi các văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ quan Thống kê cần tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các quy định của pháp luật Thống kê hiện hành trong mối quan hệ với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm chỉ ra hạn chế, bất cập, xung đột của pháp luật Thống kê với các pháp luật chuyên ngành khác, từ đó đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của ngành Thống kê./.

VIỆT NAM NÂNG CAO VỊ THẾ

HƯỚNG TỚI TRỞ THÀNH NỀN KINH TẾ THU NHẬP CAO

ThS. Cấn Thị Thùy Linh, ThS. Ngô Thị Luyến
Học viện Hành chính và Quản trị công

Việt Nam, từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu sau chiến tranh, đang vươn mình trở thành một trong những nền kinh tế năng động và phát triển nhanh chóng nhất khu vực Đông Nam Á. Từ đó, mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 không chỉ là khát vọng mà còn là động lực mạnh mẽ để Việt Nam tiếp tục đổi mới, cải cách và vươn tới những tầm cao mới.

Từ khóa: Kinh tế, thu nhập cao, tăng trưởng, quy mô, chính sách...

Abstract: Vietnam, from a poor, backward country after the war, is rising to become one of the most dynamic and rapidly growing economies in Southeast Asia. From there, the goal of becoming a high-income country by 2045 is not only an aspiration but also a strong motivation for Vietnam to continue to innovate, reform and reach new heights.

Keywords: Economy, high income, growth, scale, policy...

Thành tựu kinh tế củng cố vững chắc vị thế đất nước

Trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam đã, đang ghi dấu ấn mạnh mẽ trên bản đồ kinh tế thế giới với tốc độ tăng trưởng ấn tượng và những cải cách sâu rộng. Từ một nền kinh tế thu nhập thấp, Việt Nam từng bước hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao. Năm 1993, thu nhập bình quân Việt Nam đạt khoảng 170 USD, xếp thứ 172/178 trên thế giới. Đến năm 2023, thu nhập bình quân của Việt Nam, đạt khoảng 4.284,5 USD, xếp thứ 116

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

trên thế giới, tăng gấp hơn 24 lần, nhảy 56 bậc trên thế giới so với năm 1993. Khoảng cách thu nhập với các nước đã thu hẹp đáng kể. Đầu thập niên 1990, thu nhập đầu người của Singapore cao hơn 125 lần so với Việt Nam, thì năm 2018 chỉ còn 24 lần; Thái Lan từ gấp 16 lần còn 2,5 lần; Nhật Bản từ 267 lần còn khoảng 16 lần; Hoa Kỳ từ 252 lần xuống còn 25 lần; các nước OECD từ 184 lần xuống còn 16 lần và tiếp tục thu hẹp dần khoảng cách đến nay.

Đặc biệt, những năm gần đây, Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng

tổng sản phẩm (GDP) trung bình từ 6-7%, thuộc nhóm cao nhất thế giới. Thậm chí Việt Nam đã duy trì mức tăng trưởng dương ngay cả khi nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới tăng trưởng âm trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra cùng với những bất ổn kinh tế toàn cầu. Trong giai đoạn hậu đại dịch, Việt Nam đã chứng tỏ khả năng thích ứng và duy trì ổn định kinh tế nhờ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư công và khuyến khích tiêu dùng. Các ngành công nghiệp chủ chốt như sản xuất chế biến, công nghệ thông tin, xây dựng và dịch vụ tiếp tục đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP, giúp Việt Nam duy trì động lực phát triển.

Với chính sách mở cửa, môi trường kinh doanh thuận lợi cùng nguồn lao động dồi dào, Việt Nam trở thành thời nam châm hấp dẫn thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Nhiều tập đoàn lớn, công ty công nghệ cao chọn Việt Nam là điểm thiết lập cơ sở sản xuất, nhất là trong lĩnh vực điện tử, công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ. Việt Nam từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu bằng cách chuyển dịch từ gia công lắp ráp sang sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng; trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về điện tử, dệt may, giày dép, thủy sản và nông sản. Nền kinh tế với độ mở lớn cùng những thỏa thuận thương mại tự do (FTA) với khu vực và các nước như: RCEP, EVFTA, CPTPP, UKVFTA, CEPA... có phạm vi bao phủ 87% nền kinh tế toàn cầu đã giúp doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường, tận dụng ưu đãi thuế quan để nâng cao khả năng cạnh tranh và kim ngạch thương mại.

Nhờ đó, năm 2023, nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP đạt 5,05%, được thúc đẩy bởi sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Tiếp nối đà phục hồi và phát triển, năm 2024, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,09%, vượt mục tiêu 6-6,5% Quốc hội đặt ra; quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023, vượt mức dự báo 4.469 USD của CEBR.

Đáng chú ý, sau hơn 35 năm đổi mới, tỷ lệ nghèo đói ở Việt Nam đã giảm mạnh từ trên 50% xuống dưới 3%. Tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2024 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) ước khoảng 2,4%, giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2023. Đây là một thành tựu ấn tượng, thể hiện những nỗ lực to lớn của Đảng, Nhà nước và người dân trong công cuộc xóa đói giảm nghèo; được Liên Hợp Quốc và cộng đồng quốc tế đánh giá cao, đồng thời đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Thành công này đến từ sự kết hợp giữa chiến lược phát triển bền vững, thu hút đầu tư nước ngoài, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, giúp nền kinh tế đạt được mức tăng trưởng ấn tượng. Với những thành tựu đạt được, Việt Nam đã chứng minh được sức mạnh nội sinh của toàn dân tộc, được thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Trên Bảng xếp hạng liên minh kinh tế thế giới (WELT) năm 2024, Trung tâm dự báo, phân tích kinh tế độc lập CEBR của Anh đánh giá quy mô GDP của Việt Nam năm 2024 tăng 1 bậc so với

năm 2023 và đạt thứ hạng 34 trên thế giới. CEBR cũng dự báo đến năm 2029, GDP của Việt Nam sẽ đạt 676 tỷ USD, vượt con số 656 tỷ USD của Singapore.

IMF tiếp tục có những nhận định lạc quan về nền kinh tế Việt Nam khi dự báo quy mô nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt 506 tỷ USD trong năm 2025, đứng thứ 33 toàn cầu. Đến năm 2026, Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 4 trong nhóm ASEAN-6 về GDP bình quân đầu người với con số 6.140 USD/người, xếp sau Singapore, Malaysia và Thái Lan nhưng vượt qua Indonesia và Philippines. Nếu quy đổi theo sức mua tương đương (PPP) để so sánh sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, IMF cho biết, GDP tính theo PPP của Việt Nam năm 2024 đứng thứ 25/192 trên thế giới và có thể đạt khoảng 2.343 tỷ USD vào năm 2029. Nếu đạt được con số này, Việt Nam sẽ chính thức có mặt trong top 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới, sánh ngang với Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Indonesia, Đức, Nga, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Pháp, Mexico, Italia, Hàn Quốc, Ả Rập - Xê Út, Tây Ban Nha, Canada, Ai Cập và Bangladesh.

Động lực thúc đẩy Việt Nam sớm đạt được mục tiêu trở thành nền kinh tế thu nhập cao

Có thể nói, chính sách kinh tế linh hoạt và thích ứng, được coi là chìa khóa để Việt Nam vượt qua "cơn gió ngược", đạt tăng trưởng cao trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu cùng nhiều bất ổn và diễn biến khó lường. Tuy nhiên, GDP bình quân đầu người của Việt Nam hiện vẫn ở mức thấp so với khu vực. Năm 2023, Việt Nam xếp thứ 6 tại Đông Nam Á, đứng sau Singapore, Brunei, Malaysia, Thái Lan và Indonesia. Năm 2024, thứ hạng này chưa có gì thay đổi.

Do đó, Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa để có thể đạt được mục tiêu thu nhập cao.

Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao. Một số chỉ tiêu cụ thể như: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực Châu Á.

Năm 2025 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025,

có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, tạo nền tảng, tiền đề cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Để phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, hướng đến tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030 và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng 2 con số, cao hơn rất nhiều so với chỉ tiêu Quốc hội giao. Điều đó cũng đồng thời cho thấy quyết tâm của Việt Nam nhằm đạt mục tiêu trở thành nền kinh tế thu nhập cao trước năm 2045, bước vào nhóm các nền kinh tế lớn, tạo đà chinh phục các cột mốc kế tiếp. Những kết quả đạt được cho đến nay được kỳ vọng sẽ là nền tảng vững chắc để bước sang giai đoạn phát triển tiếp, hướng tới quốc gia có thu nhập trung bình cao năm 2030 và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 như Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định.

Công điện số 140/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong những ngày đầu năm yêu cầu phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tối thiểu 8% vào năm 2025, trong điều kiện thực hiện thuận lợi, phấn đấu

tăng trưởng 2 con số. Để hoàn thành thắng lợi mục tiêu trên, các Bộ, cơ quan, địa phương cần thực hiện quyết liệt, hiệu quả 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu đã đề ra tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ; trong đó: Tập trung xây dựng ngay kịch bản phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2025 của cả nước và từng địa phương ở mức hai con số; tiếp tục làm mới, đẩy mạnh hơn nữa các động lực tăng trưởng truyền thống, gồm: Đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu; tạo đột phá, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới; đồng thời, tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho phát triển, khai thác hiệu quả nguồn lực từ doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân; cùng sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, các Bộ, cơ quan, địa phương.

Bên cạnh đó, để đạt được mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao, cần đặt trọng tâm phát triển vào các yếu tố mang tính quyết định như: Chuyển đổi số và công nghiệp 4.0, phát triển hạ tầng và đô thị hóa, tiếp tục triển khai các chính sách phát triển bền vững. Đồng thời, thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả các giải pháp gồm:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tập trung vào đào tạo lao động chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành công nghệ, kỹ thuật, tài chính và dịch vụ. Cải cách hệ thống giáo dục theo hướng thực tiễn hơn, thúc đẩy hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng



phù hợp với thị trường lao động. Khuyến khích nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng lực sáng tạo và cải thiện năng suất lao động; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sáng tạo và đổi mới.

Thứ hai, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững: Phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên phát triển các ngành kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bảo vệ môi trường; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; phát triển năng lượng tái tạo, giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia: Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, minh bạch hóa chính sách để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; thực hiện mạnh mẽ cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, tăng cường tiêu dùng trong nước thông qua chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất hàng hóa chất lượng cao, có giá trị gia tăng. Thúc đẩy xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm Việt Nam, giúp doanh nghiệp nội địa nâng cao vị thế và mở rộng thị phần cả trong và ngoài nước. Đầu tư mạnh vào nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ để tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, giảm phụ thuộc vào các ngành xuất khẩu truyền thống; gia tăng sự chủ động trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Việt Nam đang có cơ hội lớn để trở thành nền kinh tế thu nhập cao trong những thập kỷ tới. Tầm nhìn và định hướng phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2045 không chỉ mang tính chiến lược mà còn cần có sự chung tay thực hiện đồng bộ của cả đất nước. Có như vậy, mới có thể hiện thực hóa giấc mơ một nền kinh tế hùng cường, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên bản đồ thế giới./.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật;

2. Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2023, 2024. Tổng cục Thống kê.

Năm 2024 khép lại với điểm sáng là hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa có sự phục hồi mạnh mẽ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm vừa qua đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD. Trong đó riêng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa xác lập kỷ lục mới, đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2023.

Trong năm 2024 có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,0% là: Điện tử, máy tính và linh kiện; Điện thoại các loại và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; Hàng dệt may; Giày dép, Gỗ và sản phẩm gỗ; Phương tiện vận tải và phụ tùng; Thủy sản. Hầu hết các thị trường xuất khẩu phục hồi và tăng trưởng tốt, các thị trường đã kí kết FTA với Việt Nam đều đạt tăng trưởng cao. Cả khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực doanh nghiệp FDI đều ghi nhận tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu. Đáng nói, xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước năm vừa qua phục hồi tốt, minh chứng là giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước đạt 114,59 tỷ USD, tăng 19,8%, cao hơn mức tăng trưởng của khu vực FDI (12,3%).

Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam có sự bứt phá là nhờ sự tổng hòa của nhiều yếu tố. Đó là chính sách, sự điều hành của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu đã phát huy hiệu quả tốt. Công tác xây dựng thể chế, cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh đã tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, phát triển dịch vụ logistics, từ đó thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại biên giới. Bên cạnh đó là nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo nguồn hàng, tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nhằm tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 được nhận định đối diện với nhiều rủi ro, khó đoán định. Cuộc khủng hoảng tại Trung Đông đã và đang làm cho vận tải hàng hóa trên thế giới và của Việt Nam bị ảnh hưởng.

Hy vọng

VỀ VỤ MÙA BỘI THU XUẤT KHẨU NĂM 2025

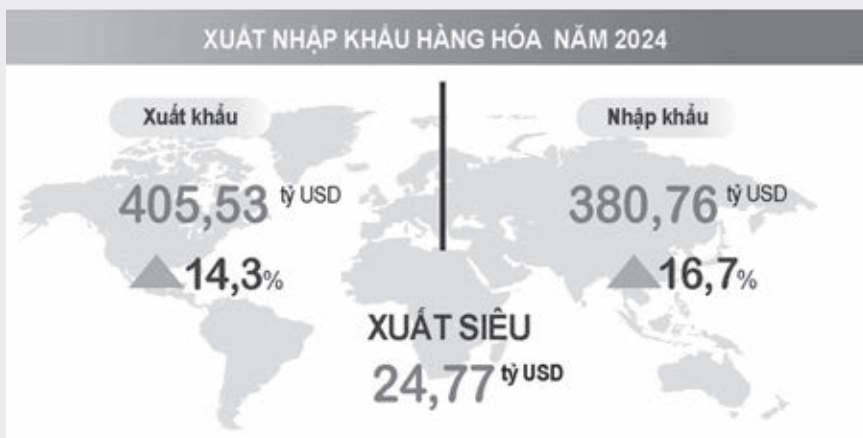
ThS. Trần Phương Thảo - ThS. Phạm Thị Thu Hiền
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Năm 2024, hoạt động xuất khẩu Việt Nam phục hồi mạnh mẽ và xác lập kỷ lục mới, đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2023. Hy vọng rằng năm 2025 chúng ta lại có một vụ mùa bội thu về kim ngạch xuất khẩu, góp phần tạo một nền móng vững chắc cho kỷ nguyên mới của dân tộc.

Từ khóa: Xuất khẩu, kim ngạch, tăng trưởng, cơ hội, xúc tiến, mở rộng

Abstract: In 2024, Vietnam's export activities recovered strongly and set a new record, reaching 405.53 billion USD, an increase of 14.3% compared to 2023. Hope that in 2025 we will have another bumper harvest in export turnover, contributing to laying a solid foundation for a new era of the nation.

Keywords: Export, turnover, growth, opportunity, promotion, expansion



Cùng với đó là xu hướng áp dụng phòng vệ thương mại nhiều hơn do chính sách bảo hộ gia tăng. Các thị trường phát triển như EU chú trọng đến phát triển bền vững, hiện đã và đang đưa ra nhiều quy định mới như Cơ chế điều chỉnh carbon, Quy định chống phá rừng châu Âu,... có tác động đáng kể đến một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực

của nước ta. Hay như Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới và là thị trường xuất khẩu chủ chốt của hàng loạt quốc gia - công bố kế hoạch áp thuế với hàng loạt quốc gia đang làm rung chuyển nền thương mại toàn cầu, trong đó Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Tuy nhiên, trong nguy có cơ, các chuyên gia phân tích hoạt động

xuất nhập khẩu năm 2025 dự báo cũng sẽ gặp nhiều thuận lợi bởi tình hình kinh tế thế giới khả quan hơn khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã đưa ra những thông điệp ngừng tăng lãi suất. Vấn đề hàng tồn kho cao tại các thị trường cũng đang dần được khắc phục, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu chủ lực đã gặp những khó khăn trong năm 2023 như EU và Hoa Kỳ.

Thực tế cho thấy, hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn ngay từ tháng khởi đầu của năm 2025. Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2025 chỉ đạt 33,09 tỷ USD, giảm 6,9% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,49 tỷ USD, giảm 11,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,6 tỷ USD, giảm 5,0%.

So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một giảm 4,3%, trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm 0,9%, chiếm 28,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 5,5%, chiếm 71,3%.

Trong bối cảnh nhiều yếu tố biến động khó lường ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, Bộ Công Thương vẫn quyết tâm, nỗ lực cao thực hiện mục tiêu đã đặt ra là tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt khoảng 12% so với năm 2024.

Để đạt mục tiêu xuất khẩu tăng 12% trong năm 2025, với vai trò là cơ quan chủ trì trong quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương đã sớm nhận diện những khó khăn, rủi ro từ các thị trường xuất khẩu để tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu. Thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng tối đa dư địa xuất khẩu do các FTA mang lại, nhất là các FTA thế hệ mới để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường lớn, chủ lực, tăng cường khai thác các thị trường mới, tiềm năng, thị trường Trung Đông Halal, Mỹ La-tinh, châu Phi.

Quy tắc xuất xứ là công cụ giúp hàng hóa Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan tại các thị trường FTA, nhưng đây cũng là yếu tố có thể vô hiệu hóa lợi ích thuế quan nếu hàng hóa không đáp ứng xuất xứ. Do đó, Bộ Công Thương sẽ tích cực hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua các rào cản thương mại mới tại các thị trường nhập khẩu, thông qua việc thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài, nhất là các quy định tiêu chuẩn điều kiện có thể tác động đến hoạt động xuất, nhập khẩu

của Việt Nam; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định cam kết quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa.

Cùng với đó, trong năm nay, Bộ sẽ đảm bảo tiến độ đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), phiên bản 3.0, đàm phán FTA ASEAN - Canada (ACAFTA), FTA Việt Nam - Khối EFTA và khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt trong nước để hiệp định có hiệu lực. Hiện Bộ Công Thương cũng đã và đang hoàn thiện Đề án xây dựng Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.

Đồng thời, ngành Công Thương tiếp tục tăng cường công tác xúc tiến thương mại tại các thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu. Khởi đầu năm mới, vừa qua ngành Công Thương đã hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại tại các sự kiện lớn như: Hội chợ Ambiente Frankfurt 2025 diễn ra tại Frankfurt - Cộng hòa Liên bang Đức từ ngày 7-11/2/2025 với sự tham gia của gần 60 doanh nghiệp Việt Nam là Minh Long, Kim Giang Handicraft, Quang Vinh Ceramic, Thang Long Craft và Đức Thành Wood...; Hội chợ Thủ công Mỹ nghệ Quốc tế Surajkund lần thứ 38, diễn ra từ ngày 7-23/2/2025 tại Ấn Độ...

Về phía cộng đồng doanh nghiệp, các doanh nghiệp cũng đang ngày một chủ động, thích ứng tốt hơn với bối cảnh thị trường toàn cầu biến động nhanh, khó lường và chúng ta cũng đón nhận nhiều tín hiệu báo hiệu cho một năm xuất khẩu khởi sắc.

Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cho biết đã đón nhận

những đơn “mở hàng” ngay trong những ngày đầu tiên của năm mới” và có lượng đơn hàng khá dồi dào cho năm 2025. Theo thông tin từ Hiệp hội dệt may Việt Nam, hiện nay các doanh nghiệp trong ngành đã có đơn hàng đến hết quý II năm nay. Hiệp hội Da giày-Túi xách Việt Nam cũng cho biết một số doanh nghiệp lớn đã ký được hợp đồng đến giữa năm 2025.

Một tin vui khác là ngày 06/2/2025 mới đây, tại Móng Cái, Quảng Ninh đã diễn ra Lễ ký kết nghiệm thu bàn giao nhà làm việc, trang thiết bị phòng thí nghiệm nông sản và thực phẩm (CCIC) tại cửa khẩu cầu Bắc Luân II, bảo đảm hàng hóa kiểm nghiệm đạt chuẩn của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc thuận lợi thông quan, tránh những tổn thất không đáng có. Đây được đánh giá là tin rất vui đối với hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh nông sản Việt Nam đang phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn của thị trường.

Hay như từ cuối năm 2024, dự án Công viên logistics Viettel có diện tích 143 ha tại Lạng Sơn, giáp biên giới Trung Quốc của một doanh nghiệp lớn trong ngành logistics Việt Nam là Viettel Post đi vào hoạt động, sẽ giải quyết bài toán ùn tắc hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc, đặc biệt là nông sản, đồng thời rút ngắn thời gian thông quan từ 3-4 ngày xuống chỉ còn 24 giờ. Nhờ đó, các mặt hàng nông sản như thanh long, dưa hấu giờ đây có thể xuất khẩu nhanh chóng và an toàn, giúp nông dân giảm thiểu thiệt hại do "tắc biên".

Hy vọng rằng năm 2025 chúng ta lại có một vụ mùa bội thu về kim ngạch xuất khẩu, góp phần tạo một nền móng vững chắc cho kỷ nguyên mới của dân tộc./.

Công nghiệp ICT Việt Nam

GHI DẤU ẤN ĐẬM NÉT TRÊN BẢN ĐỒ CÔNG NGHỆ THẾ GIỚI

TS. Đỗ Ngọc Trâm
Học viện Ngân hàng

Ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam đang chứng kiến giai đoạn phát triển mạnh mẽ với những bước tiến vượt bậc. Sự phát triển này không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước mà còn giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp vào các xu hướng công nghệ mới, mở ra cơ hội lớn, đồng thời khẳng định vị trí và sức mạnh đất nước trên bản đồ công nghệ thế giới.

Từ khóa: Công nghệ số, ICT, doanh nghiệp, xuất khẩu...

Abstract: Vietnam's information and communications technology (ICT) industry is witnessing a period of strong development with great progress. This development not only contributes to the country's economic growth but also helps Vietnam improve its competitiveness, contribute to new technology trends, open up great opportunities, and affirm its position on the world technology map.

Keywords: Digital technology, ICT, business, export...

Bước tiến vượt bậc đem lại nguồn lực mạnh mẽ cho tăng trưởng

Trong năm 2024, lĩnh vực phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) của Việt Nam trong bức tranh tổng thể công nghiệp ICT ghi nhận những bước tiến mới. Trong 5 năm qua, số lượng doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đã tăng 50%. Với hơn 74 nghìn doanh nghiệp công nghệ số, Việt Nam hiện thuộc nhóm các quốc gia có tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/đầu dân cao nhất trong các nước đang phát triển. Sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam được tạo nền tảng từ việc sở hữu, phát triển, ứng dụng những công cụ công nghệ tiên tiến và phát triển

được lực lượng chuyên gia, kỹ sư CNTT xuất sắc.

Nổi bật trong số đó là sự phát triển mạnh mẽ của các công ty công nghệ Việt như: FPT Software, TMA Solutions, CMC Technology, VNG... Đáng chú ý, FPT Software - một trong những công ty công nghệ lớn nhất Việt Nam, đã trở thành đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn công nghệ quốc tế như: Microsoft, Oracle, và SAP, NVIDIA... đồng thời đã mở rộng quy mô hoạt động tại nhiều quốc gia, từ các cường quốc Nhật Bản, Mỹ đến các nước khu vực Đông Nam Á.

Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp dịch vụ gia công phần mềm, các doanh nghiệp Việt Nam đang dần chuyển mình sang các lĩnh vực

công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), và blockchain. Những sản phẩm và giải pháp công nghệ này không chỉ giúp các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn giúp Việt Nam trở thành một trung tâm xuất khẩu dịch vụ CNTT toàn cầu.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT), năm 2024, doanh thu toàn ngành TT&TT ước đạt 4.243,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2023, đóng góp vào GDP ước đạt trên 989 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu ngành công nghiệp ICT ước đạt 3.878,3 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 151,86 tỷ USD, tính theo tỷ giá 25.538,77 đồng/USD),

tăng 11,2% so với năm 2023 (137 tỷ USD). Chỉ sau 5 năm kể từ năm 2020, tỷ lệ giá trị Việt Nam/doanh thu lĩnh vực công nghiệp ICT đã tăng từ 20% lên khoảng 31,8%, tăng 3,1 điểm % so với năm 2023 và mục tiêu đặt ra sẽ đạt trên 50% vào năm 2030.

Cùng với sự phát triển của lĩnh vực phần mềm, ngành công nghiệp phần cứng và thiết bị điện tử cũng đã có những bước phát triển đáng kể trong năm 2024. Việt Nam hiện đang là một trong những quốc gia dẫn đầu về sản xuất và xuất khẩu điện thoại di động, linh kiện điện tử và thiết bị công nghệ.

Các thương hiệu lớn như Samsung, LG, Intel... tin tưởng chọn Việt Nam làm trung tâm sản xuất chiến lược, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu về sản xuất điện thoại thông minh và thiết bị điện tử trên thế giới. Samsung, với các nhà máy tại Bắc Ninh và Thái Nguyên, hiện đang chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng điện thoại di động toàn cầu, đặc biệt là

trong phân khúc điện thoại thông minh. Bên cạnh đó, nhiều công ty trong nước cũng đã tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ sản xuất linh kiện điện tử mà còn đang dần chuyển mình sang các công đoạn giá trị gia tăng cao hơn như lắp ráp và phát triển thiết bị công nghệ thông minh, điện thoại, máy tính bảng và các sản phẩm điện tử tiêu dùng khác.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2024, các sản phẩm điện tử, điện thoại, máy tính và linh kiện dẫn đầu trong số các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất cả nước, chiếm trên 30% tỷ trọng tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của quốc gia. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đạt 72,58 tỷ USD, tăng 26,6% so với năm 2023; kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện đạt 53,89 tỷ USD, tăng 2,9%.

Cũng trong năm 2024, chuyển đổi số tiếp tục là một trong những xu hướng chính trong phát triển công nghiệp ICT Việt Nam. Nhận thức rõ tầm quan trọng

của chuyển đổi số, Chính phủ thường xuyên đẩy mạnh các chính sách, chiến lược hỗ trợ. Một trong những bước đi quan trọng là việc xây dựng nền tảng số quốc gia, trong đó có việc phát triển các hệ sinh thái công nghệ thông tin để phục vụ cho các dịch vụ công. Chính phủ đã triển khai các ứng dụng công nghệ cao trong quản lý hành chính công, y tế, giáo dục, và giao thông, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo ra một môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Qua đó, đem lại cơ hội to lớn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ (tech startup). Các startup Việt đang ngày càng trở nên năng động và sáng tạo, đặc biệt là trong các lĩnh vực như: Tài chính (fintech), công nghệ giáo dục (edutech), công nghệ y tế (healthtech) và thương mại điện tử (e-commerce). Với sự hỗ trợ từ các quỹ đầu tư và các chương trình tăng tốc khởi nghiệp, các startup Việt đã và đang thu hút sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư quốc tế, góp phần tạo ra những giải pháp công nghệ thay đổi thị trường.

Ngoài ra, Việt Nam còn chú trọng phát triển các nền tảng công nghệ tiên tiến như blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), và dữ liệu lớn (Big Data). Các công ty trong nước đang tích cực nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ này vào trong các lĩnh vực tài chính, logistics, nông nghiệp và sản xuất.

Dấu ấn Việt Nam trên bản đồ công nghệ thế giới

Những thành tựu nổi bật trong năm 2024 không chỉ thúc đẩy Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực ICT mà còn khẳng định vị thế của mình trên bản đồ công nghệ thế giới. Các công ty Việt Nam không chỉ tham gia vào



chuỗi cung ứng toàn cầu mà còn đóng góp vào sự phát triển của các công nghệ mới như AI, blockchain và 5G. Không dừng lại ở lắp ráp, gia công, những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp đã xây dựng và phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Việt có giá trị cao, để lại dấu ấn sâu sắc trên bản đồ công nghệ thế giới.

Để thúc đẩy kinh tế số, ngay từ năm 2019, Việt Nam chính thức thành lập cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số với sứ mệnh "Make in Vietnam": Nghiên cứu tại Việt Nam, sáng tạo tại Việt Nam, làm ra tại Việt Nam; và đạt được thành tựu vượt bậc chỉ trong vòng 5 năm. Thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, trong năm 2024, giá trị Việt Nam trong tổng doanh thu lĩnh vực công nghiệp ICT tăng mạnh và hiện đạt khoảng 1,16 triệu tỷ đồng (hơn 45,5 tỷ USD). Riêng doanh thu CNTT đạt 248.000 tỷ đồng. Giá trị Việt Nam tạo ra trong doanh thu của các doanh nghiệp FDI là khoảng 486.000 tỷ đồng (19 tỷ USD).

Với chiến lược Make in Vietnam, các doanh nghiệp cần sáng tạo nhiều hơn, thiết kế nhiều hơn, nhờ vậy phát huy trí tuệ, khả năng sáng tạo trong việc giải quyết các bài toán lớn của đất nước, và từ đây đi ra toàn cầu. Do đó, giá trị gia tăng tại Việt Nam vì thế cũng sẽ cao hơn so với việc chỉ đơn thuần là gia công, lắp ráp. Theo số liệu tổng hợp, tính đến hết năm 2024, có gần 1.900 doanh nghiệp công nghệ số có doanh thu từ thị trường nước ngoài, tăng 26,67% so với năm 2023, với tổng doanh thu khoảng 11,5 tỷ USD, tăng 53,3% so với năm 2023, trong đó đã hình thành được một số doanh nghiệp phần mềm lớn có khả năng cạnh tranh, cung cấp dịch vụ

cho các thị trường hàng đầu thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu...

Khởi nguồn từ gia công phần mềm, các doanh nghiệp Việt Nam đã dần chuyển mình, vươn tới những lĩnh vực sáng tạo và công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn. Nhiều doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đã "vươn khơi" và gặt hái những kết quả đáng ngưỡng mộ. Một trong những dấu ấn lớn nhất là Việt Nam đã có doanh nghiệp đạt doanh thu trên 1 tỷ USD từ thị trường quốc tế là FPT Software, tăng trưởng 27%. Qua đó, mở ra cơ hội lớn, bắt đầu cho làn sóng đối tác lớn toàn cầu tìm đến Việt Nam để hoàn thiện và đa dạng chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, còn phải kể đến những điển hình tiêu biểu cho sự thành công của chiến lược Make in Vietnam như: Viettel - từ một đội quân lao động sản xuất của quân đội đã trở thành tập đoàn công nghệ toàn cầu với sứ mệnh quốc gia, là nhà mạng duy nhất trên thế giới sản xuất được thiết bị viễn thông, đưa Việt Nam trở thành 1 trong 6 quốc gia đầu tiên trên thế giới làm chủ công nghệ 5G. Ở mảng công nghiệp nội dung số, Sconnect hiện là một trong những công ty Việt Nam tiên phong trong việc sản xuất các nội dung hoạt hình trên nền tảng YouTube, hướng tới người xem là đối tượng trẻ em tại thị trường nước ngoài.

Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các công ty công nghệ quốc tế muốn mở rộng hoạt động tại Đông Nam Á. Các tập đoàn lớn như Google, Facebook và Amazon đang tích cực tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác tại Việt Nam. Ngoài ra không thể không nhắc đến hợp tác gần đây của Việt Nam với "người khổng lồ công nghệ" NVIDIA, với hứa hẹn đưa công nghệ Việt Nam phát triển

chú trọng về chất. Đồng thời, chính phủ cũng đang tiếp tục thúc đẩy các chính sách hỗ trợ ngành công nghiệp ICT, đặc biệt trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng số và tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty công nghệ phát triển.

Trong quá trình định hình phát triển, mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể, ngành công nghiệp ICT Việt Nam cũng đối mặt với không ít thách thức. Một trong những thách thức lớn nhất là thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao như AI, dữ liệu lớn và blockchain. Để công nghiệp ICT Việt Nam ghi dấu ấn đậm nét hơn nữa trên bản đồ công nghệ thế giới, các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, từ chính sách của Chính phủ đến sự phát triển của các doanh nghiệp. Cần tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp công nghệ trong việc đầu tư vào nghiên cứu, phát triển sản phẩm và công nghệ mới. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng cách phát triển mạnh mẽ các chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning), dữ liệu lớn (big data) và blockchain. Thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao trong các ngành khác để nâng cao giá trị gia tăng trong các lĩnh vực như nông nghiệp, y tế, giáo dục, sản xuất... Xây dựng cơ sở hạ tầng ICT hiện đại, đầu tư vào cơ sở hạ tầng internet và viễn thông, phát triển các trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây. Khuyến khích sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tăng cường bảo mật thông tin, phát triển các giải pháp an ninh mạng trong nước; thúc đẩy ứng dụng và phát triển AI và các công nghệ mới.../.

Công nghệ

TRONG ĐỊNH HÌNH NGUỒN NHÂN LỰC



ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh
 Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của công nghệ đang làm thay đổi nhiều ngành nghề và xuất hiện thêm nhiều công việc mới, đòi hỏi doanh nghiệp, người lao động và các cơ sở giáo dục đào tạo phải thay đổi để thích ứng, từ đó giúp Việt Nam có thể tăng lợi thế cạnh tranh và tận dụng những cơ hội cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư (CMCN 4.0) mang lại.

Từ khóa: Nhân lực, công nghệ cao, công nghiệp, Việt Nam...

Công nghệ định hình nguồn nhân lực

Trong thực tế, tác động của CMCN 4.0 và sự ra đời của các công nghệ mới đã hình thành nhiều ngành nghề mới, trong đó các ngành nghề về công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ kỹ thuật điện, công nghệ sinh học và dịch vụ... đang tạo ra sự tương tác giữa con người với máy móc. Ngoài ra, loại hình công việc lao động chân tay chính xác hay những công việc có tính chất lặp đi, lặp lại trước tác động của cuộc CMCN 4.0 cũng đang dần được các robot và máy móc thay thế.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trong những năm gần đây đã làm công việc thay đổi rõ rệt và nhanh chóng. Thông qua ứng dụng công nghệ, nhiều lao động có thể thực hiện được các phần việc trước đây chưa từng làm, nhiều lĩnh vực trong sản xuất đã sử dụng các ứng dụng AI để thay thế con người thực hiện nhiều công việc phức tạp và cũng đã tạo ra nhiều việc làm mới.

Trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, tự động hóa và AI hiện đang là xu hướng diễn ra

mạnh mẽ với việc sử dụng phổ biến hơn robot trong các dây chuyền sản xuất, kho vận và các ứng dụng AI để thay thế con người thực hiện nhiều công việc phức tạp như: Chatbot, dịch vụ khách hàng, chuẩn đoán y khoa, kiểm soát chất lượng...

Trong đại dịch Covid-19, hình thức làm việc từ xa (WFH) cũng đã xuất hiện. Hình thức này nhanh chóng được nhiều người lao động tiếp nhận và mang lại hiệu quả. Theo khảo sát của PwC vào năm 2023, khoảng 8% người được hỏi mong muốn WFH hoàn toàn; 74% mong muốn kết hợp làm việc tại văn phòng và WFH; còn lại là những người làm việc hoàn toàn tại văn phòng. Thay đổi hình thức làm việc theo WFH đã tác động tới người lao động cần phải trang bị kỹ năng mới, sử dụng công cụ thông tin nhiều hơn. Các doanh nghiệp cũng cần quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề an toàn, an ninh bảo mật dữ liệu. Cũng trong đại dịch Covid-19, nhiều ngành nghề mới ra đời, trong đó phải kể tới sự phát triển thương mại điện tử đã làm thay đổi thị trường bán lẻ; các ứng dụng đặt xe thay đổi

ngành vận tải hành khách; các nền tảng trực tuyến thay đổi lĩnh vực giải trí... Những thay đổi này kéo theo thị trường lao động có nhu cầu nhân sự lớn như các vị trí làm khoa học dữ liệu, kỹ sư dữ liệu lớn, chuyên gia an toàn thông tin, chuyên gia marketing số (streamer)...

Đứng trước xu hướng phát triển mạnh mẽ của công nghệ để sử dụng và vận dụng được công nghệ cũng như đáp ứng tốt công việc mới, đòi hỏi người lao động phải không ngừng nâng cao trình độ, làm chủ được công nghệ, vận hành máy móc, dây chuyền sản xuất. Theo dự báo của Tổ chức Lao động Quốc tế (2019), trong 10 năm tới, Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự thay thế lao động khi ứng dụng công nghệ số. Theo đó, có tới 70% số việc làm ở mức rủi ro cao (có xác suất bị thay thế trên 70%), 18% có rủi ro trung bình (có xác suất bị thay thế từ 30-70%) và 12% có rủi ro thấp (có xác suất bị thay thế dưới 30%). Dự báo này cho thấy tác động của ứng dụng công nghệ số đối với việc làm góp phần định hình lao động trong tương lai.

Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ (theo Quyết định số 749/QĐ-TTg), xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng kinh tế số sẽ là xu hướng chủ đạo, do đó vai trò trọng tâm của nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ ngày càng trở nên cần thiết.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao

Theo các chuyên gia, một trong những thách thức để Việt Nam đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, đó chính là nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ cao. Do đó, Việt Nam cần có chiến lược bài bản, dài hạn phát triển nguồn nhân lực này để đáp ứng các ngành công nghiệp mới nổi trong bối cảnh công nghiệp 4.0 đang bùng nổ trên toàn cầu.

Chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 của Việt Nam nêu rõ: "Tăng cường đào tạo kiến thức về KHCN, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM/STEAM. Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học".

Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 6/6/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao cho thấy, trong 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 37, việc đổi mới chương trình, nội dung đào tạo nhân lực có tay nghề cao

đã đạt nhiều kết quả quan trọng: Về tuyển sinh, đào tạo, số lượng tuyển sinh giai đoạn 2014-2023 đạt 21 triệu 238 nghìn người, trong đó trình độ cao đẳng đạt 1,716 triệu người (chiếm 8,1%), trình độ trung cấp đạt 2,4 triệu người (chiếm 11,6%). Quy mô đào tạo tăng góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của cả nước năm 2023 đạt 27,6%.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được đẩy mạnh cả về quy mô và đa dạng hóa về nội dung, hình thức. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, nhiều nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng ở những nước tiên tiến. Giáo viên, học sinh, sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, từng bước quốc tế hóa tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

Theo Tổng cục Thống kê, trong năm 2023, cả nước hiện có khoảng 20 trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo địa phương và các trung tâm thuộc các cơ quan, đoàn thể Trung ương; hơn 1.400 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có hơn 200 khu làm việc chung, 79 cơ sở ươm tạo và hàng trăm quỹ đầu tư; hơn 170 trường đại học tổ chức hoạt động khởi nghiệp với 43 vườn ươm. Theo công bố của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), chỉ số GII của Việt Nam năm 2023 xếp hạng thứ 46/132 quốc gia, nền kinh tế trên toàn thế giới, tăng 2 bậc so với năm 2022; Trong khu vực ASEAN, chỉ số GII của Việt Nam đứng thứ 4, xếp hạng sau Xin-ga-po (xếp hạng 5), Ma-lai-xi-a (xếp hạng 36) và Thái Lan (xếp hạng 43). Chi nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam xếp hạng 66, không có sự cải thiện so với năm trước; chỉ số Hiệu quả thực thi pháp luật xếp hạng 72, giảm 2; chỉ số Chất lượng các quy định pháp luật xếp vị trí 94,

giảm 11 bậc. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 27%, tăng 0,6 điểm phần trăm.

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam

Để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 và hội nhập quốc tế trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, hoàn thiện, bổ sung công tác quy hoạch, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực KHCN. Thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển không chỉ bảo đảm cho nguồn nhân lực KHCN có sự phát triển toàn diện về số lượng, chất lượng, cơ cấu mà còn tạo hành lang pháp lý vững chắc để nguồn nhân lực phát triển. Đây được xem là giải pháp có tính chất quyết định và tác động trực tiếp đến sự phát triển của nguồn nhân lực KHCN.

Hai là, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực KHCN. Theo đó, các cơ sở đào tạo trên cả nước cần vận dụng những thành tựu của công nghệ để nâng cao hiệu quả dạy học, trang bị cho người học kiến thức để làm chủ KHCN từ cơ bản đến hiện đại.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực KHCN. Nhà nước cần quan tâm đầu tư hơn nữa và có cơ chế đặc biệt để phát triển và phát huy vai trò trung tâm trong các hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực KHCN cao.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ. Hợp tác quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực KHCN, trong đó chú ý tới lựa chọn đối tác chiến lược, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về KHCN

với hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác KHCN. Thực hiện chính sách thu hút chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài có trình độ cao đến Việt Nam tham gia nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn trong nghiên cứu KHCN.

Năm là, hàng năm tuyển sinh đào tạo, bổ sung cử nhân, kỹ sư chuyên ngành công nghệ thông tin. Điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ở bậc sau đại học, đại học và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).

Sáu là, triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

Bảy là, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Thực hiện triển khai thử nghiệm đào tạo, đào tạo lại về công nghệ số cho người lao động.

Tám là, đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số./.

Tài liệu tham khảo

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 6/6/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020.

Ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đến người lao động và các hàm ý chính sách (<https://tapchitaichinh.vn/anh-huong-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0-den-nguoi-lao-dong-va-cac-ham-y-chinh-sach>)

Số hóa giúp quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa

Theo thống kê của Cục Di sản (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), hiện cả nước có hơn 40.000 di tích (trong đó có 8 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận, 130 di tích quốc gia đặc biệt) và khoảng 70.000 di sản đã được kiểm kê trên địa bàn cả nước, 16 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp; 9 di sản tư liệu thuộc chương trình Ký ức thế giới của UNESCO; 498 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 265 hiện vật, nhóm hiện vật đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia.

Đây là tài sản vô giá, là cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, tạo sức mạnh nội sinh, nguồn lực và động lực to lớn để đất nước phát triển thịnh vượng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và trước làn sóng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, bảo tồn và quảng bá di sản văn hóa đã tiếp thêm sức sống, đánh thức giá trị các di sản Việt Nam.

Thực hiện Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã và đang bắt đầu triển khai số hóa di sản, chuẩn hóa dữ liệu hiện có của các bảo tàng, ban quản lý di tích trên toàn quốc với các công nghệ như: Lập bản đồ số, lưu trữ dữ liệu trên nền tảng số, sử dụng AI để thực hiện công nghệ quét 3D, giúp lưu giữ và tái tạo chính xác các công trình di sản có nguy cơ bị mai một theo thời gian; đồng thời phân tích và xử lý dữ liệu từ các tài liệu cổ, giúp dịch thuật, phục hồi nội dung bị hư hại, thậm chí tái hiện những nét văn hóa đã bị lãng quên. Ví dụ như dự án sử dụng công nghệ mô phỏng 3D đã tái hiện Hoàng thành Thăng Long - một di sản thế giới được UNESCO công nhận và ứng dụng công nghệ AI để phân tích và tái dựng các hình ảnh lịch sử, bản đồ cũ và dữ liệu khảo cổ, tạo ra một phiên bản kỹ thuật số. Ngoài ra, công nghệ AI cũng được áp dụng trong phân tích, phát hiện và cảnh báo sự xuống cấp của di tích một cách hiệu quả.

Nỗ lực số hóa đã mang lại những bước tiến quan trọng trong việc bảo tồn và quản lý di sản văn hóa. Đến nay công cuộc số hóa dữ liệu di sản văn hóa đã có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số từng bước được xây dựng, giúp quản lý và bảo tồn hiệu quả hơn.

Theo thống kê, tại Viện Bảo tồn di tích (Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch) hiện đã xây dựng được một kho dữ liệu khổng lồ với hơn 3.000 hồ sơ, di tích từ các bản vẽ trên giấy đó đến các tài liệu nghiên cứu. Việc số hóa tập trung vào hệ thống tài liệu và xây dựng hồ sơ 3D cho các di tích từ các bản vẽ, hồ sơ xây dựng, hình ảnh chi tiết, hình ảnh phục dựng cho đến quy trình tu bổ các di tích...



Đánh thức GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA ĐẤT VIỆT

Bích Ngọc

Với bề dày hơn 4000 năm lịch sử, Việt Nam có một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ, phong phú, độc đáo, giàu giá trị là hàng nghìn di tích đã được công nhận và bảo tồn. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, bảo tồn và quảng bá di sản văn hóa đã tiếp thêm sức sống, tăng giá trị cho các di sản Việt Nam.

Từ khóa: Di sản, văn hóa, số hóa, công nghệ

Abstract: With a history spanning over 4000 years, Vietnam possesses a vast, rich, unique, and valuable treasure trove of cultural heritage, consisting of thousands of recognized and preserved monuments. In the context of the 4.0 technology revolution, the application of technology and digital transformation in the management, preservation, and promotion of cultural heritage has revitalized and increased the value of Vietnamese heritage.

Keywords: Heritage, culture, digitization, technology

Còn Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam cũng đã số hóa được hơn 700 báo cáo khoa học, 1.154 băng phim khoa học và tư liệu và 40.000 ảnh; đã và đang tạo lập được cơ sở dữ liệu (CSDL) dự án Văn hóa phi vật thể. Trên hệ thống website của Viện cũng bước đầu cập nhật các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Qua đó đã tạo nên một ngân hàng dữ liệu, cung cấp các dữ liệu chi tiết, khoa học về các di tích cụ thể, các thông số kỹ thuật trùng tu di tích, giúp cho việc tra cứu và tìm kiếm thông tin dữ liệu về di tích trở nên thuận lợi, đa dạng hóa cách tiếp cận dữ liệu và góp phần quảng bá di sản tới nhiều đối tượng...

Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố Đô Huế là một trong những đơn vị đi đầu trong việc thực hiện chuyển đổi số để bảo tồn và phát huy

di sản. Thời gian qua, Trung tâm này đã số hóa được lượng lớn dữ liệu với hơn 25.000 trang tài liệu Hán Nôm, 172 hồ sơ bao gồm hồ sơ di tích, hồ sơ khảo cổ, hồ sơ di sản, số hóa được 250 ảnh sắc phong, 295 ảnh thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế... Chỉ tính riêng số lượng hiện vật, cổ vật của triều Nguyễn đã có tới 207 cổ vật quý, đặc trưng với hiện vật/bộ hiện vật là bảo vật quốc gia đã được scan, số hóa 3D. Việc số hóa các di sản, di tích, tư liệu đã tạo nên kho dữ liệu lớn của Quần thể Di tích Cố đô Huế, phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu, bảo tồn di sản cũng như công tác thống kê, quản lý và bảo tồn.

Đánh thức giá trị di sản bằng công nghệ số

Cùng với quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa, trong bối cảnh phát triển của các nền tảng trực tuyến, các giải pháp công nghệ số cũng đang làm thay đổi cách thức tiếp cận, phát huy giá trị

và tăng thêm sức sống cho các di sản. Đồng thời là cầu nối hữu ích đưa các di sản đến gần hơn với công chúng, thông qua các ứng dụng thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), đem lại những trải nghiệm mới mẻ cho du khách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa.

Ví dụ như Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã tạo tiếng vang với giải pháp không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến VAES mang giá trị vượt trội, xuất sắc. Lấy ý tưởng hoa sen để mô tả không gian vật lý sang trọng, bề thế, giàu tính nghệ thuật và dựa trên mô hình của các bảo tàng, triển lãm lớn trên thế giới, không gian triển lãm trên nền tảng VAES được xây dựng 3D với 2 hạng mục lớn là tòa nhà hình hoa sen cách điệu, mô tả không gian thực tế, mà ở đó, người yêu mỹ thuật có thể truy cập vào các bộ sưu tập, tác phẩm nghệ thuật

và thông tin về Bảo tàng mọi lúc, mọi nơi thông qua website hoặc ứng dụng di động. Hiện có 15 triển lãm đang diễn ra trên nền tảng VAES của Bảo tàng, thu hút khoảng 90 nghìn lượt/người truy cập. Mang giá trị vượt trội, xuất sắc, giải pháp, không gian triển lãm Mỹ thuật trực tuyến - VAES đã mang về Giải thưởng Đơn vị sự nghiệp chuyển đổi số xuất sắc tại Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2024 vừa qua cho Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Bắt nhịp cùng xu hướng, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế triển khai app hướng dẫn tham quan “Di tích Huế”, ứng dụng công nghệ trải nghiệm thực tế ảo VR3D, quét mã QR Code để xem thông tin hiện vật, xem hiện vật bằng tương tác - Model 3D và xoay 360 độ. Nhằm nâng cao trải nghiệm cho du khách, giữa năm 2024, Trung tâm ra mắt không gian triển lãm văn hóa Metaverse đầu tiên tích hợp Apple Vision Pro qua hợp tác, ứng dụng công nghệ của Phygital Labs, mở ra hành trình ứng dụng công nghệ vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa di sản, đón đầu làn sóng công nghệ thực tế mở rộng XR, đem đến trải nghiệm thú vị cho khách tham quan. Hiện Trung tâm cũng đang hợp tác với các đối tác để ra mắt các ứng dụng mới gồm du lịch trải nghiệm đa tương tác và quà lưu niệm phái sinh có chứng thực từ cổ vật... Trong đó, dự án Du lịch trải nghiệm đa tương tác, thí điểm với di tích Hải Vân Quan được số hóa bản đồ du lịch 3D, kiến tạo hành trình khám phá văn hóa qua các câu chuyện và nhiệm vụ check-in tại 9 địa điểm đặc biệt, thu hút gần 3.000 lượt check in chỉ trong 3 tuần thí điểm đầu tiên hoạt động.

Đến với Hà Nội, du khách cũng được trải nghiệm không gian nghệ thuật trình diễn ánh sáng

về đêm, phim 3D mapping “Sử đã lưu danh”, tái hiện một cách cảm xúc và sáng tạo câu chuyện lịch sử của Di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu-Quốc Tử Giám, bằng ngôn ngữ nghệ thuật, ánh sáng, âm nhạc, kỹ xảo cùng hiệu ứng sinh động, hấp dẫn, đưa khán giả khám phá vẻ đẹp của di sản văn hóa dân tộc theo cách mới. Bên cạnh đó, nhờ vào chuyển đổi số, du khách có thể dùng các thiết bị thông minh để truy cập hệ thống hướng dẫn tự động, xem video tương tác về lịch sử Văn Miếu hoặc thậm chí tham gia các trò chơi giáo dục về nho giáo. Các ứng dụng thực tế ảo (AR) và thực tế ảo tăng cường (VR) tái hiện khung cảnh hoành tráng của ngày xưa, đưa người xem trở về thời Đinh Công Trứ, những khoa thi để bên sân giảng đường, giúp khách tham quan tìm hiểu rõ hơn về các giai đoạn lịch sử, thông tin về những đợt trùng tu, tu bổ khu di tích một cách sinh động và thú vị.

Trong khi đó, đền Ngọc Sơn lại thu hút du khách bởi chương trình thực cảnh “Ngọc Sơn đêm huyền bí”, mang đến trải nghiệm khó quên cho du khách với sự kết hợp chiếu sáng 3D, múa đương đại và biểu diễn thực cảnh trả lại gương báu cho thần Kim Quy trên hồ Hoàn Kiếm.

Trong xu thế chuyển đổi số, những năm gần đây, các ngành, đơn vị của tỉnh Phú Thọ đã nghiên cứu và đưa vào sử dụng các ứng dụng số, ứng dụng thông minh vào giới thiệu, quảng bá giá trị di sản văn hóa. Về với Đất Tổ, chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh kết nối internet, du khách có thể quét QR để tìm hiểu thông tin chi tiết về địa điểm đang tham quan bằng cả video và hình ảnh sinh động cùng các thông tin đầy đủ, hữu ích, sinh động về vùng Đất Tổ. Tại Bảo tàng Hùng Vương (Khu Di tích

lịch sử Đền Hùng), du khách có thể trải nghiệm, tìm hiểu về lịch sử của các hiện vật được trưng bày tại đây chỉ với thao tác quét QR và tải ứng dụng 63Stravel - Khám phá Việt Nam. Đặc biệt, ứng dụng được khai thác với 5 ngôn ngữ gồm: Tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc... Qua đó, tạo thuận tiện cho du khách, nhất là khách quốc tế đến với Phú Thọ, thúc đẩy du lịch ngày càng phát triển.

Có thể thấy số hóa đã và đang làm giàu thêm kho dữ liệu di sản trong xã hội số hiện nay, để có thể bao quát được hệ thống di sản văn hóa phi vật thể rất phong phú và đa dạng của Việt Nam, kết nối với các kho dữ liệu tương đồng trên thế giới, khai thác được giá trị dữ liệu di sản phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công ban đầu vẫn còn những thách thức, khó khăn. Việc lưu trữ dữ liệu phân tán, thiếu đồng bộ và sự thiếu hụt kinh phí cho việc duy trì hệ thống là những thách thức lớn đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa di sản. Việc áp dụng công nghệ với di sản dù bước đầu đã bắt kịp những công nghệ mới, nhưng so với thế giới vẫn còn có khoảng cách khá lớn.

Theo các chuyên gia, việc bảo tồn di sản bằng công nghệ số cần có những bước đi chiến lược và toàn diện hơn. Để thực sự kết nối những nỗ lực đơn lẻ này thành một hệ thống thông tin hiệu quả và bền vững, rất cần có sự đồng bộ cả về dữ liệu, luật pháp và nguồn lực. Đây sẽ là con đường để lan tỏa “sức mạnh mềm” văn hóa Việt Nam ra thế giới, đồng thời cũng sẽ tạo ra nguồn lực như những “cú hích” trực tiếp cho phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ./.

Huế:

ĐỘNG LỰC MỚI, SỨC BẬT MỚI CỦA “THÀNH PHỐ TRẺ”

Qua một thời gian dài nỗ lực với quyết tâm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, ngày 01/01/2025, tỉnh Thừa Thiên - Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, qua đó tạo động lực lớn, thúc đẩy địa phương phát triển toàn diện.

Trúc Linh

Hiện thực hóa ước mơ

Năm 2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 54-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, mục tiêu cụ thể là đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Qua gần 5 năm quyết liệt triển khai Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, đến nay tỉnh Thừa Thiên - Huế đã nỗ lực chuyển mình, đạt được nhiều thành tựu và kết quả quan trọng trên mọi lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch đúng hướng, các ngành, lĩnh vực phát triển có trọng tâm, trọng điểm. Giai đoạn 2021 - 2024, tốc

độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt 7,1%/năm. Ước tính, năm 2024 GRDP đạt 8,15%, GRDP bình quân đầu người đạt 2.840 USD. Thu ngân sách năm 2024 ước đạt khoảng 13.600 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%. Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt. Các đề án quan trọng phục vụ mục tiêu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành. Ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ. Kinh tế biển và đầm phá cũng đang trở thành động lực phát triển của tỉnh, tạo diện mạo mới cho toàn vùng, góp phần khai thác lợi thế phát triển du lịch và thủy sản.

Kết cấu hạ tầng được tập trung xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Nhiều công trình, dự án có tác động tích cực đến phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh được triển khai: Nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 1A; cao tốc đoạn Cam Lộ - La Sơn; tuyến đường bộ ven biển và cầu qua cửa Thuận An; đường Nguyễn Hoàng và cầu vượt sông Hương; dự án đê chắn sóng Cảng Chân Mây - giai đoạn 2; nhà ga T2 Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài được đưa vào hoạt động và phát huy hiệu quả; hoàn thành dự án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng Khu vực I Kinh thành Huế giai đoạn 1. Hệ thống giao thông đô thị được chỉnh trang, cải tạo, nhất là các tuyến đường dọc theo bờ sông Hương. Khu đô thị mới An Vân Dương phát triển mạnh mẽ, hiện đại.

Một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn, có thương hiệu đã hoạt động, nghiên cứu đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, như: VinGroup, Banyan Tree, BRG, AEON

Nhật Bản... Đáng chú ý, một số dự án tạo năng lực mới đã đi vào hoạt động, như: Dự án Kim Long Motors Huế (giai đoạn 1) công suất 3.500 chiếc/năm; Nhà máy Kanglongda (giai đoạn 1), Nhà máy Xử lý rác thải sinh hoạt Phú Sơn, Nhà máy Xử lý nước sạch Vạn Niên, nhà máy Scavi Huế 02, Trung tâm Thương mại AEON Mall Huế chính thức mở cửa đón khách; khai trương Sân Golf Golden Sands Golf Resort tại huyện Phú Vang...

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di sản được đẩy mạnh. Bản sắc văn hóa Huế, con người Huế được chú trọng giữ gìn, phát huy. Các di tích thuộc Quần thể Di tích Cố đô Huế được ưu tiên trùng tu, tôn tạo. Nhiều hội nghị, hội thảo, sự kiện, lễ hội văn hóa, các hoạt động trong khuôn khổ Đề án Festival Bốn mùa được tổ chức thành công, góp phần thu hút khách du lịch, nâng cao vị thế văn hóa Huế, hình ảnh Huế. Đến nay, Huế đã có 8 di sản thế giới được UNESCO công nhận và sở hữu nhiều danh hiệu, thương hiệu giá trị: “Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam”, “Thành phố văn hóa ASEAN”, “Thành phố bền vững môi trường ASEAN”, “Thành phố Xanh quốc gia”, “Thành phố Du lịch Sạch ASEAN”, “Thành phố thông minh”. Huế ngày càng “Xanh - Sạch - Sáng” với nhiều phong trào, cuộc vận động được lan tỏa sâu rộng, thiết thực, hiệu quả, được Nhân dân hưởng ứng, đồng thuận.

Các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ đạt nhiều kết quả quan trọng. Giáo dục mũi nhọn của Huế đạt được những thành tích nổi bật trên đấu trường quốc gia, quốc tế. Đại học Huế khẳng định vai trò và vị thế của một đại học trọng điểm, mang tầm vóc của một cơ sở giáo dục đại học

quốc gia, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Trung và cả nước.

Y tế phát triển mạnh mẽ với trụ cột, hạt nhân là Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường đại học Y - Dược Huế và ngành y tế của tỉnh... đã đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân khu vực miền Trung và cả nước, đóng góp tích cực vào những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực y học của nước nhà. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng đã tập trung phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số với sự vào cuộc tích cực, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

Bộ mặt đô thị, nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại, thông minh. Toàn tỉnh có 75/94 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 80%, có 2 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác giảm nghèo được triển khai quyết liệt với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2024 giảm còn 1,41%. Huyện A Lưới đã chính thức thoát khỏi danh sách huyện nghèo quốc gia.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị luôn được quan tâm, chú trọng. Tổ chức bộ máy cả hệ thống chính trị các cấp ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng bộ tỉnh luôn đoàn kết, trong sạch vững mạnh, năng lực lãnh đạo ngày càng được củng cố, nâng cao.

Có thể nói, những kết quả đã đạt được trong thời gian qua là quá trình phấn đấu không mệt mỏi của cả hệ thống chính trị, toàn dân, của các thế hệ lãnh đạo qua các thời kỳ. Để hôm nay,

mục tiêu, khát vọng trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương của Thành phố Huế đã thành hiện thực, mở ra một giai đoạn mới đầy triển vọng.

“Thành phố trẻ” sức bật mới, vị thế mới

Ngày 30/11/2024, Quốc hội chính thức thông qua Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế.

Ngày 01/01/2025, Huế trở thành thành phố thứ 6 trực thuộc trung ương của Việt Nam. Đây không chỉ là niềm tự hào, ước nguyện từ lâu của các thế hệ lãnh đạo, Nhân dân thành phố Huế, mà còn mở ra một giai đoạn mới đầy triển vọng cho một địa phương có bề dày lịch sử, văn hóa, một vùng đất địa linh nhân kiệt.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho rằng, việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương và thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc không chỉ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước mà còn phát huy được tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và của địa phương; góp phần nâng cao đời sống cán bộ, công chức và nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Theo Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế Lê Trường Lưu, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, TP. Huế sẽ bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng và phát triển với tâm thế là thành phố di sản văn hóa đầu tiên của Việt Nam. Đây là nền tảng

quan trọng, tạo động lực, khí thế mới để Huế tiếp tục phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng vẻ vang, xây dựng và phát triển thành một đô thị di sản thông minh và giàu bản sắc, tiếp tục phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, tạo bút phá để phát triển nhanh và bền vững...

Ông Nguyễn Văn Phương, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng, đây là một mốc son, dấu ấn quan trọng mang tính lịch sử, tạo ảnh hưởng và sức bật mới không chỉ cho Huế phát triển mà còn tạo điều kiện để Huế khai thác tốt hơn các tiềm năng, thế mạnh, phát huy giá trị di sản, văn hóa và lịch sử đặc trưng của Huế.

Trở thành thành phố trực thuộc trung ương là cơ hội để Huế trở thành một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu đúng như Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra. Trong tương lai sẽ tạo ra nhiều cơ hội mới, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống của người dân địa phương. Qua đó, đóng góp thiết thực cho vùng, cho đất nước, tạo ra những vận hội mới để tiếp tục triển khai các nhiệm vụ mang tính chiến lược của địa phương, vùng và quốc gia trong giai đoạn tiếp theo.

Với vị thế mới, trong giai đoạn tới, Huế đặt mục tiêu tiếp tục xây dựng và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng. Đây là

nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa cả về kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng và an ninh, không chỉ là của riêng Thành phố Huế mà còn của cả vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước.

Mục tiêu cụ thể là đến năm 2030, Thành phố Huế là đô thị cấp quốc gia đặc trưng về di sản, văn hóa; một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hoá, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao.

Đồng thời, tiếp tục xây dựng và phát triển Thành phố Huế trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của vùng, nhất là sự kết hợp hài hòa giữa di sản văn hóa, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Huế.

Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, phù hợp với các quy hoạch. Đầu tư hạ tầng Thành phố Huế đạt chuẩn đô thị loại I; tiếp tục đầu tư nâng chuẩn đô thị các quận: Phú Xuân, Thuận Hóa, các thị xã: Hương Thủy, Hương Trà, Phong Điền, đô thị Chân Mây.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái; giữa đô thị hóa với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao đời sống vật chất

và tinh thần của Nhân dân. Kế thừa và phát triển những thành tựu đã đạt được. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; giữa bảo tồn, giữ gìn truyền thống và phát huy các giá trị di sản, trong đó bảo tồn là cốt lõi; giữa phát triển đô thị di sản và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương; phát triển thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn và phát triển đô thị di sản; giữa hỗ trợ của Trung ương và nỗ lực của địa phương.

Đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng; sự năng động, thông minh, sáng tạo và tự lực, tự cường của người dân Huế.

TP. Huế sẽ tiếp tục phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong mọi công việc, tạo sức bật mạnh mẽ, viết lên câu chuyện về một "thành phố trẻ", phát triển bền vững, an toàn, bình yên, thân thiện, hạnh phúc, mang đậm bản sắc văn hóa Huế và con người Huế./.

ĐÀO TẠO NGUỒN CHẤT LƯỢNG NHÂN LỰC CAO ƯU TIÊN CỦA CÁC NƯỚC CÓ THU NHẬP TRUNG BÌNH

ThS. Hà Thị Kim Dung

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Để chuyển đổi thành công từ nhóm các nước có thu nhập trung bình lên nhóm các nước có thu nhập cao, đòi hỏi tổng hợp của các yếu tố, trong đó bồi dưỡng nhân tài có trình độ chuyên môn là vấn đề được các nước ưu tiên. Hiện Việt Nam đang tập trung phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học đổi mới để vượt qua bẫy thu nhập trung bình, phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Từ khóa: Thu nhập trung bình, nhân lực, chất lượng cao, công nghệ

Abstract: To successfully transition from the group of middle-income countries to the group of high-income countries, it requires a combination of factors, among which nurturing talented individuals with specialized expertise is a priority for these countries. Currently, Vietnam is focusing on developing human resources and fostering scientific innovation to overcome the middle-income trap, striving to become a developed, high-income country by 2045.

Keywords: Average income, high-quality workforce, technology

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB), các nước trên thế giới được phân chia thành 4 nhóm theo phân loại thu nhập gồm: (1) Nhóm nước có thu nhập thấp; (2) Nhóm nước có thu nhập trung bình thấp; (3) Nhóm nước có thu nhập trung bình cao; (4) Nhóm nước có thu nhập cao.

Theo phân loại thu nhập năm 2023, World Bank công nhận 26 nền kinh tế là thu nhập thấp (có thu nhập quốc dân - GNI bình quân đầu người năm 2022 từ 1.135 đô la Mỹ trở xuống); 108 quốc gia có thu nhập trung bình, gồm: 54 nền kinh tế là thu nhập trung bình thấp (GNI bình quân đầu người từ 1.136 đô la Mỹ đến 4.465 đô la Mỹ); 54 nền kinh tế là thu nhập trung bình cao (GNI bình quân đầu người từ 4.466 đô la Mỹ đến 13.845 đô la Mỹ) và 83 nền kinh tế là thu nhập cao (GNI bình quân đầu người từ 13.846 đô la Mỹ trở lên). 108 quốc gia có thu nhập trung bình

đóng vai trò quan trọng đối với sự thịnh vượng toàn cầu về lâu dài và vấn đề tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế thu nhập trung bình đang là mối quan tâm của các nhà xây dựng và hoạch định chính sách phát triển quốc gia.

Nhu cầu về lao động có tay nghề cao tăng ở các nước có thu nhập trung bình

Các nhà phân tích cho rằng, các nước có thu nhập trung bình cần trải qua 2 quá trình chuyển đổi liên tiếp mới có thể đạt được vị thế thu nhập cao. Cụ thể, khi chuyển sang trạng thái thu nhập trung bình, các nước cần trải qua quá trình chuyển đổi đầu tiên là từ việc chủ yếu dựa vào đầu tư vốn cho cơ sở vật chất và con người (những yếu tố trụ cột mang lại tăng trưởng thành công ở mức phát triển thu nhập thấp) của chiến lược 1i sang chiến lược 2i là kết hợp đầu tư với chuyển giao, ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất trong nước

từ sự học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới (quá trình chuyển giao và ứng dụng công nghệ). Điều này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách ở các quốc gia có thu nhập trung bình thấp cần bổ sung chính sách chuyển đổi, áp dụng các công nghệ hiện đại và học hỏi kinh nghiệm thế giới về phương thức kinh doanh vào các chiến lược đầu tư cho nền kinh tế của mình.

Để chuyển đổi thành công từ nhóm các nước có thu nhập trung bình lên nhóm các nước có thu nhập cao, tức là thành công trong kết hợp đầu tư với chuyển giao, ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất trong nước, đòi hỏi tổng hợp của các yếu tố, trong đó bồi dưỡng nhân tài có trình độ chuyên môn là vấn đề được các nước ưu tiên. Bởi khi nền kinh tế phát triển, quy trình sản xuất trong nền kinh tế trở nên phức tạp hơn; sự phân công lao động

cũng ngày càng tăng và nhu cầu về nhân tài mới xuất hiện.

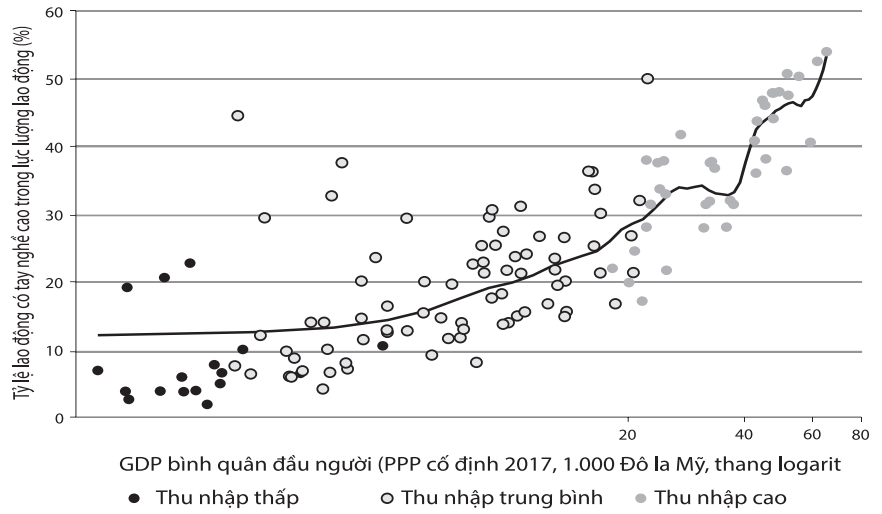
Theo tổng kết của Ngân hàng Thế giới (WB), thế giới chỉ có 43 nước vượt khỏi bẫy thu nhập trung bình, vươn lên thu nhập cao. Nếu không tính các nước châu Âu hay quốc gia và vùng lãnh thổ có tài nguyên dầu mỏ, tại châu Á, chỉ có Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore thực hiện được.

Nhìn vào quá trình chuyển đổi của các quốc gia có thể thấy, nền kinh tế phát triển dựa trên trụ cột là ngành nông nghiệp cần ít lao động có kỹ năng, trong khi các quốc gia có thu nhập cao cần nhiều lao động có trình độ, kỹ năng hơn cho các hoạt động sản xuất. Điều này thể hiện ở việc lượng lao động có tay nghề chiếm tỷ lệ rất thấp trong lực lượng lao động ở các quốc gia có thu nhập thấp, nhưng tỷ lệ này tăng đều đặn khi các quốc gia chuyển từ thu nhập trung bình thấp sang thu nhập trung bình cao rồi đến thu nhập cao (hình 1).

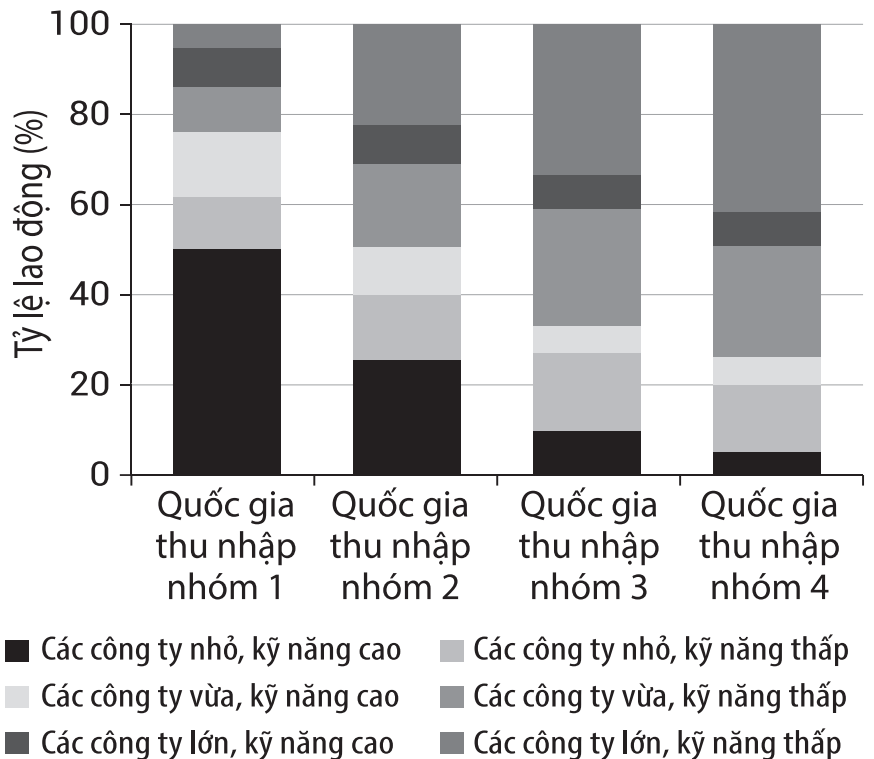
Nhìn chung, các quốc gia có thu nhập trung bình phát triển - đặc biệt là khi họ tiếp cận vị thế thu nhập cao và phải đổi mới thay vì chỉ áp dụng công nghệ - họ cần nhân tài ngày càng có trình độ cao hơn. Sự chuyển đổi này trong nền kinh tế khiến việc phát triển và phân bổ nhân tài trở nên đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia có thu nhập trung bình. Lúc này, người lao động có tay nghề là chìa khóa cho sự chuyển đổi kinh tế, cơ cấu và công nghệ, quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi lên nhóm các nước có thu nhập cao.

Thực tế, ở các quốc gia có thu nhập thấp với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người dưới 3.000 đô la Mỹ, hầu hết người lao động đều không có kỹ năng và làm việc tại các công ty

Hình 1. Nhu cầu về lao động có tay nghề cao tăng ở các nước có thu nhập trung bình



Hình 2. Tỷ lệ lao động có tay nghề trong các công ty lớn tăng theo GDP bình quân đầu người



nhỏ có ít hơn 10 nhân viên (hình 2). Khi các quốc gia có GDP bình quân đầu người tăng, tỷ lệ lao động làm việc trong các công ty nhỏ có xu hướng giảm và tỷ lệ lao động làm việc trong các công ty vừa và lớn tăng dần. Tại các công ty áp dụng các công nghệ mới đóng vai trò dẫn dắt nền kinh tế có nhu cầu khá cao về kỹ sư, nhà khoa học, nhà quản lý và các chuyên gia có tay nghề cao, để áp dụng và sử dụng công nghệ cũng như các nhà quản lý để điều hành các công ty hiện đại.

Như vậy, khi nền kinh tế chuyển sang trạng thái thu nhập cao hơn, nhu cầu về lao động có tay nghề như kỹ thuật viên, chuyên gia

và quản lý tăng đáng kể, giúp không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn đóng góp vào sự sáng tạo và tiến bộ kinh tế cho toàn bộ nền kinh tế.

Ngày nay, với sự bùng nổ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã kéo theo sự chuyển dịch lao động từ lao động thủ công sang lao động có trình độ chuyên môn. Và hiện những người tốt nghiệp các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) đang đóng vai trò trung tâm trong việc tạo ra và truyền bá ý tưởng và công nghệ. Điều đáng mừng là theo thống kê, 3/4 số sinh viên tốt nghiệp ngành STEM hiện nay đều ở các nước có thu nhập trung bình, trong đó sinh viên tốt nghiệp ngành STEM tại Trung Quốc và Ấn Độ chiếm khoảng một nửa số sinh viên tốt nghiệp ngành STEM trên toàn cầu.

Việt Nam tập trung phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học đổi mới để vượt qua bẫy thu nhập trung bình

Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), GDP của Việt Nam năm 2023 đạt gần 430 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt gần 4.347 USD/người, chính thức bước vào nhóm thu nhập trung bình cao. Nhưng theo cách tính mới

từ 1/7/2024 trở đi, nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao bình quân trên đầu người từ 4.516 - 14.005 USD/đầu người, như vậy Việt Nam cần tiếp tục cố gắng để vào nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao.

Bẫy thu nhập trung bình là một thuật ngữ dùng để chỉ tình trạng mắc kẹt của nhiều quốc gia đã thoát nghèo, gia nhập các nước có thu nhập trung bình nhưng mất nhiều thập kỷ không thể vươn lên nhóm nước thu nhập cao. Theo một số chuyên gia, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ “mắc bẫy” thu nhập trung bình.

Đại hội Đảng lần thứ XIII đề ra mục tiêu Việt Nam phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Lịch sử cho thấy, nước đạt thu nhập cao có tốc độ tăng trưởng hai con số kéo dài 20-30 năm. Như vậy, quỹ thời gian của chúng ta còn rất ít, chỉ còn 20 năm đến mốc năm 2045. Nếu đi những bước đi tuần tự như các nước thì Việt Nam khó có thể để đạt được mục tiêu. Do đó, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho rằng, Việt Nam chỉ có thể dựa vào khoa học đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chuyển đổi xanh, dựa vào

văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam để trở dậy vươn lên.

Thực tế, hiện Việt Nam đang dành một sự quan tâm rất lớn cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Minh chứng cụ thể là Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đến năm 2030 và phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”. Mới đây nhất, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Điều này không chỉ khẳng định tầm nhìn chiến lược, quyết tâm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước chèo lái con thuyền Việt Nam đến đích.

Cùng với đó, Việt Nam đã hình thành một hệ sinh thái bán dẫn, trí tuệ nhân tạo có quy mô lớn trong khu vực, với sự tham gia của nhiều tập đoàn lớn như Google, Meta, Qualcomm, Intel, NVIDIA, AMD... và rất nhiều doanh nghiệp công nghệ cao trong ngành điện tử. Việt Nam cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về đầu tư để tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp công nghệ cao và trong lĩnh vực bán dẫn, AI. Đó là niềm tin để Việt Nam tự tin vượt qua bẫy thu nhập trung bình, tiến cùng và vượt lên các quốc gia khác trên thế giới./.

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo phát triển thế giới 2024 - Các bẫy thu nhập trung bình, Ngân hàng Thế giới;

- Vượt qua bẫy thu nhập trung bình cần dựa vào khoa học đổi mới sáng tạo, Báo Đầu tư online.



TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐẾN QUÁ TRÌNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Danh Nam
Trường Đại học Thành Đông

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu về tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam. Dựa trên các tiêu chí trong khung chính sách hỗ trợ khởi nghiệp UNCTAD và dữ liệu thu thập khảo sát, bằng các phân tích trên phần mềm PLS - SEM 3.0. Kết quả cho thấy các chính sách như xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia, môi trường pháp lý cho khởi nghiệp, giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển kỹ năng, trao đổi và đổi mới công nghệ, tiếp cận tài chính, nâng cao nhận thức cho khởi nghiệp và thiết lập mạng lưới khởi nghiệp đều có ảnh hưởng tích cực đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam trong tương lai.

Từ khoá: Chính sách hỗ trợ; Khởi nghiệp; Thanh niên; Việt Nam.

The Impact of Startup Support Policies on the Entrepreneurial Process of Vietnamese Youth

Abstract: The study aims to examine the impact of startup support policies on the entrepreneurial process of Vietnamese youth. Based on the criteria outlined in the UNCTAD Entrepreneurship Policy Framework and survey data collected, the analysis was conducted using PLS-SEM 3.0 software. The results indicate that policies such as developing a national entrepreneurship strategy, improving the legal environment for startups, fostering entrepreneurial education and skill development, promoting technology exchange and innovation, enhancing access to finance, raising awareness of entrepreneurship, and establishing startup networks all have a positive influence on the entrepreneurial journey of Vietnamese youth. Based on these findings, the author proposes several solutions to improve startup support policies in Vietnam in the future.

Keywords: Support Policies; Entrepreneurship; Youth; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, khởi nghiệp không chỉ góp phần tạo việc làm, nâng cao năng lực cạnh tranh

mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Trong xu thế đó, thanh niên - thế hệ trẻ với nhiệt huyết, sự năng động, sáng tạo và tinh thần đổi mới được xem là lực lượng tiên phong, đóng vai trò then chốt trong phong trào khởi nghiệp. Nhận thức được

tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và các chương trình hỗ trợ vốn, đào tạo kỹ năng, kết nối doanh nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên khởi nghiệp, thúc đẩy

tin thần sáng tạo và giảm thiểu rủi ro trong quá trình khởi nghiệp. Tuy nhiên, quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, từ hạn chế về vốn, kỹ năng quản lý đến thiếu kinh nghiệm thực tiễn và những rào cản cạnh tranh từ môi trường kinh doanh. Mặt khác, mặc dù số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam tăng nhanh trong những năm gần đây nhưng tỷ lệ thành công của các dự án khởi nghiệp vẫn còn thấp. Theo thống kê của Bộ Tài chính, có đến 90% các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam thất bại trong vòng 2-3 năm đầu tiên. Điều này đặt ra câu hỏi về hiệu quả thực sự của các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp hiện nay. Liệu các chính sách này có thực sự tạo động lực và hỗ trợ hiệu quả cho thanh niên khởi nghiệp? Trước thực trạng đó, nghiên cứu và đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam là vô cùng cấp thiết, không chỉ mang lại ý nghĩa lý luận về thực trạng và hiệu quả của các chính sách hiện tại, mà còn góp phần đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách, tạo động lực mạnh mẽ cho phong trào khởi nghiệp trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và thiết kế mô hình nghiên cứu

Thanh niên

Khái niệm về thanh niên được tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau và phụ thuộc chủ yếu vào nội dung và mong muốn của từng nhà nghiên cứu. Tại Điều 4, Luật Thanh niên (2020) đã quy định rất rõ ràng về vai trò, quyền hạn và nghĩa vụ của thanh niên như sau: “Thanh niên là công dân Việt Nam từ 16 đến 30 tuổi, đây là lực lượng xã hội to lớn, xung kích, sáng tạo,

đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên có quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật”. Ngoài ra, xem xét theo góc độ sinh học, thanh niên chính là một giai đoạn đánh dấu mốc trưởng thành hoặc tiến hóa về mặt cơ thể của một con người. Theo góc độ xã hội, thanh niên được xem là giai đoạn chuyển tiếp từ tuổi thơ phụ thuộc sang hoạt động độc lập với tư cách là một công dân có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Dưới góc độ kinh tế, thanh niên được coi là một lực lượng lao động xã hội đồng đảo, nguồn lực bổ sung cho đội ngũ lao động trên tất cả các lĩnh vực kinh tế khác nhau. Tóm lại, thanh niên là lực lượng trong độ tuổi phát triển, có sức khỏe, sự nhiệt huyết và tràn đầy năng lượng. Lực lượng thanh niên nắm giữ vai trò quan trọng đem đến nguồn nhân lực dồi dào với tư duy đổi mới, sáng tạo trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

Khởi nghiệp

Theo Shapero và Sokol (1982) nhận thấy cá nhân khởi nghiệp chính là việc người đó tìm thấy cơ hội để thành lập doanh nghiệp riêng ngay khi nhìn thấy tiềm năng. Do đó, MacMillan (1993) nhìn nhận khởi nghiệp không phải là sự kiện mà là quá trình của một cá nhân chấp nhận mọi rủi ro để xây dựng một tổ chức, cụ thể là doanh nghiệp mới hoặc cửa hàng kinh doanh với mục tiêu thu về lợi nhuận và làm giàu. Quan niệm này nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Krueger và cộng sự (2000) và nhấn mạnh khởi nghiệp là tập hợp

các hoạt động của cá nhân nhằm nỗ lực tạo dựng một doanh nghiệp mới để thực hiện công việc kinh doanh. Ngoài ra, khởi nghiệp là những ý tưởng hay sáng kiến của cá nhân được hình thành kết hợp với những nguồn lực hữu hình để theo đuổi mục tiêu phát triển về kinh tế (Nga và Shamuganathan, 2010). Tóm lại, khởi nghiệp chính là quá trình lập nghiệp của một cá nhân hay có thể hiểu rộng hơn là việc cá nhân có thể tự khởi đầu bằng một công việc kinh doanh riêng biệt thông qua ba giai đoạn chính: Hình thành và triển khai ý tưởng kinh doanh; Thành lập doanh nghiệp; Duy trì và phát triển doanh nghiệp.

Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Nhằm hỗ trợ các quốc gia đang phát triển, UNCTAD (2012) đã xây dựng một khung Công ước về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp cho một quốc gia trong quá trình xây dựng và hoàn thiện môi trường khởi nghiệp, cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp mới phát triển. Mục tiêu bao trùm của Công ước khung chính sách hỗ trợ khởi nghiệp là đóng góp cho sự phát triển toàn diện và bền vững của các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi. Phát triển bền vững bao gồm xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới và phát triển bền vững môi trường. Về vấn đề này, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp có thể là một chất xúc tác để đạt được những mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững. Trong đó:

Một là, xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia: Chiến lược khởi nghiệp quốc gia là một chương trình được lên kế hoạch thực hiện trong chuỗi giá trị giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn. Tùy vào thể mạnh riêng, mỗi quốc gia

và địa phương chọn cho mình những lĩnh vực ưu tiên phù hợp, sau đó Nhà nước sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động hiệu quả (Xuân Lan, 2016).

Hai là, tối ưu hóa môi trường pháp lý: Môi trường pháp lý cần hướng đến nâng cao tinh thần khởi nghiệp của các cá nhân trong xã hội nhằm thực hiện những ý tưởng kinh doanh mới trên cơ sở chấp nhận rủi ro có thể tính toán được. UNCTAD đưa ra các giải pháp tối ưu hóa môi trường pháp lý về khởi nghiệp của một quốc gia, cụ thể: Rà soát các yêu cầu pháp lý khởi nghiệp; Giảm thiểu rào cản pháp lý cho doanh nghiệp khởi nghiệp; Xây dựng niềm tin cho doanh nghiệp khởi nghiệp về môi trường pháp lý; Hướng dẫn các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Ba là, tăng cường giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển các kỹ năng: Trọng tâm của kỹ năng khởi nghiệp bao gồm kỹ năng mềm và các năng lực chuyên môn cần có như kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, kế hoạch kinh doanh, năng lực tài chính và kỹ năng quản lý. Chính sách và các chương trình giáo dục khởi nghiệp hiệu quả tập trung vào phát triển năng lực kinh doanh và kỹ năng cần thiết trong các điều kiện công việc cụ thể nhằm nâng cao năng lực khởi nghiệp và phát triển văn hóa khởi nghiệp trong xã hội.

Bốn là, tạo điều kiện trao đổi và đổi mới công nghệ: Khởi nghiệp và công nghệ luôn hỗ trợ lẫn nhau. Tại các nước đang phát triển, cả hai yếu tố này đều quan trọng tùy vào mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ ứng dụng công nghệ và khả năng đổi mới của doanh nghiệp. Các quốc gia có thể áp dụng các giải pháp như: Hỗ trợ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông cho khu vực tư nhân; Tăng cường mạng lưới liên kết, cụm công ty, cụm ngành nhằm phổ biến công nghệ và đổi mới; Xây dựng cầu nối giữa cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, các trường đại học và khu vực tư nhân; Hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ cao.

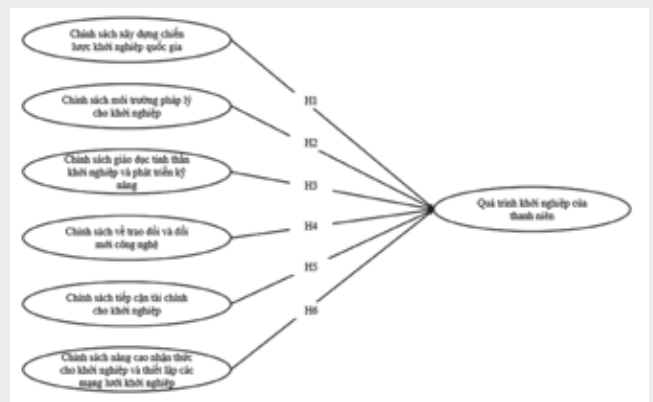
Năm là, hỗ trợ tiếp cận tài chính: Các giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp tiếp cận tài chính như: Tăng cường tiếp cận với các dịch vụ tài chính; Đẩy mạnh tài trợ cho đổi mới công nghệ; Nâng cao năng lực cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính để phục vụ khởi nghiệp; Cung cấp các chương trình đào tạo về tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Sáu là, nâng cao nhận thức về khởi nghiệp và thiết lập các cụm liên kết, cụm ngành công nghiệp, các hiệp hội hỗ trợ: Các quốc gia có thể áp dụng các giải pháp cụ thể như: Nâng cao hiểu biết cộng đồng về giá trị của khởi nghiệp và giải quyết những thành kiến tiêu cực trong nhận thức xã hội; Nâng cao nhận thức

cộng đồng về các cơ hội khởi nghiệp; Khuyến khích các sáng kiến trong khu vực tư nhân và tăng cường mạng lưới giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Như vậy, xuất phát từ khung chính sách hỗ trợ khởi nghiệp UNCTAD (2012) kết hợp với một số chính sách đã ban hành, triển khai đối với các hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp tại Việt Nam, đặc biệt với nhóm thanh niên đang có xu hướng khởi nghiệp mạnh mẽ, tác giả đã đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu như sau:

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

Bảng 1: Tổng hợp các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Nội dung	Chiều tác động
H1	Chính sách xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+
H2	Chính sách môi trường pháp lý cho khởi nghiệp có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+
H3	Chính sách giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển kỹ năng có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+
H4	Chính sách về trao đổi và đổi mới công nghệ có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+
H5	Chính sách tiếp cận tài chính cho khởi nghiệp có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+
H6	Chính sách nâng cao nhận thức cho khởi nghiệp và thiết lập mạng lưới khởi nghiệp có tác động đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên	+

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

3. Phương pháp nghiên cứu

Thang đo chính thức được kế thừa từ các tiêu chí trong khung chính sách hỗ trợ khởi nghiệp UNCTAD (2012) và được hiệu chỉnh các biến quan sát trong thang đo thông qua quá trình ghi nhận ý kiến đóng góp của các chuyên gia xây dựng chính sách và một số người sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp. Nghiên cứu tiến hành quá trình khảo sát thông qua phát phiếu khảo sát, trong đó phiếu khảo sát chia làm 2 phần bao gồm: các thông tin cá nhân về đối tượng khảo sát và thang đo chính thức. Thang đo chính thức được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ (Mức 1 - Hoàn toàn không đồng ý

đến Mức 5 - Hoàn toàn đồng ý). Quá trình khảo sát được tiến hành trực tuyến trên link Google Form thông qua các ứng dụng trò chuyện để gửi đến các chủ doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội với phương pháp chọn mẫu phi xác suất thuận tiện. Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phần mềm PLS - SEM 3.0 để tiến hành kiểm chứng các giả thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất, do đó cỡ mẫu cần thiết sẽ được tính theo công thức của Cohen (1992) và để tránh tình trạng thu về số phiếu thấp hơn dự tính, nghiên cứu đã phát thực tế 200 phiếu. Kết quả sau khi loại bỏ các phiếu không phù hợp thu về 143 phiếu với tỷ lệ hồi đáp 71,5%.

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 2: Kết quả phân tích độ tin cậy và giá trị hội tụ của thang đo

Mã hoá	Số biến quan sát	Độ tin cậy		Giá trị hội tụ (AVE)	Hệ số tải ngoài nhỏ nhất
		Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số CR		
Chính sách xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia					
CL	4	0,814	0,827	0,731	0,782
Chính sách môi trường pháp lý cho khởi nghiệp					
PL	4	0,833	0,842	0,664	0,793
Chính sách giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển kỹ năng					
GD	5	0,807	0,819	0,685	0,764
Chính sách về trao đổi và đổi mới công nghệ					
CN	5	0,821	0,838	0,706	0,778
Chính sách tiếp cận tài chính cho khởi nghiệp					
TC	4	0,829	0,843	0,719	0,801
Chính sách nâng cao nhận thức cho khởi nghiệp và thiết lập mạng lưới khởi nghiệp					
NT	4	0,818	0,829	0,692	0,812
Quá trình khởi nghiệp					
KN	1	-	-	-	1,00

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả)

Kết quả bảng 2 cho thấy các yếu tố độc lập trong mô hình nghiên cứu đề xuất đều có hệ số Cronbach's Alpha và hệ số CR lớn hơn 0,8 đã khẳng định thang đo đạt độ tin cậy nhất quán nội tại. Đồng thời, hệ số AVE lớn hơn 0,7 đã bổ sung giá trị hội tụ cho thang đo và hệ số tải ngoài của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,7 nên không có biến quan sát nào bị loại bỏ và đều đạt chất lượng tốt theo yêu cầu đặt ra của Hair và cộng sự (2019).

Bảng 3: Kết quả phân tích giá trị phân biệt dựa trên tiêu chí HTMT

	CL	PL	GD	CN	TC	NT	KN
CL							
PL	0,616**						
GD	0,465**	0,541**					
CN	0,728*	0,308**	0,583*				
TC	0,253**	0,442**	0,281**	0,395*			
NT	0,339*	0,287*	0,748**	0,471**	0,632**		
KN	0,581*	0,615**	0,492**	0,194*	0,247**	0,363*	
Ghi chú: * $p < 0,05$ và ** $p < 0,01$							

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả)

Kết quả bảng 3 cho thấy các hệ số tương quan giữa các cặp yếu tố đều nhỏ hơn 0,75 hoàn toàn thỏa mãn khuyến nghị mà Hair và cộng sự (2019) đưa ra nên các yếu tố trong thang đo đều đạt giá trị phân biệt.

Bảng 4: Kết quả phân tích các giả thuyết trong mô hình nghiên cứu đề xuất

Các giả thuyết nghiên cứu	Hệ số VIF	Hệ số f ²	Hệ số β	SD	Giá trị t	Giá trị p
H1	1,954	0,392	0,259	0,123	4,528	0,002
H2	2,461	0,187	0,163	0,098	6,413	0,014
H3	1,553	0,224	0,284	0,115	2,595	0,009
H4	1,729	0,169	0,125	0,132	3,162	0,022
H5	2,105	0,421	0,334	0,130	3,884	0,001
H6	1,807	0,406	0,318	0,126	5,671	0,001
Yếu tố phụ thuộc KN có R ² hiệu chỉnh = 0,716; Q ² = 0,521						

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả)

Kết quả bảng 4 sử dụng phân tích phi tham số bằng kỹ thuật Bootstrapping lặp lại 5000 lần (Hair và cộng sự, 2019), kết quả đã cho thấy hệ số VIF nhỏ hơn 3 đã chỉ rõ các yếu tố trong thang đo không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số f² nằm trong khoảng từ 0,15 đến 0,45 đã cho thấy mức độ mạnh yếu của từng yếu tố độc lập đối với yếu tố phụ thuộc. Hệ số R² hiệu chỉnh và hệ số Q² đã khẳng định chắc chắn các yếu tố độc lập đều có mối quan hệ chặt chẽ đối với yếu tố phụ thuộc, các yếu tố độc lập đã giải thích được 71,6% sự biến thiên của yếu tố phụ thuộc với mức ý nghĩa thống kê 5% và mức độ dự báo của mô hình tương đối cao trên 50%. Ngoài ra, hệ số tác động từ phía các yếu tố độc lập đến yếu tố phụ thuộc đều nằm trong mức ý nghĩa p nhỏ hơn 0,05 đã khẳng định các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6 đều được chấp nhận. Điều này cho thấy các chính sách ban hành, triển khai đã thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam nói chung và đối tượng thanh niên mong muốn khởi nghiệp nói riêng đều đem lại những tác động tích cực, tạo ra làn sóng mạnh mẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam.

5. Đề xuất giải pháp

Trên cơ sở lý thuyết về hỗ trợ khởi nghiệp của UNCTAD, nghiên cứu đã phân tích tác động của các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đối với quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam. Kết quả cho thấy các chính sách như xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia, môi trường pháp lý cho khởi nghiệp, giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển kỹ năng, trao đổi và đổi mới công nghệ, tiếp cận tài chính, nâng cao nhận thức cho khởi nghiệp và thiết lập mạng lưới khởi nghiệp đều có ảnh hưởng tích cực đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam. Trong đó, chính sách tiếp cận tài chính có tác động mạnh mẽ nhất, giúp thanh niên giảm bớt rào cản về vốn và nâng cao năng lực kinh doanh.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Về chính sách xây dựng chiến lược khởi nghiệp quốc gia: Nhà nước cần xây dựng chiến lược hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả, phù hợp với chính sách trong nước và quốc tế. Việc hoạch định chiến lược cần đảm bảo sự đồng bộ với các chính sách kinh tế vĩ mô và vĩ mô, đồng thời tập trung vào các ngành có tiềm năng phát triển và tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Về chính sách môi trường pháp lý: Nhà nước nên triển khai áp dụng thêm các biện pháp miễn, giảm thuế, điều chỉnh cách tính thuế GTGT cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn đầu từ 1-3 năm sau khi thành lập. Cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục thành lập và đóng cửa doanh nghiệp. Thiết lập hệ thống pháp lý linh hoạt nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tái khởi động sau khi phá sản, công khai dữ liệu, xóa bỏ tham nhũng và đẩy mạnh chia sẻ thông tin, sẽ giúp tạo dựng lòng tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

- Về chính sách giáo dục tinh thần khởi nghiệp và phát triển các kỹ năng: Nhà nước cần thúc đẩy giáo dục khởi nghiệp thông qua việc tài trợ các chương trình đào tạo, triển khai khóa học miễn phí về lập kế hoạch kinh doanh, cũng như mở rộng chương trình đào tạo chuyên sâu sau đại học về khởi nghiệp. Đồng thời, hệ thống giáo dục cần được điều chỉnh theo hướng thực tiễn hơn, lồng ghép các kiến thức và kỹ năng kinh doanh vào chương trình giảng dạy từ bậc trung học đến đại học, nhằm nâng cao nhận thức và năng lực khởi nghiệp cho thế hệ trẻ.

- Về chính sách trao đổi và đổi mới công nghệ: Nhà nước cần chú trọng xây dựng các nền tảng trực tuyến để hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, tổ chức các sự kiện kết nối một cách dễ dàng, đồng thời phát triển các trung tâm ươm tạo khởi nghiệp và khu công nghệ cao. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu, khu công nghiệp và doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong môi trường kinh doanh.

- Về chính sách tiếp cận tài chính: Chính phủ cần triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính như kết hợp giữa nguồn vốn vay hoàn lại và không hoàn lại, tài trợ hạt giống cho doanh nghiệp tư nhân, cũng như cung cấp các khoản trợ cấp và đồng tài trợ cho các sáng kiến đổi mới. Đơn giản hóa thủ tục vay vốn, mở rộng các phương thức tài chính linh hoạt để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn lực tài chính.

- Về chính sách nâng cao nhận thức cho khởi nghiệp và thiết lập mạng lưới khởi nghiệp: Nhà nước nên triển khai các chiến dịch truyền thông rộng rãi, tổ chức hội thảo, diễn đàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm và kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp với nhà đầu tư. Bên cạnh đó, việc thiết lập các cụm ngành, hiệp hội hỗ trợ khởi nghiệp tạo ra môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp hợp tác và phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Krueger, N. F., Reilly, M. D., & Carsrud, A. L. (2000). Competing models of entrepreneurial intentions. *Journal of Business Venturing*, 15(5-6), 411-432.
2. Luật Thanh niên. (2020). Luật số 57/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 06 năm 2020.
3. MacMillan, I. C. (1993). The emerging forum for entrepreneurship scholars. *Journal of Business Venturing*, 8(5), 377-381.
4. Nga, J. K. H., & Shamuganathan, G. (2010). The influence of personality traits and demographic factors on social entrepreneurship start-up intentions. *Journal of Business Ethics*, 95(2), 259-282. <https://doi.org/10.1007/s10551-009-0358-8>
5. Shapero, A., & Sokol, L. (1982). The social dimensions of entrepreneurship. In A. Shapero (Ed.), *The Encyclopedia of Entrepreneurship* (pp. 72-90). Prentice Hall.
6. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). (2012). *Entrepreneurship policy framework and implementation guidance*. United Nations.
7. Xuân Lan. (2016). Xây dựng quốc gia khởi nghiệp, thành phố khởi nghiệp cần những chiến lược dài hạn. *Báo Điện tử Công lý*. <https://congly.vn/xay-dung-quooc-gia-khoi-nghiep-thanh-pho-khoi-nghiep-can-nhung-chien-luoc-dai-han-4815.html>

Đặt vấn đề

Tốc độ đô thị hóa tại Thủ đô Hà Nội mang lại những tác động đa chiều đến mọi mặt của đời sống xã hội. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa quá nhanh khiến cho các chất thải ở địa phương chưa được xử lý kịp thời, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường đáng báo động, ảnh hưởng sức khỏe người dân nghiêm trọng [22 ; 28]. Chính phủ Việt Nam và UBND Thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều biện pháp chính sách để kịp thời ổn định hệ thống quan trắc môi trường không khí [26]. Trong đó, Điều 20 và Điều 16 của Nghị định 06/2022/NĐ-CP đã quy định về trách nhiệm phát triển Thị trường Carbon trong nước, tổ chức vận hành thí điểm và đưa sàn giao dịch Tín chỉ Carbon vào hoạt động song song với nghĩa vụ xây dựng các chính sách, đảm bảo cơ chế hoạt động của thị trường Tín chỉ Carbon, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia Thị trường Carbon. Việc tham gia vào Thị trường Carbon và sàn giao dịch Tín chỉ Carbon sẽ tạo ra nhiều tiềm năng cho Việt Nam về hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu và tiến tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (Netzero) vào năm 2050. Trong các nhân tố tác động đến ý định cũng như việc tham gia Thị trường Carbon, ngoài các nhân tố thuộc về bản thân doanh nghiệp, các yếu tố về môi trường, khung pháp lý, chính sách... có tác động không nhỏ [26]. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung nghiên cứu các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu sẽ xác định được những rào cản cần quan tâm của các doanh nghiệp khi tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon.

Cơ sở lý luận và giả thuyết

Tín chỉ Carbon là một loại chứng nhận có thể được giao dịch thương mại trên toàn cầu, thể hiện quyền được phép phát thải một tấn khí Carbon dioxide (CO₂) hoặc một tấn khí Carbon dioxide (CO₂) tương đương [26]. Thị trường Carbon là một cơ chế thị trường được hình thành từ các cơ chế linh hoạt của Nghị định 06/2022/NĐ-CP mà cơ chế mua bán lượng khí phát thải là nền tảng cho sự phát triển của thị trường Carbon hiện nay [9]. Sàn giao dịch Tín chỉ Carbon là nơi các hoạt động thương mại, kinh doanh hạn ngạch xả thải khí CO₂ được thực hiện bởi các tổ chức, quốc gia, bên thừa có thể bán

Hà Nội: Các yếu tố bên ngoài ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA SÀN GIAO DỊCH THÍ ĐIỂM TÍN CHỈ CARBON CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

TS. Nguyễn Quỳnh Hoa
Nguyễn Quỳnh Ngân - Lê Minh Hải - Đỗ Quang Huy
Đại học Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: Ô nhiễm không khí luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở các đô thị trên thế giới. Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hóa, xử lý chất thải vẫn là vấn đề tồn đọng, chưa được xử lý dứt điểm dẫn đến nhiều hệ quả môi trường nghiêm trọng. Để khắc phục tình trạng này, dựa trên Nghị định thư 1997 và Thỏa thuận Paris 2016 mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết, Nghị định 06/2022/NĐ-CP được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, quy định trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức đối với việc chấp hành các chính sách giảm phát thải, đồng thời phát triển Thị trường Tín chỉ Carbon và sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon dự kiến được đưa vào hoạt động thí điểm vào năm 2025. Tham gia vào Thị trường Tín chỉ Carbon sẽ giúp đạt được các mục tiêu giảm phát thải một cách hiệu quả về mặt chi phí. Tuy nhiên, để các doanh nghiệp có thể tham gia thị trường này, còn vướng mắc rất nhiều yếu tố chi phối. Nghiên cứu này xác định các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến ý định tham gia vào sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon cho của các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Từ khoá: Tín chỉ Carbon, Thị trường Tín chỉ Carbon, Ý định tham gia

Abstract: Air pollution has always been a top concern in urban areas worldwide. In the context of accelerating industrialization and modernization, waste treatment remains an outstanding issue, which has not been thoroughly resolved, leading to many serious environmental consequences. To overcome this situation, based on the 1997 Kyoto Protocol and the 2016 Paris Agreement that the Vietnamese Government has signed, Decree 06/2022/NĐ-CP was issued by the Ministry of Natural Resources and Environment, stipulating the responsibilities of each individual and organization in complying with emission reduction policies, while developing the Carbon Credit Market and the pilot Carbon Credit Trading Exchange, which is expected to be launched in 2025. Participating in the Carbon Credit Market will help achieve emission reduction goals in a cost-effective manner. However, there are still many factors influencing businesses' participation in this market. This study aims to identify the external factors affecting the intention to participate in the pilot Carbon Credit Trading Exchange for private small and medium-sized enterprises in Hanoi.

Keywords: Carbon Credit, Carbon Credit Market, Intention to participate

và bên mua là những người cần phải bù đắp lượng khí thải theo tiêu chuẩn quy định môi trường.

Dựa vào quy trình vận hành Thị trường Carbon của các nước trên thế giới, Chính phủ sẽ dựa vào quy mô doanh nghiệp và phân thành thị trường bắt buộc và tự nguyện

và áp mức hạn ngạch nhất định về lượng khí thải cho phép. Các doanh nghiệp khi đầu tư xanh sẽ tối thiểu được lượng khí thải và có quyền trao đổi lượng CO₂ còn dư với các bên có nhu cầu mua Tín chỉ Carbon để bù đắp lượng phát thải với chi phí thấp hơn so với

đầu tư xanh. Trong nghiên cứu của Rao và cộng sự (2023), phân bổ hạn ngạch hợp lý và điều chỉnh giá Carbon khi tham gia vào sàn giao dịch Tín chỉ Carbon sẽ giúp doanh nghiệp có động lực mạnh mẽ đầu tư vào các sáng kiến phát triển xanh để tối ưu hoá lợi nhuận

từ thị trường Carbon [19]. Từ đây, việc đầu tư xanh tất yếu sẽ có ảnh hưởng tới ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon và Thị trường Carbon cũng sẽ tác động ngược lại quyết định đầu tư xanh của các doanh nghiệp. Khi quốc gia và doanh nghiệp cam kết mục tiêu giảm phát thải thì họ sẽ tìm kiếm đến sàn giao dịch Tín chỉ Carbon như một công cụ giúp bù đắp lượng Carbon phát thải, nhu cầu này giúp mở rộng thị trường Carbon [17].

Căn cứ vào các nghiên cứu của Ageron, Wan Ahmad hay DiMaggio và Powell với Lý thuyết thể chế. Trong đó, Lý thuyết thể chế đã lý giải mối quan hệ giữa hành vi của công ty và môi trường hoạt động của nó có thể bị ảnh hưởng bởi áp lực bên ngoài (DiMaggio và Powell, 1983; Oliver, 1991) [8; 16]. Sử dụng Lý thuyết thể chế, tác giả xác định được các yếu tố bên ngoài có tác động đến các quyết định và hành động của doanh nghiệp. Theo lý thuyết thể chế, tổ chức bị ảnh hưởng bởi ba cơ chế thể chế khác nhau: Áp lực từ các quy định của chính phủ; Áp lực từ công chúng; và Áp lực từ các công ty hàng đầu (DiMaggio và Powell, 2000). Nghiên cứu của Adebajo (2016) khẳng định các yếu tố bên ngoài có tác động mạnh mẽ đến việc thực thi quản lý bền vững và hiệu suất của doanh nghiệp và hiệu suất môi trường [1]. Vì vậy, những yếu tố bên ngoài mang vai trò quan trọng đối với các quyết định, hành vi của doanh nghiệp.

Trong các yếu tố bên ngoài, Chính sách của chính phủ luôn là yếu tố tiên quyết, là cơ sở cho sàn giao dịch Tín chỉ Carbon của các quốc gia vận hành và phát triển. Nghiên cứu của Luthra và các cộng sự (2017) đã chỉ ra chính sách của Chính phủ trong phát triển

hệ thống tiêu dùng và sản xuất bền vững là một trong những động lực then chốt ảnh hưởng đến việc áp dụng tiêu dùng và sản xuất bền vững (SCP) trong chuỗi cung ứng bằng cách ban hành các chính sách [12]. Nghiên cứu sử dụng phương pháp Grey-DEMATEL để chứng minh sự tác động của chính sách tới quyết định tiêu dùng xanh của doanh nghiệp kết hợp với định lượng và định tính. Tác giả Mont và Plepys (2008) trong một nghiên cứu về tiêu dùng bền vững có khẳng định Chính phủ là một trong những yếu tố chính trong việc giải quyết các vấn đề tiêu dùng bền vững [14]. Cụ thể, Chính phủ có vai trò quan trọng trong thúc đẩy và định hướng doanh nghiệp trong hoạt động xanh và phát triển bền vững với công cụ là các chính sách và quy định, luật lệ, chính sách thuế và trợ cấp nhằm định hướng nhu cầu khách hàng và doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất [14]. Ngoài ra, Chính phủ có thể đầu tư vào giáo dục, cơ sở hạ tầng giúp nâng cao nhận thức cho người tiêu dùng và doanh nghiệp về môi trường [14]. Theo Chipponi và Mukonza, Chính phủ mang vai trò then chốt trong phát triển nền kinh tế xanh khi thông qua các chính sách tạo ra môi trường thuận lợi hay hỗ trợ các doanh nghiệp xanh qua tài trợ, ưu đãi thuế và kỹ thuật, là những rào cản ban đầu của các doanh nghiệp trong phát triển bền vững [15]. Nghiên cứu của Đặng Viết Đạt và Hoàng Thị Quyên (2019) đã nhấn mạnh khuôn khổ pháp lý và chính sách là nhân tố then chốt trong mô hình nghiên cứu ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách tiêu dùng xanh của doanh nghiệp [20]. Nghiên cứu đã chỉ ra các quy định về vốn, ưu đãi thuế và trợ cấp

sẽ khuyến khích, thúc đẩy việc các doanh nghiệp chấp hành chính sách tiêu dùng xanh, giảm phát thải khí nhà kính [20].

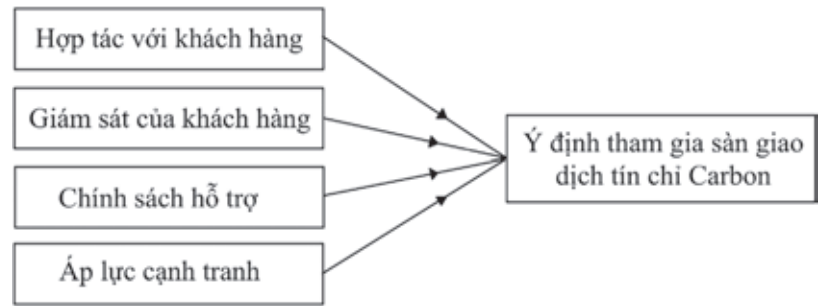
Trong một nghiên cứu của Carter và cộng sự (1998) đã chỉ ra áp lực từ khách hàng là yếu tố chủ chốt thúc đẩy mức độ các doanh nghiệp thực hiện mua sắm xanh [6]. Cụ thể, khách hàng có xu hướng tăng tiêu dùng xanh khi quan tâm tới tác động môi trường của sản phẩm và yêu cầu doanh nghiệp áp dụng các phương pháp sản xuất bền vững [11]. Kết quả tương tự với nghiên cứu của Henriques và Sadosky (1999) khi áp lực khách hàng được coi là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của các hoạt động vì môi trường của doanh nghiệp [10]. Tầm quan trọng của áp lực từ phía khách hàng (bao gồm cả người tiêu dùng và các nhà bán lẻ) trong việc thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các hoạt động quản lý môi trường và đầu tư xanh được J.G.Stead và W.E.Stead (1996) khẳng định [21]. Khách hàng ngày càng quan tâm tới tác động môi trường của bản thân và có xu hướng sử dụng các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường (Ageron, 2012) [2]. Điều này tạo động lực cho các công ty áp dụng hoạt động quản lý chuỗi cung ứng bền vững để đạt được sự hài lòng của khách hàng - kỳ vọng của việc áp dụng chiến lược bền vững [2]. Tseng và cộng sự (2013) nhận định khách hàng là yếu tố then chốt cho các quyết định, chính sách và chiến lược của doanh nghiệp [5]. Điều này cho thấy mối tương quan giữa khách hàng với các ý định của doanh nghiệp và khẳng định khách hàng là một nhân tố có sức ảnh hưởng lớn tới ý định của doanh nghiệp.

Tác giả Porter và Van de Linde (1995) cho rằng với các tiêu chuẩn

môi trường ngày càng khắt khe, sự đánh đổi cố định giữa chấp hành quy định môi trường và khả năng cạnh tranh sẽ nâng chi phí lên một cách không cần thiết và kiểm chế công cuộc bảo vệ môi trường [18]. Để tồn tại và phát triển trên thị trường, doanh nghiệp buộc phải đầu tư vào công nghệ xanh hay sử dụng nguyên liệu bền vững để đáp ứng quy định, chính sách và cả khách hàng về vấn đề môi trường [18]. Trong nghiên cứu của Henriques và Sadorsky (1999) về “Mối quan hệ giữa cam kết về môi trường và nhận thức của ban quản lý về tầm quan trọng của các bên liên quan” xác nhận rằng khi đối thủ cạnh tranh áp dụng công nghệ xanh, đồng nghĩa với việc thiết lập các tiêu chuẩn mới trong ngành, tạo ra áp lực thúc đẩy các doanh nghiệp khác nâng cao hoạt động phát triển xanh nhằm tránh bị bỏ lại phía sau [10]. Nghiên cứu của Craig R.Carter và cộng sự (2000) chỉ ra rằng các doanh nghiệp áp dụng chính sách mua sắm, tiêu dùng xanh để có thể đạt được lợi thế cạnh tranh và thị phần so với đối thủ [7]. Cụ thể, mua sắm xanh giúp cắt giảm chi phí sản xuất nhờ giảm thiểu lãng phí nguyên vật liệu và tối ưu các quy trình kém hiệu quả, tạo lợi thế cạnh tranh khi nâng cao hiệu quả về mặt chi phí và hiệu suất doanh nghiệp, việc giảm phát thải khí nhà kính còn giúp doanh nghiệp giảm chi phí về quy định môi trường [7]. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, điều này thúc đẩy các doanh nghiệp khác trong ngành áp dụng những chính sách tương tự để duy trì lợi thế. Nghiên cứu của Zhu và cộng sự (2005) cho kết quả tương đồng, khi nhận định rằng các doanh nghiệp Trung Quốc cũng chịu áp lực từ chiến lược xanh của đối thủ cạnh tranh [29]. Khi đối thủ áp dụng chiến lược Quản lý Chuỗi Cung Ứng Xanh và đạt được lợi thế cạnh tranh, doanh nghiệp buộc phải đưa ra các chiến lược tương tự để bắt kịp và lấy lại vị thế trên thị trường [29].

Theo mô hình CBT, (hoặc TRA) ý định hành vi của các cá thể, nhóm được thực hiện dựa trên môi trường hay nhận thức trong mối tương quan môi trường - cá nhân, do đó các yếu tố bên ngoài sẽ tác động tới nhận thức và ý định hành vi của các doanh nghiệp.

Như vậy từ các lập luận cũng như tổng quan trên, ta có mô hình ảnh hưởng mối quan hệ giữa các yếu tố tới ý định tham gia sàn giao dịch Tín chỉ Carbon.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Các giả thuyết được đặt ra:

Giả thuyết H1: Hợp tác với khách hàng trong các vấn đề môi trường có ảnh hưởng thuận chiều tới ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon (HT)

Giả thuyết H2: Giám sát của khách hàng đối với hoạt động môi trường có ảnh hưởng thuận chiều tới ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon (GS)

Giả thuyết H3: Pháp lý: Đánh giá chính sách hỗ trợ tham gia sàn giao dịch Tín chỉ Carbon có ảnh hưởng thuận chiều tới ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon (CT)

Giả thuyết H4: Áp lực cạnh tranh có ảnh hưởng thuận chiều tới ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon (CT)

Phương pháp nghiên cứu và mẫu khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện trên 303 các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghệ thông tin, Du lịch, Vận tải đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Lựa chọn mẫu thuận tiện được áp dụng trên phạm vi Hà Nội. Trong đó về lĩnh vực Sản xuất: có 48 doanh nghiệp (15,8%); về Xây dựng: 29 doanh nghiệp (9,6%); về Thương mại: 32 doanh nghiệp (10,6%); về Dịch vụ: 37 doanh nghiệp (12,2%); về Nông nghiệp: 80 doanh nghiệp (26,4%); về Lâm nghiệp: 15 doanh nghiệp (5%); về Thủy sản: 24 doanh nghiệp (7,9%); về Công nghệ thông tin: 14 doanh nghiệp (4,6%); về Du lịch: 14 doanh nghiệp (4,6%); về Vận tải: 10 doanh nghiệp (3,3%).

Các thang đo cho 4 yếu tố dựa trên các nghiên cứu trước đây (cả trong và ngoài nước) và đã được nhóm nghiên cứu tiến hành điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp với bối cảnh kinh doanh tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu

Sau khi thực hiện làm sạch dữ liệu, và đưa vào chạy định lượng hồi quy có kết quả như sau. Các thang đo trong mô hình nghiên cứu được xây dựng thông qua đánh giá độ tin cậy thang đo bằng phân tích Cronbach's Alpha, kiểm định thang đo bằng phân tích

hệ số tương quan giữa các biến, phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định các giả thuyết của mô hình với mức ý nghĩa 5%. Kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát đều đạt tiêu chí (hệ số Cronbach's Alpha ≥ 0.6 và hệ số tương quan biến tổng ≥ 0.3). Cả 4 yếu tố "Giám sát của khách hàng" (GS), "Giám sát của khách hàng" (GS), "Pháp lý" (PL), "Áp lực cạnh tranh" (CT) đều đạt với chỉ số Cronbach's Alpha lần lượt là 0.866, 0.707, 0.803, 0.751. Không có biến quan sát nào bị loại và sẽ được tiếp tục đưa vào phân tích hệ số tương quan giữa các biến.

Kết quả phân tích cho thấy có mối tương quan tuyến tính giữa các biến độc lập và ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon (YD). Cụ thể, Hợp tác với khách hàng (HT) và Giám sát của khách hàng (GS) có tương quan dương với YD (hệ số tương quan lần lượt là 0.439 và 0.449), cho thấy khi mức độ hợp tác và giám sát của khách hàng tăng lên, ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm Tín chỉ Carbon cũng tăng theo. Ngược lại, Pháp lý (PL) có tương quan âm với YD (-0.136), nghĩa là khi các yếu tố pháp lý được chú trọng hơn, ý định tham gia có xu hướng giảm. Áp lực cạnh tranh (CT) lại có tương quan dương với YD (0.272), cho thấy áp lực cạnh tranh càng cao thì ý định tham gia càng lớn. Tất cả các hệ số tương quan này đều có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.05$). Phân tích cũng cho thấy có sự tương quan giữa các biến độc lập với nhau. Đáng chú ý, HT có tương quan dương với GS (0.503) và CT (0.205), nhưng tương quan âm với PL (-0.155). GS cũng có tương quan âm với PL (-0.108). Mặc dù có tương quan giữa các biến độc lập, nhưng không có

cặp biến nào có hệ số tương quan vượt quá 0.7, cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng, đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính.

Bảng 1: Kết quả phân tích tương quan

		YD	HT	GS	PL	CT
YD	Pearson Correlation	1	.439**	.449**	-.136*	.272**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.018	.000
	N	303	303	303	303	303
HT	Pearson Correlation	.439**	1	.503**	-.155**	.205**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.007	.000
	N	303	303	303	303	303
GS	Pearson Correlation	.449**	.503**	1	-.108	.077
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.061	.183
	N	303	303	303	303	303
PL	Pearson Correlation	-.136*	-.155**	-.108	1	.037
	Sig. (2-tailed)	.018	.007	.061		.520
	N	303	303	303	303	303
CT	Pearson Correlation	.272**	.205**	.077	.037	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.183	.520	
	N	303	303	303	303	303

Bảng 2: Kết quả hồi quy lần 1 Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-3.194	1.391		-2.297	.022		
1 HT	.163	.048	.195	3.367	.001	.630	1.588
GS	.282	.062	.260	4.563	.000	.650	1.539
PL	-.025	.024	-.049	-1.043	.298	.959	1.043
CT	.203	.049	.195	4.132	.000	.945	1.058

a. Dependent Variable: YD

Bảng 3: Kết quả hồi quy lần 2 Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-3.863	1.234		-3.130	.002		
1 HT	.167	.048	.201	3.481	.001	.635	1.574
GS	.282	.062	.260	4.562	.000	.650	1.539
CT	.199	.049	.191	4.063	.000	.951	1.052

a. Dependent Variable: YD

Kết quả phân tích hồi quy lần 1 (Bảng 2) cho thấy các yếu tố “Hợp tác với khách hàng” (HT), “Giám sát của khách hàng” (GS) và “Áp lực cạnh tranh” (CT) đều có tác động dương và có ý nghĩa thống kê đến Ý định tham gia sàn giao dịch tín chỉ carbon (YD). Cụ thể, khi GS tăng 1 đơn vị, YD tăng 0.282 đơn vị; khi HT tăng 1 đơn vị, YD tăng 0.163 đơn vị; và khi CT tăng 1 đơn vị, YD tăng 0.203 đơn vị. Ngược lại, biến Pháp lý (PL) có tác động âm đến YD, tuy nhiên, tác động này không có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0.298 > 0.05). Do đó, PL sẽ bị loại khỏi mô hình ở lần hồi quy thứ hai để đảm bảo tính chính xác và tối ưu của mô hình. Tóm lại, kết quả hồi quy lần 1 cho thấy vai trò quan trọng của các yếu tố liên quan đến khách hàng (GS, HT) và áp lực cạnh tranh (CT) trong việc thúc đẩy ý định tham gia sàn giao dịch Tín chỉ Carbon của doanh nghiệp.

Kết quả phân tích hồi quy lần 2 (Bảng 3) cho thấy, khi phân tích sâu hơn về tác động của từng yếu tố, kết quả cho thấy cả ba yếu tố “Hợp tác với khách hàng” (HT), “Giám sát của khách hàng” (GS) và “Áp lực cạnh tranh” (CT) đều có tác động dương và ý nghĩa thống kê đến ý định tham gia sàn giao dịch Tín chỉ Carbon. Cụ thể, khi mức độ hợp tác với khách hàng tăng một đơn vị, ý định tham gia tăng 0.167 đơn vị. Tương tự, khi giám sát của khách hàng tăng một đơn vị, ý định tham gia tăng 0.282 đơn vị, và khi áp lực cạnh tranh tăng một đơn vị, ý định tham gia tăng 0.199 đơn vị. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các yếu tố liên quan đến khách hàng và áp lực từ thị trường trong việc thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào sàn giao dịch Tín chỉ Carbon.

Kết luận

Nghiên cứu đã chứng minh rằng các yếu tố như hợp tác với khách hàng trong các vấn đề môi trường, sự giám sát của khách hàng đối với hoạt động môi trường và áp lực cạnh tranh đều có tác động tích cực đến ý định tham gia sàn giao dịch tín chỉ Carbon. Điều này nhấn mạnh sự quan trọng của việc tích cực đầu tư xanh, áp dụng các sáng kiến xanh vào hoạt động của doanh nghiệp. Đó không chỉ là giải pháp hiệu quả trong xây dựng hình ảnh thương hiệu, duy trì mối quan hệ tin cậy giữa khách hàng và doanh nghiệp mà còn giúp doanh nghiệp tối ưu hóa doanh thu, giảm lãng phí tài nguyên và trên hết là góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, áp dụng các sáng kiến xanh vào hoạt động của doanh nghiệp còn mang tới cho doanh nghiệp lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, đặt ra tiêu chuẩn mới cho sản phẩm xanh, bảo vệ môi trường hoặc giúp doanh nghiệp bắt kịp với xu hướng tiêu dùng xanh của người tiêu dùng, lấy lại lợi thế trên thị trường, xa hơn là tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngoài ra, để thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng sáng kiến xanh hiệu quả, tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường cần được nhấn mạnh với người tiêu dùng để từ đây nâng cao ý thức trong lựa chọn sản phẩm khi yếu tố giám sát từ khách hàng có sức ảnh hưởng đáng kể. Kết quả của nghiên cứu này cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các doanh nghiệp và nhà quản lý trong việc xây dựng sàn giao dịch thí điểm tín chỉ Carbon cũng như phát triển thị trường Carbon tại Việt Nam. Đồng thời, mở ra hướng nghiên cứu mới để khám phá sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia sàn giao dịch tín chỉ Carbon trong bối cảnh ý thức môi trường được đang biệt quan tâm và xu hướng toàn cầu hóa là tất yếu. Tuy nhiên nghiên cứu còn hạn chế về phạm vi và nguồn lực, do đó còn chưa toàn diện

khi nghiên cứu chỉ dừng lại ở các yếu tố bên ngoài và tiếp cận tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội. Các nghiên cứu tương lai có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu ra nhiều yếu tố bên ngoài khác và hướng tới phạm vi nhiều doanh nghiệp lớn khi thị trường Carbon phổ biến tại Việt Nam và thế giới giúp vấn đề trở nên khách quan, toàn diện hơn.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Adebajo, D., Teh, P.-L., & Ahmed, P. K. (2016). The impact of external pressure and sustainable management practices on manufacturing performance and environmental outcomes. *International Journal of Operations & Production Management*, 36(9), 995-1013. <https://doi.org/10.1108/ijopm-11-2014-0543>
- [2] Ageron, B., Gunasekaran, A., & Spalanzani, A. (2012). Sustainable Supply management: an Empirical Study. *International Journal of Production Economics*, 140(1), 168-182. <https://doi.org/10.1016/j.ijpe.2011.04.007>
- [3] baochinhphu.vn. (2024, October 8). *WB nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam*. Baochinhphu.vn. <https://baochinhphu.vn/wb-nang-du-bao-tang-truong-gdp-cua-vietnam-102241008172435996.htm>
- [4] Bekkevold, J. I. (2020). The International Politics of Economic Reforms in China, Vietnam, and Laos. *The Socialist Market Economy in Asia*, 27-68. https://doi.org/10.1007/978-981-15-6248-8_2
- [5] Carolan, M. S. (2008). The Bright and Blind Spots of Science: Why Objective Knowledge is not Enough to Resolve Environmental Controversies. *Critical Sociology*, 34(5), 725-740. <https://doi.org/10.1177/0896920508093365>
- [6] Carter, C. R., & Carter, J. R. (1998). Interorganizational Determinants of Environmental Purchasing: Initial Evidence from the Consumer Products Industries. *Decision Sciences*, 29(3), 659-684. <https://doi.org/10.1111/j.1540-5915.1998.tb01358.x>
- [7] Carter, C. R., Kale, R., & Grimm, C. M. (2000). Environmental purchasing and firm performance: an empirical investigation. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, 36(3), 219-228. [https://doi.org/10.1016/S1366-5545\(99\)00034-4](https://doi.org/10.1016/S1366-5545(99)00034-4)
- [8] DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The Iron Cage Revisited: Institutional Isomorphism and Collective Rationality in Organizational Fields. *American Sociological Review*, 48(2), 147-160. <https://doi.org/10.2307/2095101>

[9] Environment, U.N. (2023, October 31). *Carbon Markets*. UNEP - UN Environment Programme. <https://www.unep.org/topics/climate-action/climate-finance/carbon-markets>

[10] Henriques, I., & Sadowsky, P. (1999). The Relationship Between Environmental Commitment and Managerial Perceptions of Stakeholder Importance. *Academy of Management Journal*, 42(1), 87-99. <https://doi.org/10.5465/256876>

[11] Klassen, R. D., & McLaughlin, C. P. (1993). TQM and Environmental Excellence in Manufacturing. *Industrial Management & Data Systems*, 93(6), 14-22. <https://doi.org/10.1108/02635579310040924>

[12] Luthra, S., Govindan, K., & Mangla, S. K. (2017). Structural model for sustainable consumption and production adoption—A grey-DEMATEL based approach. *Resources, Conservation and Recycling*, 125, 198-207. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2017.02.018>

[13] Minh Anh. (2024, April 26). *Gia Tăng Nhu Cầu Tiêu Dùng Sản Phẩm Xanh Tại Việt Nam*. Nhịp Sống Kinh Tế Việt Nam & Thế Giới. <https://vneconomy.vn/gia-tang-nhu-cau-tieu-dung-san-pham-xanh-tai-viet-nam.htm>

[14] Mont, O., & Plepys, A. (2008). Sustainable consumption progress: should we be proud or alarmed? *Journal of Cleaner Production*, 16(4), 531-537. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2007.01.009>

[15] Mukonza, C. (n.d.). *Analysis of Factors Influencing Green Entrepreneurship in South Africa*. Retrieved February 15, 2025, from https://collections.unu.edu/eserv/UNU:5926/WP_15122016_unuinra_chipo.pdf

[16] Oliver, C. (1991). Strategic Responses to Institutional Processes. *The Academy of Management Review*, 16(1), 145-179. <https://doi.org/10.2307/258610>

[17] Padmanabha Aital, & J.Prince Vijai. (2016, May 23). "Green" Supply Chain Management: Resource Allocation Strategies for Sustainable Operations. <https://doi.org/10.4018/978-1-5225-0350-7.ch001>

[18] Porter, M. E., & Linde, C. van der. (1995). Toward a New Conception of the Environment-Competitiveness Relationship. *Journal of Economic Perspectives*, 9(4), 97-118.

[19] Rao, Z., Li, P., & Bai, C. (2023). Unraveling the Impact of Carbon Markets on Corporate Green Technology Investment Behavior: an Evolutionary Game Approach from the Lens of Competitive Manufacturers. *Journal of the Knowledge Economy*. <https://doi.org/10.1007/s13132-023-01544-x>

[20] *Securly - Geolocation sharing*. (2025). ctu.edu.vn. <https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3324/495>

[21] Stead, J. G., & Stead, W.E. (2015). *Management for a Small Planet*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315702698>

[22] thanglong.chinhphu.vn. (n.d.). "Báo động đỏ" ô nhiễm không khí ở Thủ đô Hà Nội. <https://thanglong.chinhphu.vn/giai-phap-nao-cai-thien-o-nhiem-khong-khi-o-ha-noi-103240323020442481.htm>

[23] *The EU Emissions Trading System (EU ETS)*. (2016). https://climate.ec.europa.eu/system/files/2016-12/factsheet_ets_en.pdf

[24] Thị, P., & Hương, T. (2021). *TẠP CHÍ KHOA HỌC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NHẬN THỨC VỀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẦU TƯ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN*. http://thuvienlamdong.org.vn:81/bitstream/DL_134679/47133/1/2525-24965172021088.pdf

[25] Thị, V., Thùy, T., Đại, T., & Lao, H. (n.d.). Số 294 tháng 12/2021 ĐẤU TƯ XANH CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM. <https://ktpt.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2021/So%20294/380595.pdf>

[26] thuvienphapluat.vn. (2020, November 17). *Luật số 72/2020/QH14 Bảo vệ môi trường 2020*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-so-72-2020-QH14-Bao-ve-moi-truong-2020-431147.aspx>

[27] Tran. (2023). A cross-cultural comparison of organizational culture: evidence from academic libraries in Vietnam and China. *Global Knowledge, Memory and Communication*. <https://doi.org/10.1108/gkmc-02-2023-0072>

[28] World Health Organization. (2019, July 30). *Air pollution*. [Who.int; World Health Organization: WHO. https://www.who.int/health-topics/air-pollution](https://www.who.int/health-topics/air-pollution)

[29] Zhu, Q., Sarkis, J., & Geng, Y. (2005). Green supply chain management in China: pressures, practices and performance. *International Journal of Operations & Production Management*, 25(5), 449-468. <https://doi.org/10.1108/01443570510593148>

Chấm dứt đối đầu, chia rẽ, mở ra kỷ nguyên mới

Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, nhưng quá trình hội nhập đã được khởi động từ trước đó, như tham gia Hiệp ước Thân thiện và hợp tác, trở thành quan sát viên từ tháng 7/1992, cũng như tham gia nhiều hoạt động của ASEAN từ năm 1993.

Năm 1995 được coi là một trong những dấu mốc quan trọng nhất của ASEAN bởi đây là thời điểm chấm dứt sự nghi kỵ, chia rẽ, đối đầu, mâu thuẫn sâu sắc giữa Việt Nam với 6 thành viên ASEAN, tạo ra mối quan hệ, hợp tác chặt chẽ. Trước đó, khi thế giới phân chia thành 2 cực do Hoa Kỳ và Liên Xô (cũ) đứng đầu, ít chính khách và nhà phân tích chính trị nào trên thế giới có thể mừng tượng đến viễn cảnh Việt Nam - ASEAN, vốn là 2 thế lực đối đầu, chia rẽ, chuyển sang mối quan hệ hợp tác ngày càng gắn bó chặt chẽ, không thể tách rời, cộng sinh với nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức ASEAN đã mở ra cơ hội, tạo tiền đề để Lào và Myanmar gia nhập ASEAN vào tháng 7/1997 và 2 năm sau, năm 1999, Campuchia chính thức gia nhập "gia đình ASEAN", hình thành một cộng đồng như ngày nay với trên 675 triệu dân (chiếm gần 8% dân số thế giới), quy mô kinh tế đứng thứ 5 thế giới.

Đối với Việt Nam, quyết định gia nhập ASEAN 30 năm trước không chỉ đóng góp vào việc ổn định an ninh, chính trị chung của khu vực, khép lại một giai đoạn của nghi kỵ, đối đầu và phân rẽ, mà còn là sự khởi đầu để hội nhập với khu vực và thế giới. Có thể nói, nếu không có sự kiện ngày 28/7/1995, thì Việt Nam ngày nay không thể thiết lập được 9 mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong đó có 4 nước là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (Nga, Mỹ, Trung Quốc và Pháp), 19 đối tác chiến lược

VIỆT NAM - ASEAN

Dấu ấn ba thập kỷ sát cánh

Thu Hường

Năm 2025 đánh dấu cột mốc 30 năm Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Dấu mốc 30 năm không chỉ mở ra kỷ nguyên mới cho Việt Nam hội nhập với thế giới, mà còn đặt nền tảng cho một cộng đồng ASEAN đoàn kết, hợp tác và phát triển mạnh mẽ.

và 13 đối tác toàn diện, cùng 17 hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Nhìn lại 3 thập kỷ vừa qua, có thể thấy, Việt Nam ngày càng tham gia đóng góp quan trọng, trở thành nhân tố tích cực và có trách nhiệm với “gia đình ASEAN”. Từ một quốc gia nghèo đói, bị cô lập, cấm vận trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh, yếu thế trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam đã trở thành quốc gia có vị thế quan trọng trên chính trường quốc tế, trở thành nền kinh tế ở tầm trung thế giới; và từ một nước nông nghiệp lạc hậu, đã trở thành một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp,

cung ứng sản phẩm hàng hóa đến khắp nơi trên thế giới.

Dấu ấn Việt Nam trong ASEAN

Chỉ sau 2 năm gia nhập, vào năm 1997, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị không chính thức lần thứ hai của ASEAN tại Hà Nội. Tại đây, các lãnh đạo đã thông qua Kế hoạch Hành động Hà Nội và xác định Tầm nhìn ASEAN 2020 với nguyên tắc sống trong hòa bình, ổn định và thịnh vượng, liên kết với nhau trong mối quan hệ đối tác, phát triển năng động và đùm bọc lẫn nhau. Kế hoạch Hành động Hà Nội đặt nền móng cho việc tăng cường hợp tác vĩ mô và tài chính; tăng cường

hội nhập kinh tế lớn hơn bằng việc đẩy nhanh hơn tự do hóa thương mại, dịch vụ; hài hoà hải quan; thực hiện Hiệp định khung về đầu tư ASEAN; bảo đảm an ninh lương thực; thúc đẩy xây dựng năng lực và phát triển nguồn nhân lực; tăng cường hợp tác và cách tiếp cận chung trong các vấn đề quốc tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường hòa bình và an ninh trong khu vực...

Sau 1 năm, vào tháng 12/1998, Việt Nam đã đăng cai tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 (ASEAN Summit 6) với chủ đề: “Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN

hòa bình, ổn định và phát triển đồng đều”. Đây là Hội nghị thành công, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao khi các nhà lãnh đạo đồng thuận, nhất trí thông qua Tuyên bố Hà Nội và Chương trình Hành động Hà Nội, góp phần tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh hợp tác, khôi phục hình ảnh ASEAN và định hướng phát triển; Tuyên bố về các biện pháp mạnh mẽ để cải thiện môi trường đầu tư ASEAN, đồng thời thông qua 4 hiệp định hợp tác trên các lĩnh vực cụ thể và quyết định kết nạp Campuchia làm thành viên thứ 10.

Chương trình Hành động Hà Nội là định hướng quan trọng để thực hiện Tầm nhìn ASEAN; đẩy mạnh liên kết ASEAN, nhất là trong lĩnh vực kinh tế; tập trung trao đổi vấn đề nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, giúp các thành viên mới (Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia).

Năm 2010, Việt Nam lần đầu tiên giữ vai trò Chủ tịch ASEAN. Có thể nói, kể từ khi ASEAN được thành lập (ngày 8/8/1967), chưa có nước nào thành công như Việt Nam khi giữ vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2010. Chỉ riêng về vấn đề chính trị - an ninh, Việt Nam đã chủ động phối hợp với các thành viên triển khai Kế hoạch tổng thể về xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (ASPC), nhất là trong 14 lĩnh vực ưu tiên được đẩy mạnh, tăng cường đối thoại và hợp tác về các vấn đề chính trị - an ninh, nâng cao hiểu biết và tin cậy giữa các quốc gia, vì lợi ích chung là hòa bình, an ninh, hợp tác và phát triển ở khu vực. Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) tiếp tục hoạt động mạnh mẽ và được bổ sung với việc lập một số cơ chế mới như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng với các đối tác quan trọng (ADMM+), Hội nghị Những người

đứng đầu các cơ quan an ninh ASEAN (MACOSA) và Diễn đàn Biển ASEAN (AMF). Các công cụ bảo đảm hòa bình và an ninh khu vực tiếp tục được củng cố và phát huy tác dụng, nhất là Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC), Hiệp ước về Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ).

Đặc biệt, mặc dù vẫn còn những quan điểm chưa thật sự đồng thuận về lợi ích trên biển Đông, nhưng các bên vẫn ra được Tuyên bố về Cách ứng xử của các bên liên quan ở Biển Đông (DOC) đặt nền móng để xây dựng Bộ quy tắc ứng xử ở biển Đông (COC) làm nền tảng cho sự ổn định trong khu vực và thúc đẩy sự hiểu biết giữa các quốc gia tranh chấp.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã tạo dấu ấn mạnh với ASEAN khi quyết định mở rộng Hội nghị Cấp cao Đông Á lần thứ 5 (EAS-5) tại Hà Nội vào tháng 10/2010. EAS là một diễn đàn đối thoại về các vấn đề chiến lược, kinh tế và chính trị, bao gồm 10 nước ASEAN cùng Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand và Ấn Độ. EAS-5 là hội nghị đặc biệt, bởi ngoài 16 thành viên, còn có sự hiện diện của Liên bang Nga và Mỹ do ngoại trưởng Sergey Lavrov và Hillary Clinton dẫn đầu với tư cách là khách mời đặc biệt của nước chủ nhà - Việt Nam, mở đường để kết nạp Nga và Mỹ vào “ngôi nhà chung EAS”.

Năm 2020, Việt Nam tiếp tục được tin nhiệm làm Chủ tịch ASEAN lần thứ 2. Với những kinh nghiệm từ khóa Chủ tịch trước, Việt Nam đã chuẩn bị thực hiện trách nhiệm Chủ tịch ASEAN đầy khí thế và hưng phấn, với rất nhiều nội dung, kế hoạch, chương trình nghị sự đã được lập trình. Tuy nhiên, thách thức không thể lường trước là đại dịch Covid-19

bùng phát, khiến mọi hoạt động trên thế giới gần như ngưng trệ, khiến mọi kế hoạch bị đảo lộn. Trong hoàn cảnh khó khăn chưa từng có tiền lệ, Việt Nam đã kịp thời chuyển trạng thái hoạt động từ thực hiện các cuộc họp, thảo luận trực tiếp truyền thống sang trực tuyến, nên vẫn điều phối, duy trì được trạng thái hoạt động của ASEAN bình thường.

Với tinh thần “Gắn kết và chủ động thích ứng”, dưới sự điều phối của Chủ tịch ASEAN, các nước trong khu vực đã mạnh mẽ vượt qua, thực hiện thành công các mục tiêu ưu tiên hợp tác đã đề ra cho năm 2020, góp phần đưa ASEAN ngày càng trở nên đoàn kết, gắn kết, với khả năng tự cường và thích ứng cao hơn với đại dịch. Ngay cả trong “đại dịch thế kỷ”, dưới sự điều phối của Chủ tịch ASEAN, hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều tiến triển. Điển hình là việc ký kết thành công Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), hợp tác an sinh, xã hội tiếp tục được bảo đảm, quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn.

Việc chủ trì tổ chức suôn sẻ hàng loạt hội nghị quan trọng theo hình thức trực tuyến đã cho thấy thành công trong quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam, là minh chứng cho năng lực và khả năng sẵn sàng của Việt Nam trong thời đại kỹ nguyên số. Sau 25 năm tham gia ASEAN, Việt Nam đã trở thành một trong những thành viên nòng cốt, dẫn dắt, xây dựng và xác định các luật chơi trong nội khối và khu vực, trở thành một chỗ dựa vững chắc và tin cậy của các thành viên.

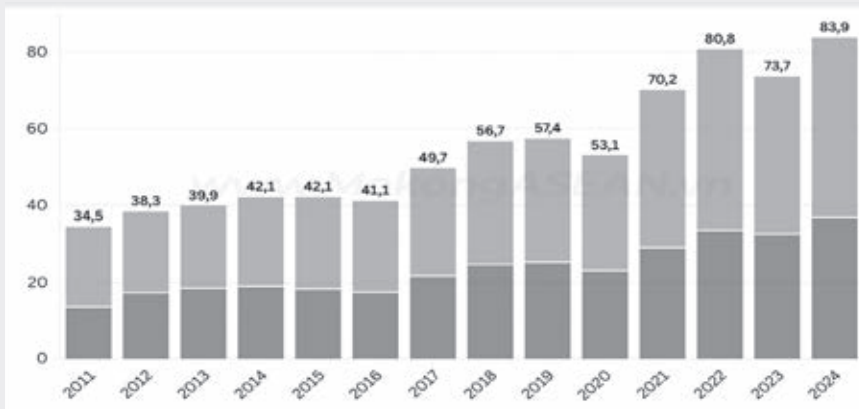
Việt Nam đã hoàn thành sứ mệnh Chủ tịch ASEAN năm 2020 theo cách chủ động nhất, trách nhiệm nhất, sáng tạo nhất,

bản lĩnh nhất và hiệu quả nhất. Việc hoàn thành sứ mệnh Chủ tịch ASEAN năm 2020 cho thấy, Việt Nam đã và đang phát huy bản sắc ngoại giao Việt Nam và “trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh”, luôn kiên trì, kiên định mục tiêu, nguyên tắc, song hết sức linh hoạt về sách lược - “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, luôn tìm cách biến “nguy” thành “cơ” thông qua cách tiếp cận chủ động, bản lĩnh và cách làm sáng tạo, cùng với sự chân thành, chính trực, luôn vì lợi ích và trách nhiệm chung.

Cùng với đó, Việt Nam cũng tích cực nâng cao hiệu quả hợp tác với ASEAN trên cả 3 trụ cột, trong đó coi hợp tác chính trị - an ninh là trọng yếu, thường xuyên, hợp tác kinh tế là trung tâm, hợp tác văn hóa - xã hội là nền tảng, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, địa phương, doanh nghiệp Việt Nam và các nước.

Hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và ASEAN đã phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong giai đoạn 2011 - 2021, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và ASEAN tăng từ 34,5 tỷ USD (năm 2011) lên 70,2 tỷ USD (năm 2021).

Xuất nhập khẩu Việt Nam - ASEAN giai đoạn 2011-2024



Đặc biệt, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và khối ASEAN lần đầu tiên đạt 83,9 tỷ USD trong năm 2024, cao nhất từ trước tới nay.

Việt Nam - ASEAN: Đồng hành vươn lên trong kỷ nguyên mới

Có thể thấy, những đóng góp nổi bật của Việt Nam trong gần 30 năm qua trong ASEAN cùng những thành tựu đạt được của đất nước trong gần 40 năm đổi mới đã trở thành cơ sở, động lực giúp Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong ASEAN thời gian tới.

Tại Diễn đàn Tương lai ASEAN - một sáng kiến của Việt Nam nhằm tạo ra khuôn khổ đối thoại mới về tương lai phát triển của ASEAN vào tháng 4/2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã khẳng định: “Việt Nam luôn coi ASEAN là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại, an ninh, kinh tế, quốc phòng, luôn nỗ lực hết mình vì Cộng đồng ASEAN đoàn kết, vững mạnh, có vai trò, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới”.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN 44, 45 với chủ đề “Thúc đẩy Kết nối và Tự cường” diễn ra vào đầu tháng 10/2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp tục nhấn mạnh, trong bối cảnh thế giới ngày càng biến động, ASEAN tiếp tục là điểm sáng kinh tế toàn cầu, là cầu nối của đối thoại, hợp tác và là tâm điểm của các tiến trình hội nhập, liên kết ở khu vực.

Các khuôn khổ về kinh tế số, kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn... đang từng bước định hình nội hàm hợp tác mới ở khu vực.

Thủ tướng Phạm Minh Chính đề nghị hơn lúc nào hết, ASEAN cần lấy tự cường làm nền tảng để vươn tầm, lấy kết nối làm trọng tâm để bứt phá và lấy đổi mới sáng tạo làm động lực để tiên phong dẫn dắt.

Đặc biệt, trong bối cảnh ASEAN đang chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới với tư duy mới, tầm nhìn mới, động lực mới và tâm thế mới, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh, tự cường và tự chủ chiến lược sẽ là nền tảng để ASEAN vững vàng trước mọi biến động; thúc đẩy kết nối bên trong kết hợp với kết nối bên ngoài, kết nối công - tư, kết nối đa lĩnh vực; đổi mới sáng tạo là sức bật và động lực chính cho ASEAN bắt kịp, tiến cùng và vượt lên với khu vực và thế giới.

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 44, 45 đã khép lại năm hợp tác ASEAN 2024 đầy ý nghĩa. Năm 2025 sắp tới, ASEAN dự kiến thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 cùng bốn kế hoạch chiến lược về chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội và kết nối. Đây là bước tiến hứa hẹn thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững không chỉ cho khu vực mà còn cho từng quốc gia thành viên.

Năm 2025 được coi là bản lề của giai đoạn mới này, Việt Nam đã và đang chuẩn bị cho dấu mốc kỷ niệm 30 năm gia nhập ASEAN, đồng thời sẵn sàng đóng góp nhiều hơn nữa và hiệu quả hơn nữa cho tiến trình liên kết, thúc đẩy tâm điểm tăng trưởng và hợp tác khu vực, vì mục tiêu chung là hòa bình, an ninh, ổn định và phát triển bền vững./.

CHUYỂN DỊCH THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Cơ hội và thách thức

Minh Huyền

Thế kỷ 21 chứng kiến những thay đổi sâu rộng về thương mại toàn cầu khi dòng chảy thương mại được định hình và hướng trọng tâm đến châu Á, mở ra cơ hội lớn cho các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Xu hướng dịch chuyển thương mại toàn cầu có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam, đem lại không chỉ cơ hội mà còn cả những thách thức không nhỏ.

Từ khóa: Thương mại, toàn cầu, chuyển dịch, chuỗi cung ứng, sản xuất...

Abstract: The 21st century witnessed profound changes in global trade with trade flows shaped and focused on Asia, opening up great opportunities for countries in the region, including Vietnam. The trend of global trade shifts has a strong impact on the Vietnamese economy, bringing not only opportunities but also significant challenges.

Keywords: Trade, global, transition, supply chain, production...

Việt Nam nằm trong tâm điểm chuyển dịch thương mại toàn cầu tại châu Á

Trong hai thập kỷ qua, thế giới chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ trong dòng chảy thương mại. Sau khoảng thời gian gián đoạn vì đại dịch, chuỗi cung ứng toàn cầu dần quay trở lại quỹ đạo, các hoạt động và nhu cầu có những chuyển biến đáng kể. Đáng chú ý, khu vực châu Á được nhận định đang ở trong thời kỳ hoạt động ngoại thương phục hồi mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Từ sự thống trị của các nền kinh tế phương Tây, thương mại toàn cầu ngày càng tập trung vào khu vực này; châu Á được đánh giá là động lực chính của nền kinh tế thế giới trong thế kỷ 21. Sự chuyển dịch của dòng chảy thương mại chịu tác động bởi nhiều yếu tố, từ sự thay đổi chuỗi cung ứng, chính sách thương mại, đến sự phát triển của các nền kinh tế mới nổi, trong đó Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển thương mại sang châu Á.

Việt Nam hiện đang nổi lên như một trung tâm sản xuất, cung ứng quan trọng nhờ vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nhân lực trẻ và chính sách mở cửa kinh tế. Cụ thể, từ Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận các thị trường lớn ở châu Á, đồng thời là cầu nối giao thương với nhiều quốc gia trên thế giới. Dân số trên 100 triệu người, lực lượng lao động dồi dào, chi phí lao động có tính cạnh tranh cao đem lại những lợi thế để thu hút các doanh nghiệp muốn tối ưu hóa chi phí. Việt Nam hiện đứng thứ 9 trong số 60 quốc gia trong Tổng chỉ số nguồn nhân lực của ManpowerGroup (Mỹ), qua đó cho thấy, Việt Nam sở hữu lực lượng lao động đáng tin cậy và có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Ngoài ra, Chính phủ triển khai thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư nước ngoài, nhờ đó, Việt Nam ngày càng có sức hấp dẫn đối với các doanh nghiệp quốc tế.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2024, xuất khẩu hàng hóa Việt Nam liên tục ghi nhận dấu mốc

kỷ lục mới với kim ngạch tăng trưởng ấn tượng. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ghi dấu mốc mới với 405,53 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, tăng 14,3% so với năm trước. Các ngành hàng xuất khẩu chủ lực như: Dệt may, da giày, điện tử, nông sản, chế biến gỗ... đều tăng trưởng mạnh và đóng góp lớn vào kim ngạch chung của cả nước. Cùng với đó, các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo có sự chuyển biến rõ nét về chất lượng và giá trị gia tăng, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu đi nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các hiệp định thương mại tự do như: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA) cùng với hàng loạt FTA song phương và đa phương đã góp phần thúc đẩy Việt Nam tham gia sâu hơn

vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Nhiều tập đoàn lớn đã đầu tư mạnh vào các nhà máy sản xuất cũng như dịch chuyển hoạt động sản xuất sang Việt Nam, trong đó không thể không nhắc đến những cái tên nổi bật như: Samsung, Nike, Adidas, Intel...

Năm 2024, Việt Nam thu hút lượng vốn FDI lớn từ các tập đoàn hàng đầu thế giới như: Samsung, LG, Intel và nhiều doanh nghiệp đến từ châu Âu. Các khu công nghiệp tại Bắc Ninh, Hải Phòng, Bình Dương... trở thành các trung tâm sản xuất chiến lược. Với 282 dự án FDI được đầu tư và thực hiện, trong năm 2024, Việt Nam đón nhận 1,28 tỷ USD vốn đăng ký cấp mới và 2,72 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh. Trong đó, các địa phương như: Đồng Nai, Bắc Ninh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thái Bình, Tây Ninh là những điểm đến thu hút vốn nhiều nhất cả nước.

Dữ liệu mới đây từ nhà cung cấp dịch vụ thông tin tài chính hàng đầu thế giới S&P Global Market Intelligence (Mỹ) cho biết, Việt Nam đã trở thành điểm đến hàng đầu để các công ty dịch chuyển sản xuất và sự dịch chuyển này nhằm bảo vệ chuỗi cung ứng không bị gián đoạn. Theo đó, Việt Nam đã vượt qua Mexico trở thành nước dẫn đầu trong xu hướng "nearshoring" (các công ty chuyển hoạt động sản xuất, dịch vụ và hậu cần từ một quốc gia xa sang các quốc gia lân cận).

Đem lại cơ hội lớn cùng những thách thức mới

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Trung Quốc hiện vẫn là "công xưởng của thế giới", chiếm khoảng 30% sản lượng nguồn cung toàn cầu. Quốc gia này sở hữu những lợi thế cạnh tranh nổi bật như cơ sở hạ tầng tương đối

hoàn thiện, trình độ nhân lực cao và có khả năng hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, với xu hướng dịch chuyển của một số chuỗi giá trị ra khỏi Trung Quốc trong những năm gần đây (chiến lược Trung quốc +1), các doanh nghiệp lớn toàn cầu đã, đang và tiếp tục tìm kiếm những lựa chọn ngoài Trung Quốc để di chuyển các nhà máy sản xuất. Và Việt Nam đang là điểm đến lý tưởng với khoảng cách địa lý gần, nhân công có tay nghề với chi phí cạnh tranh và cơ sở hạ tầng đang được đầu tư phát triển mạnh mẽ.

Dịch chuyển thương mại đã thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp ở Việt Nam, từ các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày đến các ngành công nghệ cao như điện tử, sản xuất linh kiện. Việt Nam có cơ hội không chỉ là điểm đến lắp ráp mà còn phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp nội địa phải đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), cải thiện năng lực sản xuất và tăng cường liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi công nghệ và kỹ thuật sản xuất tiên tiến. Việc thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực như linh kiện điện tử, cơ khí chính xác và vật liệu mới được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài.

Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất sẽ giúp Việt Nam cạnh tranh tốt hơn trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp có thể tận dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), tự động hóa và phân tích dữ liệu lớn để nâng cao hiệu suất sản xuất, giảm chi phí

và tối ưu hóa quản lý chuỗi cung ứng. Đặc biệt, các công nghệ như in 3D, robot công nghiệp và sản xuất thông minh có thể giúp Việt Nam bắt kịp xu hướng công nghiệp 4.0, từ đó tăng khả năng cạnh tranh với các nền kinh tế phát triển khác. Ngoài ra, việc triển khai các nền tảng số hóa trong quản lý sản xuất và logistics cũng góp phần tăng cường tính minh bạch, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhanh hơn nhu cầu của thị trường quốc tế.

Việt Nam còn có cơ hội tham gia sâu hơn, trở thành điểm nhấn rõ nét hơn nữa trong bức tranh toàn cảnh của thương mại thế giới. Các hiệp định thương mại và xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng là cơ hội để Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc tham gia các hiệp định CPTPP, EVFTA và RCEP, CEPA, VIFTA... không chỉ giúp Việt Nam giảm thuế xuất khẩu mà còn tạo điều kiện tiếp cận các thị trường lớn như: EU, Mỹ, Nhật Bản, Australia và các thị trường mới như: Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Israel, tạo bước đệm hướng đến thị trường Trung Đông và châu Phi. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng mạng lưới đối tác toàn cầu để mở rộng thị trường, nâng cao tiêu chuẩn sản xuất theo chuẩn quốc tế, từ đó gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu. Sự đa dạng hóa chuỗi cung ứng cũng giúp Việt Nam tránh phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, giảm rủi ro và gia tăng tính bền vững trong dài hạn.

Bên cạnh những cơ hội rộng mở, Việt Nam cũng phải đối diện với không ít thách thức từ xu hướng dịch chuyển thương mại. Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, tận dụng lợi thế để phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, gia công, hướng đến xuất khẩu của các nước: Ấn Độ,

Thái Lan và Indonesia, Malaysia cũng đặt Việt Nam vào cuộc đua cạnh tranh khốc liệt. Nhiều ngành công nghiệp Việt Nam vẫn chưa thể tự chủ về nguồn nguyên liệu, dẫn đến rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Các ngành sản xuất như dệt may, da giày, điện tử hiện vẫn phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước khác. Khi có biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giá nguyên vật liệu tăng cao hoặc việc vận chuyển bị gián đoạn có thể ảnh hưởng lớn đến năng lực sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam.

Ngoài ra, Việt Nam cũng đứng trước thách thức về áp lực hạ tầng và nhân lực. Nhất là khi sự gia tăng đầu tư FDI đòi hỏi phải cải thiện hệ thống hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện đại. Việc mở rộng và nâng cấp hạ tầng giao thông, điện lưới, mạng lưới logistics là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững. Thêm vào đó, lực lượng lao động Việt Nam cần được nâng cao về kỹ năng và tay nghề, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ, kỹ thuật cao và quản lý sản xuất.

Để tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu thách thức, cần có các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện một số khuyến nghị sau: (1) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp, hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài để đào tạo lao động chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại. (2) Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, logistics để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư. (3) Đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đẩy mạnh đổi mới công nghệ nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. (4) Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ để tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nguyên liệu trong nước và hợp tác với các đối tác khu vực để đa dạng hóa nguồn cung. (5) Mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro khi phụ thuộc vào một số thị trường nhất định, giúp tăng cường khả năng cạnh tranh và khai thác tiềm năng mới. (6) Chú trọng đến các vấn đề môi trường, phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên./

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2024, Tổng cục Thống kê;
2. "Khởi sắc thương mại Việt Nam năm 2024", Tạp chí Con số và Sự kiện, <https://consosukien.vn/khoi-sac-thuong-mai-viet-nam-nam-2024.htm>.

Triển khai Chương trình MTQG 1719, tỉnh Phú Thọ đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, chung tay, góp sức của các tầng lớp Nhân dân để thực hiện hiệu quả Chương trình. Trong giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn huy động, phân bổ thực hiện Chương trình MTQG 1719 tại tỉnh Phú Thọ là 1.736 tỷ đồng. Toàn Tỉnh đã giải ngân trên 560 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và trên 200 tỷ đồng vốn sự nghiệp (bao gồm cả vốn Trung ương và địa phương). Đến nay, 100% xã có điện lưới quốc gia; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào DTTS và miền núi của Tỉnh năm 2023 đạt 37,4 triệu đồng/người; hộ nghèo giảm 1,3%; người DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%.

Tại huyện Thanh Sơn, nơi có 61% dân số là đồng bào DTTS, từ nguồn vốn 219 tỷ đồng của Chương trình MTQG 1719, huyện đã linh hoạt lồng ghép và đầu tư xây dựng 159 công trình hạ tầng thiết yếu. Trong đó, làm mới trên 12 km đường giao thông; cải tạo, nâng cấp trên 159 km đường; xây mới 46 cây cầu, 241 công trình thủy lợi... Cùng với đó, huyện hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho 1.879 hộ dân; sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Khả Cửu; hỗ trợ người dân phát triển kinh tế với hàng trăm mô hình kinh tế đổi rừng quy mô lớn... Nhờ đó, đến cuối năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện Thanh Sơn giảm còn 7,69%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn 7,64%.

Tại huyện Tân Sơn, năm 2024 huyện được giao gần 223 tỷ đồng để thực hiện Chương trình MTQG 1719. Đến nay, việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án cơ bản đảm bảo theo kế hoạch đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Nhiều mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình MTQG 1719 đã đạt kết quả khả quan.



Thông qua các chính sách hỗ trợ từ Chương trình MTQG 1719 nhiều hộ dân huyện Yên Lập có thêm nguồn lực phát triển mô hình nuôi dê thương phẩm cho hiệu quả kinh tế cao

PHÚ THỌ TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI



Từ sự vận động của người có uy tín, nhiều người dân xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn đã tích cực tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Mường

Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn I từ năm 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 (Chương trình MTQG 1719) là quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển toàn diện vùng DTTS&MN. Tại tỉnh Phú Thọ, Chương trình này đang được tích cực triển khai, từng bước thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của Tỉnh.

Đặc biệt, hạ tầng giao thông như cầu, đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông nông thôn cơ bản đã đảm bảo thông suốt, 100% các xã có đường nhựa đến trung tâm; tỷ lệ giao thông nông thôn được cứng hóa đạt 86,5%; tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố 95,7%; duy trì 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Đến hết năm 2023, thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 34 triệu đồng, tăng khoảng 14 triệu đồng so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 1,7%; tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS giảm 1,94% (đến năm 2023)...

Tại huyện Yên Lập, trong giai đoạn 2021-2025, Huyện triển khai 10 dự án nằm trong Chương trình 1719 với tổng vốn đầu tư trên 264 tỷ 305 triệu đồng. Với sự quyết tâm cao, sau hơn 3 năm triển khai Chương trình 1719 và các chương trình khác, kinh tế-xã hội của huyện ngày càng phát triển góp phần không nhỏ trong việc nâng cao

đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào DTTS trên địa bàn.

Theo số liệu thống kê, từ năm 2023 đến nay, huyện Yên Lập đã hỗ trợ 70 hộ dân xây mới nhà ở; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 302 đối tượng; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.035 hộ... Đặc biệt, Yên Lập đã đầu tư xây dựng 2 công trình hạ tầng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư xã Mỹ Lương và Lương Sơn; 5 công trình xây dựng nhà lớp học, ký túc xá, nhà công vụ và các công trình phụ trợ tại Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Trung Sơn A; Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS; 3 công trình điểm du lịch trải nghiệm di sản, điểm du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN gắn với di tích lịch sử tại xã Mỹ Lương, Xuân An, Minh Hòa. Chương trình còn phát huy hiệu quả rõ nét với các chính sách dân tộc được thực hiện đúng, đủ, kịp thời giúp ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG 1719

Bên cạnh những kết quả đạt được, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của Chương trình MTQG 1719 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vẫn còn thấp. Điển hình như ở Tân Sơn, theo báo cáo của UBND huyện, một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần chưa rõ về cơ chế thực hiện, hết đối tượng, do vậy phải đề nghị điều chỉnh nguồn vốn; nhiều nội dung quy định, hướng dẫn còn chậm. Hiện nay, Huyện đang khó khăn trong việc bố trí vốn đối ứng đối với nguồn vốn, danh mục dự án thuộc thẩm quyền huyện phân bổ. Một số phòng, ban chuyên môn của huyện còn thiếu cán bộ nên thực hiện công việc hiệu quả chưa cao. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023 chưa đạt kế hoạch đề ra...

Theo Lãnh đạo UBND huyện Tân Sơn: Để bảo đảm tiến độ giải ngân Chương trình MTQG 1719, Huyện đang tập trung chỉ đạo các xã được đầu tư từ Chương trình

tiến hành các thủ tục triển khai thực hiện những dự án thành phần theo đúng hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ. Đồng thời, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng, Người uy tín trong đồng bào DTTS. Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động đồng bào hăng hái tham gia phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại Nhà nước, chung tay, góp sức thực hiện có hiệu quả Chương trình.



Chè Long Cốc, huyện Tân Sơn được hái thủ công bằng tay vào sáng sớm khi trời còn sương, tránh ánh nắng gắt để chè không bị héo và mất đi vị ngọt, tạo thương hiệu chè đặc sản

Theo Lãnh đạo UBND tỉnh Phú Thọ, nguồn lực của Trung ương trong việc triển khai Chương trình MTQG 1719 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động lớn tới sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS ở địa phương. Do đó, việc tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư đang là vấn đề bức thiết.

Trước mắt, UBND tỉnh Phú Thọ sẽ triển khai các giải pháp đồng bộ huy động tối đa mọi nguồn lực để tập trung hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và miền núi. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền trong thực hiện các dự án của Chương trình. Kịp thời ban hành kế hoạch, văn bản hướng dẫn; đồng thời, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai Chương trình.

Với những kết quả đạt được, Phú Thọ phấn đấu đến năm 2030 thu nhập bình quân của đồng bào DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm 2%/năm. Tỉnh đặt mục tiêu trên 54% số xã và 50% thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn; 100% xã vùng đồng bào DTTS có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông hóa; trên 80% thôn, bản vùng đồng bào DTTS có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 55% lao động trong độ tuổi là người DTTS, người Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được đào tạo nghề./.

P.V

Với mục tiêu nâng cao tỷ lệ khám, chữa bệnh và chất lượng dịch vụ y tế, nhất là ở tuyến cơ sở, từ Đề án “Nâng cao năng lực hoạt động ngành Y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030” do UBND tỉnh Phú Thọ ban hành, Sở Y tế đã chủ động xây dựng Kế hoạch “Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng sự hài lòng người bệnh giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030”. Song song với đó là cụ thể hóa thực hiện các mục tiêu được nêu trong Đề án, chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính toàn diện, phù hợp với từng giai đoạn và thực trạng của từng đơn vị, đáp ứng nhu cầu được chăm sóc sức khỏe ngày càng cao với chi phí hợp lý của mọi người dân trên địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Nhờ đó, ngành Y tế Phú Thọ đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, cụ thể: Tổng số lượt khám, chữa bệnh trung bình hằng năm tăng 12%; Tổng số lượt điều trị nội trú trung bình hằng năm tăng 15,5%; Tổng số lượt khám, điều trị ngoại trú trung bình hằng năm tăng 13,5%; Tổng số phẫu thuật từ loại 3 trở lên trung bình hằng năm tăng 15%; Ngày điều trị trung bình là 5,94 ngày...

Công tác khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) được các cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện nghiêm túc. Người bệnh khi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế được thụ hưởng 100% chi phí khám, chữa bệnh từ quỹ BHYT. Trong 5 năm qua, ngành Y tế Phú Thọ đã phối hợp với các ngành, các địa phương triển khai ủng hộ để mua thẻ BHYT tặng cho các đối tượng người nghèo, hoàn cảnh khó khăn và người DTTS. Số tiền vận động đóng góp được qua các năm, cụ thể: Năm 2021 trên 962 triệu đồng; năm 2022 là 974,24 triệu đồng; năm 2023 là 943,4 triệu đồng và năm 2024 trên 910,14 triệu đồng.

Tất cả các cơ sở y tế trực thuộc Sở đã xây dựng, triển khai hiệu quả kế hoạch khám, chữa bệnh từ xa và khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình với mục tiêu tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế đến tất cả người dân, mở ra cơ hội lớn cho người bệnh tại cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng cao do các bác sĩ/chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm ở tuyến Tỉnh, Trung ương hỗ trợ, tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc cho người dân.

Thực hiện chủ trương về phát triển toàn diện y dược cổ truyền, tăng cường kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại nhằm bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới,

Ngành Y tế tỉnh Phú Thọ

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH CHO NHÂN DÂN

Trong những năm qua, hệ thống y tế của tỉnh Phú Thọ luôn được quan tâm đầu tư, phát triển cả về quy mô và chất lượng từ tuyến Tỉnh đến tuyến cơ sở, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn Tỉnh cũng như người dân ở các tỉnh vùng lân cận.



Cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy được đầu tư đồng bộ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh

Sở Y tế Phú Thọ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1260/KH-UBND, ngày 02/4/2024 về phát triển Y dược cổ truyền tại y tế cơ sở trên địa bàn Tỉnh giai đoạn đến năm 2030, với mục tiêu tăng tỷ lệ khám, chữa bệnh y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại ở tất cả các tuyến: Đến năm 2025, tuyến huyện đạt 25% và tuyến xã đạt 30%; Đến năm 2030: tuyến huyện đạt 30% và tuyến xã đạt 40%.

Bên cạnh các giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn để duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh cho đồng bào DTTS, Sở Y tế Phú Thọ đã tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND, ngày 09/10/2022 về quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế làm việc tại các cơ sở y tế

công lập thuộc địa bàn tỉnh Phú Thọ. Nghị quyết là căn cứ pháp lý quan trọng để Sở Y tế Phú Thọ tham mưu UBND tỉnh, phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, đoàn thể và chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn Tỉnh thực hiện tốt các chính sách y tế trong giai đoạn tiếp theo, đảm bảo 100% các Trạm y tế xã trong toàn Tỉnh có bác sĩ làm việc. Công tác đào tạo cán bộ y tế người DTTS luôn được Sở Y tế tỉnh Phú Thọ quan tâm. Tính đến 30/6/2024, số cán bộ y tế là người DTTS được đào tạo các chuyên ngành ở tuyến Tỉnh là 268 người, tuyến huyện là 49 người, tuyến xã là 11 người.

Đội ngũ nhân viên y tế thôn bản được củng cố và phát triển mạnh mẽ với 100% các thôn/bản có nhân viên y tế hoạt động, để thực hiện tuyên truyền hướng dẫn

đồng bào DTTS cách phòng bệnh, từ các cầu nối nhân viên y tế thôn bản các dịch vụ y tế đến được sâu, rộng hơn với người dân, đặc biệt là người DTTS. Hiện, Sở Y tế Phú Thọ có 39 cơ sở y tế triển khai khám, chữa bệnh BHYT (23 bệnh viện và trung tâm y tế; 16 phòng khám đa khoa và bệnh xá cơ quan). Đối với tuyến xã, đến nay có 100% Trạm Y tế tuyến xã đã triển khai hoạt động khám, chữa bệnh BHYT, cung cấp những dịch vụ khám, chữa bệnh BHYT cơ bản nhất cho người dân ngay tại cơ sở, tạo điều kiện để người dân được thụ hưởng các lợi ích mang lại ngay gần nơi sinh sống/làm việc khi tham gia BHYT, góp phần giảm quá tải cho các cơ sở y tế tuyến trên.

Tuy đã đạt được những thành quả nhất định, song ngành Y tế Phú Thọ mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Y tế; Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo và đầu tư hơn nữa cho y tế cơ sở. Đặc biệt, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và có chính sách thu hút cán bộ làm việc, chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho cán bộ y tế đang làm việc tại các trạm y tế. Quan tâm hơn nữa đội ngũ y tế thôn, bản là người DTTS và các thôn, bản có đồng bào DTTS sinh sống, là mục tiêu then chốt góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn từ nay đến năm 2030./.

Trọng Nghĩa

NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ: TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

Phùng Quốc Lập

Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, đồng chí Phan Trọng Tấn - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh trao Huân chương Độc lập hạng Ba cho ngành GD&ĐT Phú Thọ

Phát huy những thành tích đã đạt được trong nhiều năm qua, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ đã không ngừng đổi mới, sáng tạo trong thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch năm học 2023-2024 và đạt được những kết quả nổi bật.

Theo đó, quy mô, mạng lưới, loại hình trường, lớp phát triển hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của con em Nhân dân trong Tỉnh. Tính đến hết năm học 2023-2024, toàn Tỉnh có 889 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên được bố trí phù hợp trên địa bàn 13 huyện, thị, thành. Trong đó, có 845 cơ sở giáo dục công lập, 44 cơ sở giáo dục tư thục. So với năm học 2020-2021, đã sắp xếp giảm 32 trường công lập, giảm được 96 điểm/khu lẻ và tăng 3 trường tư thục.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu tổ chức dạy và học. Toàn Tỉnh hiện có 11.834/12.579 phòng học kiên cố, đạt tỷ lệ 96,6% (tăng gần 5,4% so với năm 2020).

Việc đầu tư cơ sở vật chất từng bước đáp ứng điều kiện để tăng cường huy động trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường; duy trì, củng cố nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non cho trẻ em 5 tuổi; thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học. Tính đến hết năm 2024, Phú Thọ đã được công nhận PCGD trẻ mầm non 5 tuổi, PCGD Tiểu học mức độ 3, PCGD THCS mức độ 2 và phổ cập xóa mù chữ mức độ 2; số trường công lập đạt chuẩn Quốc gia của Tỉnh là 835/845, đạt tỷ lệ 98,82%, vượt chỉ tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, cao hơn tỷ lệ bình quân chung của cả nước là 23%. Thiết bị dạy học trong các trường mầm non, phổ thông được chú trọng đầu tư mua sắm theo hướng đồng bộ hóa kết hợp với tăng cường trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý đã từng bước phát huy hiệu quả cho hoạt động dạy và học, tổ chức các hoạt động giáo dục.

Để chuẩn bị tốt các điều kiện và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 đảm bảo đúng tiến độ, có chất lượng. Sở đã tích cực hưởng ứng phương châm hành động của Chính phủ "Hội tụ trí tuệ - Hướng tới tương lai" gắn với chủ đề năm học "Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo". Sở đã tiếp tục chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình, sách giáo khoa Giáo dục Phổ thông 2018 đối với cấp Tiểu học (lớp 1, 2, 3, 4), cấp THCS (lớp 6, 7, 8), cấp THPT (lớp 10, 11); đồng thời chuẩn bị tổ chức thực hiện đối với lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng là: "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

Nhờ đó, tại các đấu trường cấp quốc gia và khu vực, Ngành đều gặt hái được nhiều thành tích đáng ghi nhận, tiếp tục được khẳng định vị trí trong топ các tỉnh, thành dẫn đầu toàn quốc. Cụ thể: Tại sân chơi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp Quốc gia, có 30 học sinh tham gia và đạt thành tích xuất sắc, với 01 giải Thám Hoa, 05 giải Nhất, 11 giải Nhì, 05 giải Ba, 08 giải Khuyến khích. Giao lưu viết chữ đẹp cấp quốc gia đoạt 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích. Tham gia các sân chơi giao lưu trực tiếp và qua mạng internet

đạt kết quả xuất sắc, có 4672 lượt học sinh đạt giải cấp Tỉnh, 246 lượt học sinh đạt giải cấp quốc gia, 279 lượt học sinh đạt giải ở các sân chơi mạng tính định hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

Tại kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia lớp 12 THPT, Phú Thọ đứng thứ 13 Toàn quốc với 71 giải (trong đó, có 02 giải Nhất, 12 giải Nhì, 24 giải Ba và 33 giải Khuyến khích); 01 Huy chương Bạc (Olympic Hóa học Quốc tế Mendeleev) tại cuộc thi Olympic khu vực và quốc tế; 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng Cuộc thi Sinh học Trung học danh tiếng Hoa Kỳ (USABO). Tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, điểm bình quân các môn thi của Tỉnh đạt 7.10 điểm, xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố (đây là lần thứ 4 liên tiếp Phú Thọ xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố); tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,93%; tỷ lệ đối sánh giữa điểm trung bình các môn thi với điểm trung bình cả năm Phú Thọ thuộc top 10 tỉnh, thành phố có tỷ lệ chênh lệch thấp nhất. Trong kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2024, điểm trung bình của tỉnh Phú Thọ xếp thứ 7/53 tỉnh, thành tham gia (tăng 8 bậc so với năm 2023).

Phong trào thể dục, thể thao cũng được Ngành hưởng ứng rất tích cực. Tại Hội khỏe Phù Đổng khu vực I năm 2024, Sở đạt 29 Huy chương Vàng, 20 Huy chương Bạc và 49 Huy chương Đồng; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc tại Hải Phòng đạt kết quả cao với 08 Huy chương (1 Huy chương Vàng môn Điền kinh; 1 Huy chương Bạc, 3 Huy chương Đồng ở môn Bóng bàn; 3 Huy chương Đồng ở môn Điền kinh, Cầu lông và võ Vovinam), thuộc top 10/63 tỉnh, thành phố có thành tích tốt nhất. Ngoài ra, Sở còn Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức thành công Gameshow “Khát Vọng Lạc Hồng” mùa 2 năm 2023. Năm học 2023-2024 tiếp tục triển khai có hiệu quả và tích cực tham gia Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo Trung ương, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức, Phú Thọ đứng thứ 2 cả nước về số thí sinh dự thi và là 01 trong 10 tỉnh, thành phố được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Phú Thọ đang tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, công tác quản lý, quản trị nhà trường, duy trì chất lượng giáo dục các cấp học, chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu đưa ngành Giáo dục Phú Thọ đứng trong top đầu Toàn quốc./

PHÚ THỌ: TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH - ĐỘNG LỰC GIẢM NGHÈO, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Thanh Tĩnh

Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội
CN tỉnh Phú Thọ

Những năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn, song Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) Chi nhánh tỉnh Phú Thọ nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nguồn vốn tín dụng chính sách (TDCS) tại tỉnh Phú Thọ đã trở thành động lực, nguồn lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, đem lại sức sống mới cho Nhân dân địa phương.



Tổng Giám đốc Dương Quyết Thắng trao tặng Giấy khen của NHCSXH cho các tập thể, cá nhân

Năm 2024, NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đã chủ động bám sát chỉ đạo từ Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam và Nghị quyết của Ban đại diện Hội đồng quản trị (HĐQT) NHCSXH các cấp, tập trung triển khai hiệu quả các hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Dù còn gặp nhiều khó khăn, hệ thống NHCSXH từ cấp tỉnh đến huyện vẫn nỗ lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thành công Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng thời đảm bảo giải ngân kịp thời nguồn vốn tín dụng chính sách đến hộ nghèo và các đối tượng thụ hưởng khác.



Cán bộ Ngân hàng CSXH huyện Thanh Sơn triển khai giải ngân cho các đối tượng được vay vốn tại xã Văn Miếu

Theo kế hoạch tín dụng năm 2024, NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đã tích cực huy động và giải ngân vốn đúng lộ trình. Cụ thể, tính đến ngày 31/12/2024, tổng nguồn vốn hoạt động của Chi nhánh đạt 6.609.944 triệu đồng, tăng 9,71% so với năm 2023. Trong đó, nguồn vốn huy động từ Trung ương cấp bù lãi suất đạt 827.343 triệu đồng, nguồn vốn nhận ủy thác từ địa phương đạt 136.727 triệu đồng.

Nhờ nguồn vốn tín dụng ưu đãi, trong năm 2024, có 34.639 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách đã được tiếp cận vốn vay, tăng 2.421 lượt so với năm 2023. Nguồn vốn này không chỉ giúp nhiều hộ gia đình phát triển kinh tế mà còn tạo việc làm cho 3.981 lao động, hỗ trợ 79 đối tượng chính sách mua hoặc xây sửa nhà ở xã hội, giúp 94 người vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài. Đồng thời, hỗ trợ 664 học sinh, sinh viên có điều kiện trang trải chi phí học tập, 120 hộ gia đình có người chấp hành xong án phạt tù vay vốn tái hòa nhập cộng đồng và 39.774 công trình cấp nước sạch, vệ sinh hộ gia đình nông thôn được xây mới, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an sinh xã hội.

Tính đến cuối năm 2024, nguồn vốn tín dụng ưu đãi đã giúp tỷ lệ hộ nghèo toàn Tỉnh giảm xuống còn 3,72% (tương đương 15.983 hộ, giảm 0,72%), hộ cận nghèo giảm còn 3,08% (13.212 hộ, giảm 0,52%). Những kết quả này không chỉ giúp cải thiện và nâng cao đời sống người dân mà còn góp phần quan trọng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đồng thời giữ vững an ninh chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bên cạnh công tác tín dụng, NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ chú trọng đẩy mạnh truyền thông về hoạt động tín dụng chính sách. Trong năm 2024, Chi nhánh đã thực hiện tổng cộng 558 tin, bài và phóng sự, vượt 124% kế hoạch đề ra, tăng 1,3 lần so với năm 2023. Đây là một nỗ lực lớn nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về các chính sách hỗ trợ

của Nhà nước, giúp người dân hiểu rõ hơn về các cơ hội vay vốn ưu đãi. Công tác truyền thông cũng góp phần vào việc triển khai hiệu quả các Chương trình tín dụng chính sách tại địa phương.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song hoạt động TDSC trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vẫn đối mặt với một số khó khăn nhất định. Tuy các huyện hoàn thành 100% kế hoạch tăng trưởng ủy thác tại địa phương, nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách huyện chuyển sang trong năm tại một số đơn vị còn thấp hơn bình quân chung của Tỉnh. Nguồn vốn huy động tiền gửi tiết kiệm từ tổ chức, cá nhân cũng chưa thực sự bền vững và ổn định. Về công tác sử dụng vốn, bình quân dư nợ TDCS cấp huyện, cấp xã và Tổ TK&VV dù có tăng so với năm 2023, song vẫn thấp hơn so với bình quân chung toàn quốc. Hơn nữa, chất lượng ủy thác giữa các đơn vị cũng chưa đồng đều, hiệu quả ủy thác chưa cao. Ngoài ra, một số đơn vị huyện có số lượng sản phẩm truyền thông còn thấp.

Năm 2024, có thể khẳng định NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đã nỗ lực khắc phục các hạn chế và tiếp tục phát huy các thành tích đạt được. Bước sang năm mới 2025, NHCSXH tỉnh Phú Thọ xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp tổ chức, triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Song song với đó, Chi nhánh tập trung huy động các nguồn lực, đảm bảo chuyển tải kịp thời, an toàn mọi nguồn vốn về đúng đối tượng thụ hưởng.

Bên cạnh đó, công tác truyền thông sẽ tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao hiểu biết và nhận thức của cộng đồng về các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước. Đặc biệt, Chi nhánh sẽ tập trung truyền thông về Chỉ thị số 39-CT/TW, cùng với các chương trình hoạt động trong năm thứ ba thực hiện Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030. Ngoài ra, việc tuyên dương các điển hình tiên tiến trong hệ thống NHCSXH giai đoạn 2020-2025 cũng sẽ là một nhiệm vụ quan trọng, giúp động viên và khuyến khích các cá nhân, đơn vị trong Ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ và đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Năm 2025 sẽ là một năm đầy thử thách nhưng cũng là cơ hội để NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng cộng đồng thịnh vượng và góp phần tích cực xóa đói, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương./.

Huyện Tân Sơn:

THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Tân Sơn (Phú Thọ) là huyện miền núi, địa phương có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm tới 83,5% dân số toàn Huyện. Với xuất phát điểm thấp, trình độ dân trí không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo cao, hệ thống cơ sở hạ tầng hạn chế... song thời gian qua, huyện Tân Sơn đã thực hiện có hiệu quả các Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG), góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương...

Những thành tựu kinh tế - xã hội nổi bật

Trong giai đoạn 2021-2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tân Sơn; sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong huyện, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tân Sơn lần thứ IV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã đạt được những kết quả quan trọng.

Huyện tập trung phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, đặc thù theo chuỗi liên kết sản xuất cho giá trị kinh tế cao: Hình thành các vùng liên kết sản xuất chè đạt 56 ha; Số lượng đàn gà nhiều cựa thương phẩm trong nhóm hộ liên kết tăng mạnh so với năm 2020, đạt bình quân 20.000 con/năm, dự kiến đến năm 2025 sẽ đạt chỉ tiêu 30.000 con/năm; phát triển rừng sản xuất: Trồng và chuyển hóa rừng gỗ lớn đạt 3.562 ha, bình quân 891 ha/năm, vượt kế hoạch đề ra. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn Huyện, giai đoạn 2021-2025, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tay nghề, kỹ năng cho lao động nông thôn, doanh nghiệp, HTX.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo, dạy nghề đạt 58,8%, tăng 7% so với năm 2020. Các chính sách an sinh xã hội được Huyện triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Tổng nguồn lực huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt đến nay đạt 96,9% kế hoạch, tỷ lệ đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 80,7%, vượt 0,7% mục tiêu đề ra; hạ tầng đô thị đảm bảo tiêu chí đô thị loại V, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông, chính quyền điện tử phát triển mạnh: Tỷ lệ phủ sóng viễn thông và truyền hình đạt 100%, UBND huyện và 17/17 xã được đầu tư, bố trí bộ phận một cửa đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; hạ tầng điện đã đảm bảo tỷ lệ hộ được sử dụng

điện lưới đạt 100%; Hạ tầng giáo dục đào tạo được củng cố và tăng cường, tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia duy trì 100%.

Các công trình trọng điểm của Huyện được đầu tư xây dựng; tỷ lệ trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt 100%, tỷ lệ học sinh được đến trường lớp đảm bảo 100%, các thôn đều đảm bảo có nhà sinh hoạt cộng đồng. Công tác quản lý nhà nước của chính quyền hoạt động hiệu quả; cải cách hành chính đạt kết quả tích cực. Thành lập thị trấn Tân Phú theo Nghị quyết số 1282/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Huyện ổn định.

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình Mục tiêu quốc gia

Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Sơn trong thời gian qua đã được Huyện ủy, HĐND - UBND huyện quan tâm chỉ đạo sát sao, hiệu quả. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do nền tảng kinh tế, xã hội thấp, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn, song huyện Tân Sơn



Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ Bùi Văn Quang kiểm tra tiến độ Dự án đường giao thông kết nối phát triển du lịch đồi chè Long Cốc

đã huy động được sự vào cuộc tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự đoàn kết thống nhất của cả hệ thống chính trị và đặc biệt là sự đồng thuận, chung sức của các tầng lớp Nhân dân, từ đó đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Đến nay, Huyện đã có 03 xã đạt 19/19 tiêu chí về nông thôn mới, trong đó xã Minh Đài được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2018, xã Long Cốc và Văn Luông dự kiến được công nhận năm 2025; các xã khác trên địa bàn Huyện đều đạt từ 10 tiêu chí trở lên. Hiện, có 39 khu được công nhận khu dân cư nông thôn mới, 01 khu đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, chương trình có nhiều chính sách đa dạng và địa bàn triển khai bao phủ rộng, trải dài trên địa bàn huyện Tân Sơn với: 10 dự án, 13 tiểu dự án và các nội dung chính sách thành phần.

Trong 4 năm qua (2021-2024), tổng nguồn lực để triển khai Chương trình đối với huyện Tân Sơn hơn 495 tỷ đồng, trong đó, ngân sách Trung ương hơn 403 tỷ đồng. Đến nay, sau gần 4 năm thực hiện, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình đã đi vào vận hành tương đối tốt, kết quả triển khai thực hiện Chương trình năm 2024 có nhiều chuyển biến tích cực. Bức tranh vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn Huyện thay đổi tốt hơn.

Các nguồn lực, chính sách của Chương trình đã và đang tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh như kết nối đường giao thông, các công trình tưới tiêu phục vụ sản xuất, các công trình tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, sinh hoạt văn hóa; hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm, góp phần giải quyết việc làm ổn định cho một lực lượng lao động trên địa bàn; thông qua đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm và thực hiện có hiệu quả.

Đến hết năm 2024, thông qua Chương trình, huyện Tân Sơn đã hỗ trợ về nhà ở cho 298 hộ; xây dựng hoàn thành 279 căn nhà; Hỗ trợ chuyển đổi nghề 897 hộ mua máy móc nông cụ, dụng cụ. Đầu tư xây dựng 8 danh mục dự án nước sinh hoạt tập trung. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 333 hộ. Xây dựng và hỗ trợ 45 Dự án đa dạng hóa sinh kế cộng đồng với 1.123 hộ dân tham gia... Nhìn chung, việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn Huyện đã góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đời sống bà con ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm 1,7%. Dự kiến đến năm 2025 có 4 xã, 40 khu dân cư ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn./.

T.N

Quan tâm chăm lo trường nội trú

Với sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, năm học 2023-2024, trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) THCS huyện Tân Sơn đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về mọi mặt hoạt động và được UBND tỉnh tặng Cờ đơn vị Xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2023-2024.

Trường PTDTNT THCS Tân Sơn - Nơi ươm mầm những tài năng trẻ của đồng bào vùng sâu, vùng xa. Cùng với sự chuyển mình vươn lên của giáo dục Tỉnh nhà, các em học sinh ở trường PTDTNT THCS Tân Sơn được học tập và rèn luyện trong môi trường tương đối đảm bảo cơ sở vật chất. Để thực hiện nhiệm vụ nuôi và dạy con em các dân tộc cho địa phương, các em trong diện chính sách, hộ nghèo... thời gian qua, Nhà trường đã nỗ lực vượt mọi khó khăn, từng bước vươn lên và đạt được những thành quả đáng tự hào.

Năm học 2023-2024, Trường có 8 lớp với 279 học sinh (chủ yếu là con em đồng bào dân tộc Mường, Dao, Mông) và 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chất lượng thi vào trung học phổ thông xếp thứ 01/18 trường trong Huyện, chất lượng khảo sát lớp 9 do Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ tổ chức đứng thứ 4 trên toàn Huyện, chất lượng thi năng khiếu cấp huyện đứng thứ 3 toàn Huyện. Học sinh khối 9 tốt nghiệp đạt 100%, học sinh khối 6,7,8 tỷ lệ lên lớp lần 1 đạt 100%. Kết quả xếp loại học lực của học sinh: Giỏi 7,5%; Khá 50,9%; Trung bình 41,6%, không có học sinh yếu.

Bên cạnh đó, trường PTDTNT THCS Tân Sơn được công nhận đạt chuẩn Quốc gia năm 2020. Kết quả học sinh đạt giải qua các kỳ cấp THCS: Năm học 2022-2023, cấp huyện có 68 em, cấp tỉnh có 8 em; năm học 2023-2024, cấp huyện 72 em, cấp tỉnh 10 em. Đáng chú ý, kỳ thi chọn Học sinh giỏi cấp Tỉnh lớp 9 THCS năm học 2023-2024, trường PTDTNT THCS Tân Sơn đoạt 4 giải, trong đó có 1 giải Ba (môn Ngữ văn), 3 giải Khuyến khích (môn Hóa học, Vật lý, Địa lý).

Ghi nhận những kết quả đạt được, năm học 2021-2022 trường PTDTNT THCS Tân Sơn được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ; năm học 2022-2023 đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc;



Khai mạc giải bóng đá thiếu niên Trường PTDT bán trú THCS Thu Cúc



NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TÂN SƠN: Tập trung chăm lo giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Năm học 2023-2024, ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn (Phú Thọ) đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong công tác dạy và học, nền nếp kỷ cương trường học được giữ vững, trang thiết bị cơ sở vật chất tiếp tục được tăng cường, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao. Công tác quản lý có nhiều đổi mới, chỉ tiêu năm học hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đề ra, các cuộc vận động và các phong trào thi đua đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đội ngũ nhà giáo cũng như cán bộ quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh khen thưởng đơn vị Xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2023-2024.

Phát huy hiệu quả trường bán trú nơi vùng xa

Những năm gần đây, mô hình trường Phổ thông dân tộc bán trú được triển khai trên địa bàn huyện Tân Sơn, nhất là các xã vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Việc thực hiện mô hình trường Phổ thông dân tộc bán trú đã tiếp thêm động lực cho học sinh có điều kiện tốt hơn để học tập, góp phần không nhỏ thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Tân Sơn.

Trường Phổ thông Dân tộc bán trú (PTDTBT) THCS Thu Cúc cũng là một trường có nhiều nỗ lực trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh bán trú. Thầy giáo Đinh Trung Kiên - Hiệu trưởng Nhà trường chia sẻ: Trong môi trường bán trú, việc đảm bảo sức khỏe cho học sinh là điều quan trọng. Chính vì vậy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm, lựa chọn nhà cung cấp thực phẩm có uy tín, có nguồn gốc, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, phòng chống dịch bệnh lây qua đường ăn uống. Giữ vệ sinh cá nhân, nhà ăn, nhà bếp, khu chế biến bảo đảm



Học sinh Trường PTDTNT THCS huyện Tân Sơn tham gia các tiết mục biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2024

sạch sẽ, đồng thời hướng dẫn các em thực hiện tốt nội quy nhà ăn, cách tự chăm sóc bản thân, chăm sóc sức khỏe, biết tạo lập mối quan hệ trong nhà trường, gần gũi, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau...

Năm học 2024-2025 trường PTDTBT THCS Thu Cúc có 765 học sinh, với 19 lớp, 38 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Học sinh chủ yếu là con em dân tộc thiểu số với 650/765 học sinh, chiếm tỷ lệ 84,9%, trong đó có 116 học sinh bán trú. Gia đình các em đa số thuộc hộ nghèo, trình độ dân trí còn hạn chế, nhiều phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con em mình nên các em có nhiều thiệt thòi.

Để thực hiện tốt công tác bán trú, Ban Giám hiệu trường PTDTBT THCS Thu Cúc phân công cho các giáo viên đứng lớp kiêm nhiệm và xây dựng lịch sinh hoạt, học tập hàng ngày cho học sinh. Tổ chức

quản lý giờ giấc, hướng dẫn các em đi vào nền nếp trong sinh hoạt. Giáo viên phụ trách bán trú, ngoài nhiệm vụ giảng dạy, thường xuyên gần gũi, thân thiện, giúp đỡ các em trong sinh hoạt hàng ngày, chia sẻ, tìm hiểu, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của học sinh,... giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, giúp các em yên tâm học tập.

Có thể nói, với những nỗ lực của Chính quyền và ngành Giáo dục địa phương cùng các chính sách đầu tư đã giúp chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nơi đây ngày càng ổn định và nâng cao, hệ thống các trường PTDT nội trú và PTDT bán trú ở huyện Tân Sơn đã từng bước phát triển, khẳng định vị trí quan trọng trong việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số./

Minh Hằng

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 02/2025 (688) Ra hàng tháng. Năm thứ 64

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị tập huấn phiếu bảng kê hộ và trang trại trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Điều tra doanh nghiệp năm 2025

3. Tổng cục Thống kê làm việc với Đoàn chuyên gia của Quỹ Tiền tệ quốc tế

4. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Ngành Thống kê trong giai đoạn hiện nay

Trần Thị Luyến

KINH TẾ - XÃ HỘI

5. Việt Nam nâng cao vị thế hướng tới trở thành nền kinh tế thu nhập cao

ThS. Cấn Thị Thùy Linh - ThS. Ngô Thị Luyến

8. Hy vọng về vụ mùa bội thu xuất khẩu năm 2025

ThS. Trần Phương Thảo - ThS. Phạm Thị Thu Hiền

11. Công nghiệp ICT Việt Nam ghi dấu ấn đậm nét trên bản đồ công nghệ thế giới

TS. Đỗ Ngọc Trâm

14. Công nghệ trong định hình nguồn nhân lực

ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh

16. Đánh thức giá trị di sản văn hóa đất Việt

Bích Ngọc

19. Huế: Động lực mới, sức bật mới của "thành phố trẻ"

Trúc Linh

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

22. Đào tạo nguồn chất lượng nhân lực cao ưu tiên của các nước có thu nhập trung bình

ThS. Hà Thị Kim Dung

25. Tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến quá trình khởi nghiệp của thanh niên Việt Nam

TS. Nguyễn Danh Nam

30. Hà Nội: Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến ý định tham gia sàn giao dịch thí điểm tín chỉ carbon của các doanh nghiệp vừa và nhỏ

**TS. Nguyễn Quỳnh Hoa - Nguyễn Quỳnh Ngân
Lê Minh Hải - Đỗ Quang Huy**

QUỐC TẾ

37. Việt Nam - ASEAN: Dấu ấn ba thập kỷ sát cánh

Thu Hoàng

40. Chuyển dịch thương mại toàn cầu: Cơ hội và thách thức

Minh Huyền

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO ĐTTT VÀ MIỀN NÚI TỈNH PHÚ THỌ

42. Phú Thọ tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

44. Ngành Y tế tỉnh Phú Thọ: Tăng cường công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân

Trọng Nghĩa

46. Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ: Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Phùng Quốc Lập

47. Phú Thọ: Tín dụng chính sách - Động lực giảm nghèo, thúc đẩy phát triển bền vững

Nguyễn Thanh Tĩnh

49. Huyện Tân Sơn: Thực hiện hiệu quả các Chương trình Mục tiêu quốc gia

50. Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn: Tập trung chăm lo giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Minh Hằng

CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ: ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Trần Ngọc Hà

Phó Giám đốc Công ty Điện lực Phú Thọ



Cán bộ Điện lực Thanh Sơn tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả tại khu Mỹ Á – Xã Thu Cúc

Trong 4 năm vừa qua, Công ty Điện lực Phú Thọ đã có nhiều thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội trên địa bàn Tỉnh. Năm 2024, sản lượng điện dự kiến đạt 4,17 tỷ kWh; tốc độ tăng điện thương phẩm bình quân hằng năm là 10%/năm; điện thương phẩm bình quân trên đầu người dân tỉnh Phú Thọ đến cuối năm 2024 ước là 2.574 kWh/người/năm. Thực hiện phương châm “Điện đi trước một bước”, Công ty đã đầu tư, mở rộng hạ tầng điện lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư, tạo nền tảng phát triển công nghiệp. Bên cạnh đó, nhiệm vụ đưa điện về nông thôn, miền núi cũng hoàn thành tốt. Tính đến nay, 196/196 xã trên địa bàn Tỉnh đã có điện lưới quốc gia với 100% hộ dân có điện. Toàn bộ các xã đã đạt Tiêu chí số 4 về điện trong xây dựng nông thôn mới, khẳng định hiệu quả đầu tư của ngành Điện.

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã và đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Nhờ đó, chỉ số tiếp cận điện năng đã giảm 1,27 ngày so với quy định, xuống còn 3,73 ngày. Đồng thời, việc đa dạng hóa các hình thức dịch vụ và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt đã giúp 96,19% khách hàng thực hiện thanh toán điện tử một cách nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, 12 dịch vụ điện trực tuyến đã được tích hợp trên Cổng

Dịch vụ công Quốc gia, bao gồm cấp điện mới, thay đổi công suất, vị trí thiết bị đo đếm, mục đích sử dụng điện,... mang lại sự thuận lợi tối đa cho khách hàng.

Trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Công ty đã chủ động áp dụng công nghệ vào quản lý, vận hành lưới điện và chăm sóc khách hàng. Trong công tác quản lý nội bộ, Công ty đã hình thành Văn phòng điện tử Doffice và thực hiện ứng dụng các phần mềm trong quản lý và sản xuất kinh doanh. Ứng dụng đó không chỉ góp phần tăng năng suất lao động mà còn tối ưu chi phí. Về vận hành lưới điện, từ năm 2019, Trung tâm điều khiển xa Phú Thọ đã được đưa vào hoạt động. Nhờ vậy, toàn bộ 17/17 trạm biến áp 110kV trên địa bàn Tỉnh đã được đưa vào vận hành không người trực, nâng cao đáng kể độ tin cậy cung cấp điện. Trong đó, trạm biến áp 110kV Phú Hà là trạm biến áp kỹ thuật số đầu tiên tại miền Bắc.

Mặt khác, với hệ thống SCADA, các thiết bị trên lưới điện được giám sát và điều khiển từ xa, đem đến sự an toàn tuyệt đối. Ngoài ra, Công ty còn triển khai mạch vòng DMS phát hiện và xử lý sự cố tự động, đồng thời lắp đặt công tơ điện tử thông minh nhằm tối ưu hóa quản lý sử dụng điện. Tính đến hết tháng 12/2024, tỷ lệ công tơ điện tử đo xa đạt 91,09%; phấn đấu hết năm 2025, 100% hệ thống đo đếm điện năng được tự động hóa. Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin hợp lý, chất lượng dịch vụ của Công ty đã được nâng cao, các chi phí liên quan cũng được tiết kiệm đáng kể.

Thông qua việc thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Đảng bộ Công ty Điện lực Phú Thọ đã trở thành Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 04 năm liên tiếp. Công ty liên tục nỗ lực không ngừng để đảm bảo cung cấp điện ổn định, thông suốt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt

ở vùng sâu, vùng xa, tiếp cận với lưới điện. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã tham mưu cho Tỉnh xây dựng Phương án phát triển mạng lưới cấp điện tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đồng thời, Công ty cũng xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch đầu tư cải tạo lưới điện hằng năm và theo từng giai đoạn 5 năm, 10 năm, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt và thực tế địa phương. Trong giai đoạn 2021-2024, Công ty đã hoàn thành xây dựng thêm 03 trạm biến áp 110kV với 7 máy biến áp 110kV, tổng công suất tăng thêm là 406MVA; 333 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 64.420kVA; 281 km đường dây trung áp và 468 km đường dây hạ áp. Những kết quả này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cung cấp điện mà còn đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương qua từng năm.

Ngoài đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của Nhân dân, Công ty Điện lực Phú Thọ còn góp sức xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2024, toàn Tỉnh đã có 100% xã đạt Tiêu chí về điện và 100% hộ dân nông thôn sử dụng điện lưới quốc gia. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá hiện trạng lưới điện, đề xuất phương án đầu tư, huy động vốn và giám sát thực hiện. Với các xã chưa đạt yêu cầu, Công ty đề xuất phương án đầu tư cải tạo, huy động vốn và cơ chế tổ chức thực hiện. Song song đó, Tỉnh cũng cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát các đơn vị bán lẻ điện trên địa bàn. Có như vậy, các tiêu chí về kỹ thuật và an toàn mới có thể được đảm bảo.

Với những kết quả đạt được, đây là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu điện năng ngày càng cao của tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG - PHÚ THỌ

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024

- 1 Công tác tuyển sinh và đào tạo được tổ chức đồng bộ, chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng đào tạo của Nhà trường được nâng cao. Tuyển sinh năm 2024 đạt gần 2000 chỉ tiêu Đại học hệ chính quy các ngành.
- 2 Ký kết hợp tác hiệu quả với nhiều đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước; đảm bảo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tổ chức trao đổi đào tạo hàng trăm lượt sinh viên với các trường đại học trong và ngoài nước.



Trường Đại học Hùng Vương ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Phenikaa

- 3 Tổ chức Ngày hội tuyển dụng, tư vấn việc làm cho sinh viên tốt nghiệp năm 2024 với hơn 100 đơn vị, doanh nghiệp tham gia và hơn 1000 vị trí việc làm đã được ký kết.
- 4 Các chương trình đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương được đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo Thông tư 04/2016 của Bộ GD&ĐT (Chương trình các ngành: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)



Đoàn đánh giá ngoài và Trường Đại học Hùng Vương ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức (các chương trình được đánh giá đạt kết quả tốt).

- 5 Tổ chức thành công Hội thảo Khoa học quốc tế ICTA 2024 "Những vấn đề mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Truyền thông". Năm 2024 có 206 bài báo khoa học được đăng (160 bài trong nước và 46 bài quốc tế). 02 nhóm giảng viên đạt giải nhất cuộc thi các công trình, giải pháp tại Hội thi sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Phú Thọ năm 2024.



Trường Đại học Hùng Vương trao cờ luân lưu đăng cai Hội thảo khoa học quốc tế ICTA năm 2025 cho Viện Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- 6 Sinh viên HVU đạt nhiều giải cao tại các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế: 04 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba và 01 giải Khuyến khích tại kỳ thi Olympic Toán học sinh và sinh viên toàn quốc; Huy chương Bạc tại giải Vô địch Wushu; giải Nhất cuộc thi tài năng hùng biện tiếng Trung toàn quốc.
- 7 Sinh viên đạt nhiều giải cao trong NCKH toàn quốc: Hai giải pháp sáng tạo kỹ thuật của ĐHHV đạt giải và được vinh danh tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc; đạt giải cao tại cuộc thi "Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp lần thứ VI" và Chung kết cuộc thi SVSTARTUP - Ngày hội khởi nghiệp quốc gia học sinh, sinh viên lần thứ VI.
- 8 Hai giảng viên trẻ được công nhận học hàm Phó Giáo sư năm 2024: TS. Phạm Thanh Loan - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Ứng dụng & Phát triển - PGS ngành Sinh học; TS. Phạm Thị Thu Hường - Trưởng Bộ môn Quản trị kinh doanh Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh - PGS ngành Kinh tế.



TS. Hoàng Công Kiên - Chủ tịch hội đồng trường và TS. Đỗ Khắc Thanh - Hiệu trưởng trao Giấy chứng nhận chức danh PGS và tặng hoa chúc mừng cho 02 Tân Phó Giáo sư.



- 9 Giảng viên: TS. Bùi Thị Loan - Trưởng bộ môn Tâm lý Giáo dục là 1/251 nhà giáo được Bộ Giáo dục và Đào tạo vinh danh là nhà giáo tiêu biểu năm 2024.



Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn trao bằng vinh danh Nhà giáo tiêu biểu năm 2024 cho Tiến sĩ Bùi Thị Loan